DEPOCEN
Development and Policies Research Center
better informed, better decisions

PHÂN TÍCH CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT VỀ HỘI

Nhóm nghiên cứu:

Nhạc Phan Linh - Nguyễn Thị Phương Mai

Đỗ Hoàng My - Nguyễn Duy Phương - Nguyễn Đào Phan

Hà Nội, tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN 4
PHẦN 1 - GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU 5
1.1. Giới thiệu chung 5
1.2. Phương pháp nghiên cứu 6
1.3. Mô tả về mẫu khảo sát 7
1.3.1. Mẫu khảo sát định lượng 7
1.3.2. Mẫu khảo sát định tính 8
1.4. Thuận lợi và khó khăn 8
1.4.1. Thuận lợi 8
1.4.2. Khó khăn 9
PHẦN 2 - NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT VỀ HỘI 10
2.1. Các cơ quan Nhà nước 12
2.1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam 12
2.1.2. Quốc hội 12
2.1.3. Chính phủ 13
2.2. Các tổ chức đoàn thể 15
2.2.1. Các tổ chức chính trị - xã hội 15
2.2.2. Các hội đặc thù (Tổ chức Chính trị – Xã hội – Nghề nghiệp) 15
2.2.3. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp 16
2.3. Nhóm các tổ chức xã hội 17
2.3.1. Các tổ chức phi Chính phủ 17
2.3.2. Các đối tác phát triển 18
2.4. Cơ quan Báo chí, truyền thông 18
2.5. Hội không có tư cách pháp nhân, các tổ chức cộng đồng (CBO); Người dân và các diễn đàn cá nhân 19
2.5.1. Hội không có tư cách pháp nhân và các tổ chức cộng đồng (CBOs) 19
2.5.2. Người dân và các diễn đàn cá nhân 19
PHẦN 3 - QUAN ĐIỂM CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT VỀ HỘI 21
3.1. Quan điểm về quyền lập hội 21
3.2. Nhu cầu của các bên đối với Luật về Hội 24
3.3. Quan điểm về một số nội dung của Luật về Hội 27
3.3.1. Đối tượng tác động và phạm vi điều chỉnh 27

3.3.2. Một luật chung hay nhiều luật nhỏ? 28
3.3.3. Chủ thể quản lý nhà nước về hội 29
PHẦN 4 - KHUYẾN NGHỊ VỀ CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG 32
4.1. Quan điểm về tiến trình vận động cho Luật về Hội 32
4.2. Khuyến nghị chiến lược tác động đến các bên liên quan 33
4.2.1. Đối với các cơ quan nhà nước 33
4.2.2. Đối với các tổ chức đoàn thể 34
4.2.3. Đối với các tổ chức phi chính phủ (VNGO và INGO) và các đối tác phát triển (DPs) 35
4.2.4. Đối với các cơ quan báo chí 35
4.2.5. Đối với các hội không có tư cách pháp nhân, các tổ chức cộng đồng (CBO); Người dân và các diễn đàn cá nhân 35
4.3. Các nội dung cần chú ý 36
4.3.1. Nhấn mạnh tinh thần của Hiến pháp 2013 36
4.3.2. Mục tiêu là hoàn thiện thể chế, phục vụ lợi ích quốc gia 36
4.3.3. Tiếp cận từ khía cạnh Nhân quyền 37
4.3.4. Không đưa các tổ chức đoàn thể vào và xóa bỏ hình thức hội đặc thù 37
4.3.5. Vận động chính sách đối với các cơ quan Nhà nước 37
4.3.6. Tập trung vào các giải pháp truyền thông 38
4.3.7. Thúc đẩy kết nối các bên liên quan 38
4.3.8. Cân nhắc các quan điểm và chiến thuật vận động 38
Tài liệu tham khảo 40
Phụ lục 41

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cơ cấu mẫu khảo sát định tính và định lượng....6
Bảng 2: Các tổ chức được khảo sát và phản hồi, phân theo nhóm đối tượng....7
Bảng 3: Điều kiện đảm bảo của Nhà nước cho quyền lập Hội (%)....24
Bảng 4: Khó khăn về môi trường pháp lý của các tổ chức hội (%)....26

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Loại hình tổ chức tham gia khảo sát....7
Hình 2: Lĩnh vực hoạt động của các tổ chức tham gia khảo sát(%)....7
Hình 3: Nội dung hoạt động ưu tiên của các tổ chức tham gia khảo sát (%)....8
Hình 4: Ma trận phân tích các bên liên quan đến Luật về hội....11
Hình 5: Quan điểm về ý nghĩa của hoạt động Hội ở Việt Nam (%)....22
Hình 6: Quan điểm về mục tiêu cơ bản của quyền lập Hội, ra nhập Hội, hoạt động Hội (%).23
Hình 7: Quan điểm về cấp độ quản lý nhà nước về hội (%)....30
Hình 8: Quan điểm về cơ quan chủ quản của hội (%)....30

BẢNG VIẾT TẮT

CBO	Tổ chức cộng đồng ở địa phương
CSO	Tổ chức xã hội
DPs	Các đối tác phát triển
INGO	Tổ chức phi chính phủ quốc tế
LVH	Luật về Hội
NGO	Tổ chức phi chính phủ
PACCOM	Ban điều phối viện trợ nhân dân
PVS	Phỏng vấn sâu
VNGO	Tổ chức phi chính phủ của Việt Nam
VUSTA	Liên hiệp các hội khoa học và kĩ thuật Việt Nam
VUFO	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam
XHDS	Xã hội dân sự

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo Phân tích các bên liên quan đến Luật về Hội được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Chính sách và Phát triển (DEPOCEN) gồm: Ông Nhạc Phan Linh (Trưởng nhóm), Nguyễn Thị Phương Mai, Chị Đỗ Hoàng My, Anh Nguyễn Duy Phương, Anh Nguyễn Đào Phan.

Thay mặt cho nhóm nghiên cứu, chúng tôi trân trọng cảm ơn các cán bộ, chuyên gia và đại diện các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức đã tích cực tham gia, hợp tác trong quá trình thực hiện nghiên cứu của chúng tôi, đặc biệt là các tổ chức ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Cần Thơ và Thừa Thiên Huế.

Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn OXFAM về những hỗ trợ hiệu quả và kịp thời cả về kỹ thuật và nguồn lực cho nghiên cứu. Nếu không có những hỗ trợ này, chúng tôi không thể tiến hành và hoàn thiện nghiên cứu.

Do các yêu cầu nghiêm ngặt về mặt thời gian thực hiện nên nghiên cứu chắc chắn không khỏi có những thiếu sót nhất định. Nhóm nghiên cứu sẵn sàng và cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

Các quan điểm, phát hiện và kết luận đưa ra trong báo cáo này không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ và các cơ quan chủ quản của những cá nhân tham gia nghiên cứu. Đây là sản phẩm nghiên cứu mang tính độc lập.

PHẦN 1 - GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

1.1. Giới thiệu chung

Quyền hội họp, lập hội của công dân đã được ghi nhận rất rõ trong tất cả các bản Hiến pháp của Việt Nam, cụ thể tại Điều 10 *Hiến pháp 1946*, Điều 25 *Hiến pháp 1959*, Điều 67 *Hiến pháp 1980* và Điều 69 *Hiến pháp 1992*. Trải qua hơn 50 năm phát triển nhưng số lượng tổ chức được thành lập ở Việt Nam giai đoạn này vô cùng hạn chế [1] do chỉ có hai văn bản chính quy định về việc thành lập và hoạt động của hội[2]. Mãi tới năm 2003, Việt Nam mới có một bước chuyển biến mới khi Chính Phủ ban hành Nghị định số 88/2003/NĐ-CP hướng dẫn Luật quy định quyền lập hội ban hành theo *Sắc lệnh 102/SL-L004* thay thế *Nghị định số 258-TTg* ngày 14/6/1957 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Tới năm 2005, Dự thảo Luật về Hội được khởi xướng xây dựng, nhưng qua nhiều lần dự thảo, nội dung dự thảo được nhận xét không khác nhiều so với *Nghị định 88/2003/NĐ-CP* và còn một số nội dung chưa nhận được sự đồng tình, thống nhất giữa các bên nên Đảng và Quốc hội quyết định dừng thảo luận và xây dựng Luật về Hội[3].

Mặc dù vậy, hoạt động của hội ở Việt Nam cũng dần được thừa nhận và tạo nền tảng pháp lý, một bước tiến rõ rệt nữa là Bộ luật Dân sự năm 2005 đã có quy định xác định cơ sở cho việc thừa nhận các tổ chức xã hội dân sự, trong đó bao gồm: tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện[4]. Theo đó, các tổ chức dân sự đăng ký hoạt động ở Việt Nam chủ yếu theo ba dạng: (i) Các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ (theo *Nghị định 81/2002/NĐ-CP*, chủ yếu dưới sự bảo trợ của VUSTA)[5], (ii) Các hội theo *Nghị định 45/2010/NĐ-CP*[6], và (iii) Các quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo Nghị định *30/2012/NĐ-CP*[7].

Hiến pháp 2013, kế thừa quy định về quyền lập hội của công dân tại Điều 25: "*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình",* kéo theo yêu cầu xây dựng các văn bản pháp luật điều chỉnh các quyền con người cơ bản này như Luật về hội, Luật tiếp cận thông tin, Luật biểu tình. Nghị quyết 70/2014/QH13 đã đưa Luật về hội vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII nhằm cụ thể hóa quy định về quyền hội họp và quyền lập hội trong Hiến pháp, đồng thời tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của các tổ chức trong bối cảnh hội nhập quốc tế cùng với sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông và xã hội dân sự tại Việt Nam.

Trong bối cảnh này, nghiên cứu "*Phân tích các bên liên quan đến Luật về Hội*" đã được thực hiện nhằm đóng góp hiệu quả vào tiến trình vận động chính sách, huy động sự tham gia tối đa của các bên liên quan vào xây dựng dự thảo Luật về Hội (LVH).

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đạt hai mục tiêu chính:

(i) Xác định rõ các bên liên quan, phân tích vai trò, quyền lực, nhận thức và đánh giá quan điểm của các bên liên quan đối với quyền lập Hội và LVH;

(ii) Đưa ra những gợi ý/tư vấn về phương pháp tiếp cận đối với các bên liên quan khác nhau trong quá trình vận động/đóng góp ý kiến cho LVH trong năm 2015.

Nghiên cứu được khởi động từ tháng 02 năm 2015. Hoạt động nghiên cứu, khảo sát được tập trung thực hiện tại 5 tỉnh/thành phố bao gồm: Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Huế, Cần Thơ và Thái Nguyên.

---

[1] Trong giai đoạn 1957-1967, chỉ có 25 hiệp hội và tổ chức xã hội dược thành lập. Trong 20 năm sau đó (1968-1986), chỉ có 30 tổ chức được thành lập (WB, 2010, *Các thể chế hiện đại*, tr.116).

[2] Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 của Chủ tịch nước và Nghị định số 258-TTg ngày 14/6/1957

[3] Phạm Thanh Trà, Lê Quang Bình, Phạm Quỳnh Phương, Lê Ngọc Sơn, *Tìm hiểu tiến trình góp ý cho dự thảo Luật về Hội 2005-2006 – Góc nhìn từ một số bên liên quan,* tr8

[4] Các Điều 84,100, 102, 104 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Nghị định 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều cua Luật Khoa học và Công nghệ.

[6] Nghị định 45/2010/N Đ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, thay thế Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003.

[7] Nghị định 30/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp được sử dụng bao gồm:

(i) Điểm luận tài liệu;

(ii) Phỏng vấn sâu (PVS); và

(iii) Khảo sát bằng bảng hỏi cấu trúc qua thư.

Do điều kiện hạn hẹp về mặt thời gian và khó khăn trong việc tiếp cận với một số nhóm đối tượng liên quan, chúng tôi đã tập trung vào các phỏng vấn sâu thay cho các thảo luận nhóm như dự tính ban đầu.

Sau quá trình nghiên cứu tài liệu, nhóm tư vấn đã tiến hành thiết kế bảng hỏi và công cụ phỏng vấn sâu. Bộ công cụ này đã được tham khảo ý kiến các chuyên gia của Oxfam và PPWG, và được Oxfam thông qua trước khi triển khai thực hiện.

Về PVS, có 3 nhóm đối tượng chính, bao gồm:

(1) Các cơ quan nhà nước gồm các cơ quan Quốc hội, các cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan của Đảng;

(2) Các tổ chức chính trị xã hội và các hội đặc thù (tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp);

(3) Các tổ chức xã hội (CSO), tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức cộng đồng ở địa phương (CBO).

Với dự kiến ban đầu từ 55 -74 cuộc phỏng vấn sâu, sau quá trình liên lạc và tiếp cận khó khăn, số lượng cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện thành công là 49 cuộc.

Về khảo sát diện rộng qua thư: Số lượng bảng hỏi phát ra để gửi khảo sát qua thư trên phạm vi toàn quốc, là 360 tổ chức. Tuy nhiên, số lượng mẫu thu về và đưa vào phân tích chỉ được 105 mẫu, tập trung chủ yếu ở các địa bàn khảo sát chính thức là Hà Nội (65 tổ chức), thành phố Hồ Chí Minh (19 tổ chức), Huế (7 tổ chức), Cần Thơ (7 tổ chức). Cơ cấu mẫu khảo sát cụ thể được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Cơ cấu mẫu khảo sát định tính và định lượng

KHẢO SÁT		
Tỉnh	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
Bình Dương	1	1
Cần Thơ	7	6.7
Đà Nẵng	1	1
Hà Nội	65	61.9
TP Hồ Chí Minh	19	18.1
Huế	7	6,7
Quảng Nam	1	1
Quảng Ngãi	1	1
Thái Nguyên	1	1
Tiền Giang	1	1
Vĩnh Long	1	1
Tổng	**105**	**100**

PVS THEO ĐỊA BÀN	
Tỉnh	**Số lượng**
Hà Nội	11
TP Hồ Chí Minh	10
Huế	11
Cần Thơ	9
Thái Nguyên	8
Tổng	**49**

PVS THEO LOẠI TỔ CHỨC	
Loại tổ chức	**Số lượng**
Cơ quan Nhà nước	10
Chính trị - Xã hội	3
Hội đặc thù	16
Hội nghề nghiệp	9
NGO	7
CBO	3
Tổng	**49**

1.3. Mô tả về mẫu khảo sát

1.3.1. Mẫu khảo sát định lượng

Trong quãng thời gian hai tháng 4 và 5 năm 2015, nhóm nghiên cứu đã gửi phiếu khảo sát tới 360 tổ chức thuộc tất cả các dạng hội. Cùng với đó là quá trình liên tục liên lạc để vận động và nhắc nhở các tổ chức phản hồi, kết quả thu về được 105 phiếu với cơ cấu mẫu được thể hiện cụ thể qua các biểu đồ dưới đây.

Bảng 2: Các tổ chức được khảo sát và phản hồi, phân theo nhóm đối tượng

	Số tổ chức gửi phiếu	Số tổ chức tham gia khảo sát	Tỷ lệ phản hồi
Tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội – nghề nghiệp	77	21	27%
Tổ chức xã hội nghề nghiệp	151	45	30%
Tổ chức phi chính phủ trong nước, phi chính phủ quốc tế	98	36	37%
Các tổ chức cộng đồng/tổ chức khác	34	3	9%
Tổng	**360**	**105**	**28%**

Hình 1: Loại hình tổ chức tham gia khảo sát

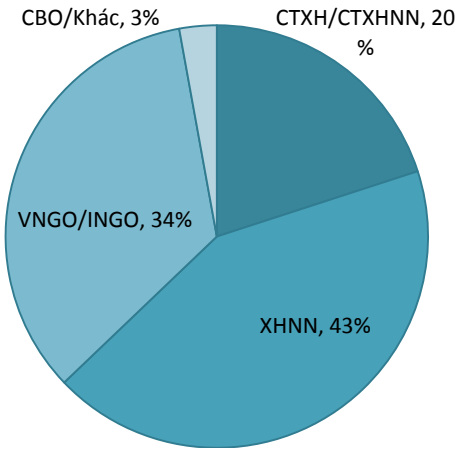

Hình 2: Lĩnh vực hoạt động của các tổ chức tham gia khảo sát (%)

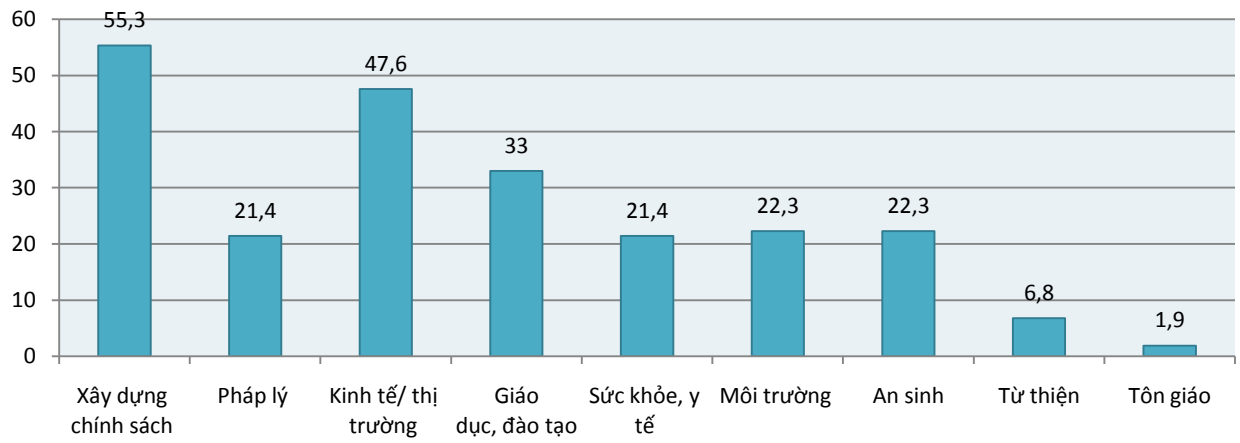

Hình 3: Nội dung hoạt động ưu tiên của các tổ chức tham gia khảo sát (%)

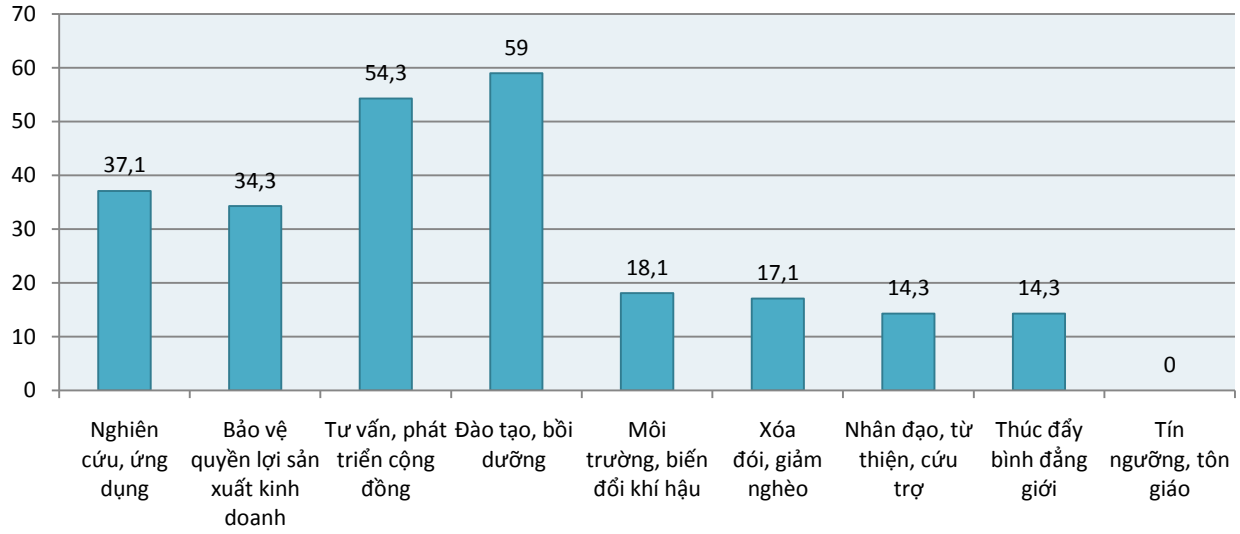

1.3.2. Mẫu khảo sát định tính

Nghiên cứu *"Phân tích các bên liên quan đến Luật về Hội"* gặp khá nhiều khó khăn khi triển khai. Nhiều cuộc hẹn phỏng vấn đến khi điều tra viên tiếp cận trực tiếp lại từ chối với nhiều lý do. Đặc biệt lý do *chưa được nhìn thấy LVH nên không thể trả lời* chiếm khá nhiều. Trong tình hình đó, bằng nhiều nỗ lực liên lạc, tiếp cận và đặt vấn đề, nhóm nghiên cứu đã thực hiện được tổng số 49/55 cuộc PVS so với số lượng dự kiến ban đầu. Trong đó nhóm tổ chức tham gia tích cực nhất là các hội đặc thù (16 cuộc), hội nghề nghiệp (9 cuộc).

Mặc dù có 10 cuộc PVS đại diện các cơ quan nhà nước nhưng chúng tôi không tiếp cận được với những cá nhân, chuyên gia có vai trò liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, soạn thảo, bàn luận và ra quyết định đối với Dự thảo LVH[8]. Tuy nhiên, những quan điểm, phản ánh của các đối tượng thuộc nhóm tổ chức này vẫn phần nào cung cấp những thông tin hữu ích và có giá trị để nhận định về sự liên quan và vai trò của các nhóm cơ quan nhà nước đối LVH.

Nhìn chung, các cuộc PVS diễn ra cởi mở trong việc chia sẻ quan điểm. Nhiều tổ chức tiếp đón nhóm nghiên cứu một cách trọng thị với việc tham dự của nhiều trưởng bộ phận. Những trường hợp này thường rơi vào nhóm các hội đặc thù hay hội nghề nghiệp, ví dụ như Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên, Hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Cần Thơ, Hội Chữ Thập đỏ thành phố Huế, Hội Khuyến học Tp Hồ Chí Minh. Điều này phần nào cho thấy sự quan tâm khá đặc biệt của nhóm hội đặc thù và hội nghề nghiệp đối với chủ đề nghiên cứu.

Tuy nhiên, một thực tế là nhiều đối tượng phỏng vấn tranh thủ trình bày với nhóm nghiên cứu về thuận lợi, khó khăn của tổ chức, cũng như những đề xuất, đòi hỏi được quan tâm, giúp đỡ về vật chất, tài chính cho tổ chức mình. Đặc biệt rơi vào các hội đặc thù, với việc mong muốn sự bao cấp nhiều hơn nữa của nhà nước.

1.4. Thuận lợi và khó khăn

1.4.1. Thuận lợi

Nghiên cứu "*Phân tích các bên liên quan đến Luật về Hội*" được triển khai trong bối cảnh nhà nước Việt Nam đang đặt ra yêu cầu xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về các vấn đề liên quan đến toàn dân như về trưng cầu dân ý, về tiếp cận thông tin, về biểu tình. Điều này tạo ra một không gian cởi mở trong việc tiếp cận chủ đề nghiên cứu so với trước kia.

[8] Nhóm nghiên cứu đã liên lạc qua điện thoại với Vụ trưởng Vụ Tổ chức Phi chính phủ, Bộ Nội vụ - là đơn vị soạn thảo LVH, đặt vấn đề, đề nghị phỏng vấn, tuy nhiên người này đã dứt khoát từ chối, hơn nữa, còn cho rằng đây là việc của cơ quan nhà nước, "tại sao các tổ chức ngoài nhà nước lại nghiên cứu về vấn đề này".

Quá trình thực diện dự án có sự phối hợp, hỗ trợ giữa Oxfam, PPWG và Depocen trong những công việc như xây dựng kế hoạch nghiên cứu, xác định các nội dung trọng tâm, xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin, ý kiến, v.v..

1.4.2. Khó khăn

Có 4 rào cản chính đối với nghiên cứu này:

- Mặc dù, không gian tiếp cận vấn đề về quyền lập hội đã cởi mở hơn, nhưng LVH, lâu nay, ít được đề cập tới trên các diễn đàn chính thức. Mặc dù Việt Nam đã có hai sắc lệnh từ năm 1957 của *Chủ tịch Hồ Chí Minh* (gồm *Sắc lệnh số 101/SL-L-003 ban hành Luật về quyền tự do hội họp và Sắc lệnh số 102/SL-L-004 ban hành Luật quy định quyền lập hội)* nhưng sau gần 60 năm, thể chế chính trị Việt Nam vẫn chưa ban hành một bộ luật chính thức về hội. Gần đây nhất, năm 2006, Dự thảo LVH đã được đưa ra lấy ý kiến nhưng trong phạm vi hẹp và sau đó bị khép lại. Điều này chứng tỏ LVH vẫn là một vấn đề chưa được công khai trao đổi nhiều ở Việt Nam.
- Dự án được triển khai trong thời điểm hệ thống chính trị Việt Nam đang bước vào giai đoạn cao trào của sự kiện đại hội Đảng các cấp, để hướng đến Đại hội Đảng Cộng sản toàn quốc lần thứ XII vào năm 2016. Do vậy, tinh thần chung là tránh cái gọi là "sự phức tạp hóa" của tình hình bối cảnh để tập trung vào củng cố hệ thống.
- Một thách thức của dự án này là phải tìm hiểu quan điểm của các bên liên quan về Dự thảo LVH trong khi cả chủ thể và hầu hết khách thể nghiên cứu đều chưa được tiếp cận Dự thảo mới nhất của LVH. Nhóm nghiên cứu chỉ có trong tay bản Dự thảo LVH từ 2006. Đại diện của nhiều cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống nhà nước cũng không biết hoặc không có bản dự thảo LVH 2015. Điều này gây khó khăn trong việc xây dựng bộ công cụ, cũng như quá trình khai thác thông tin khảo sát các nhóm khách thể nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu chỉ nhận được bản dự thảo vào đầu tháng 6/2015, khi bắt tay vào quá trình phân tích và viết báo cáo.
- Mặc dù, đã có nhiều nỗ lực kết nối với các cơ quan thuộc Quốc hội Việt Nam, đặc biệt là Viện Nghiên cứu Lập pháp, nhằm tạo hành lang thuận lợi cho việc tiếp cận các khách thể, nhưng đơn vị triển khai nghiên cứu (Depocen) vẫn không có được các giấy tờ công văn hành chính, giấy giới thiệu như dự kiến ban đầu từ một đối tác có uy thế trong hệ thống chính trị.

Các rào cản trên dẫn đến một hạn chế của nghiên cứu này là rất khó tiếp cận một nhóm đối tượng mục tiêu là đại diện đại diện các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan Đảng, quốc hội, chính phủ. Hệ thống các khách thể mục tiêu như Bộ Nội vụ, các sở Nội vụ, Ủy ban Tư pháp của quốc hội, các tổ chức chính trị - xã hội v.v... đều từ chối phỏng vấn, tham gia nghiên cứu trong thời điểm diễn ra quá trình khảo sát.

Trong nỗ lực của mình, thông qua các mối quan hệ cá nhân, đối với các cơ quan nhà nước, Depocen đã nỗ lực và kiên trì tiếp cận được một số cán bộ, chuyên gia của Văn phòng Quốc hội, Bộ Tư pháp, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, so với mục tiêu ban đầu, thông tin thu được còn khiêm tốn bởi các cá nhân, tổ chức được phỏng vấn không trực tiếp liên quan đến việc xây dựng, thảo luận và ban hành LVH và tham gia phỏng vấn với tư cách cá nhân, không phải là đại diện cho cơ quan, tổ chức của họ.

PHẦN 2 - NHẬN DIỆN CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT VỀ HỘI

Dưới sự gợi ý từ các chuyên gia của Oxfam và PPWG, cũng như quá trình khảo sát thực tế, nghiên cứu "Phân tích các bên liên quan đến LVH" đã xác định được 5 nhóm liên quan, gồm:

- Nhóm 1 - Các cơ quan nhà nước, bao gồm: Đảng Cộng sản, Quốc hội, Chính phủ (đặc biệt là Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp);
- Nhóm 2 - Các tổ chức đoàn thể, bao gồm: 6 tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội; 28 hội đặc thù; và các hội nghề nghiệp;
- Nhóm 3 - Các tổ chức xã hội, bao gồm: các tổ chức phi chính phủ (NGO của Việt Nam và NGO quốc tế), các đối tác phát triển (DPs);
- Nhóm 4 - Các cơ quan báo chí;
- Nhóm 5 - Khác, bao gồm: các hội không có tư cách pháp nhân, các tổ chức cộng đồng (CBO); Người dân và các diễn đàn cá nhân.

Sơ đồ dưới đây thể hiện sự quan tâm và tác động của các nhóm đối tượng có liên quan đến LVH. Theo đó, sự quan tâm đến LVH là trục hoành, có hai hướng. Hướng tích cực thể hiện sự quan tâm và ủng hộ với thang điểm tăng dần từ A đến D, trong đó D là điểm cao nhất, thể hiện rất quan tâm và rất ủng hộ. Hướng tiêu cực thể hiện sự thiếu quan tâm và/hoặc không ủng hộ/phản đối, nhận giá trị âm từ -A đến –D, trong đó –D là điểm thấp nhất, thể hiện sự không quan tâm hoặc/và rất không ủng hộ/phản đối. Trục tung thể hiện tác động và cũng có hai hướng. Hướng tích cực – đi lên, thể hiện tác động mạnh, với giá trị tăng dần từ 1 đến 4, trong đó 4 là tác động mạnh nhất. Hướng tiêu cực – đi xuống, thể hiện tác động yếu, nhận giá trị âm từ -1 đến -4, trong đó -4 là tác động yếu nhất.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số các tổ chức thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2 đều khá quan tâm và có tác động mạnh đến LVH. Nhóm 3 dường như ít quan tâm hơn và cũng ít có tác động hơn. Mặc dù vậy, trên thực tế một số tổ chức thuộc nhóm này lại rất quan tâm và nỗ lực nhiều để có tác động đến việc xây dựng LVH, ví dụ như chính tổ chức Oxfam, PPWG. Các cơ quan báo chí là nhóm có tác động mạnh nhưng chưa thực sự thể hiện sự quan tâm đến việc xây dựng LVH. Trong khi nhóm các đối tượng còn lại vừa ít quan tâm, vừa ít có tác động đến LVH. Phần tiếp theo sẽ phân chi tiết cho từng nhóm đối tượng.

Hình 4: Ma trận phân tích các bên liên quan đến Luật về hội

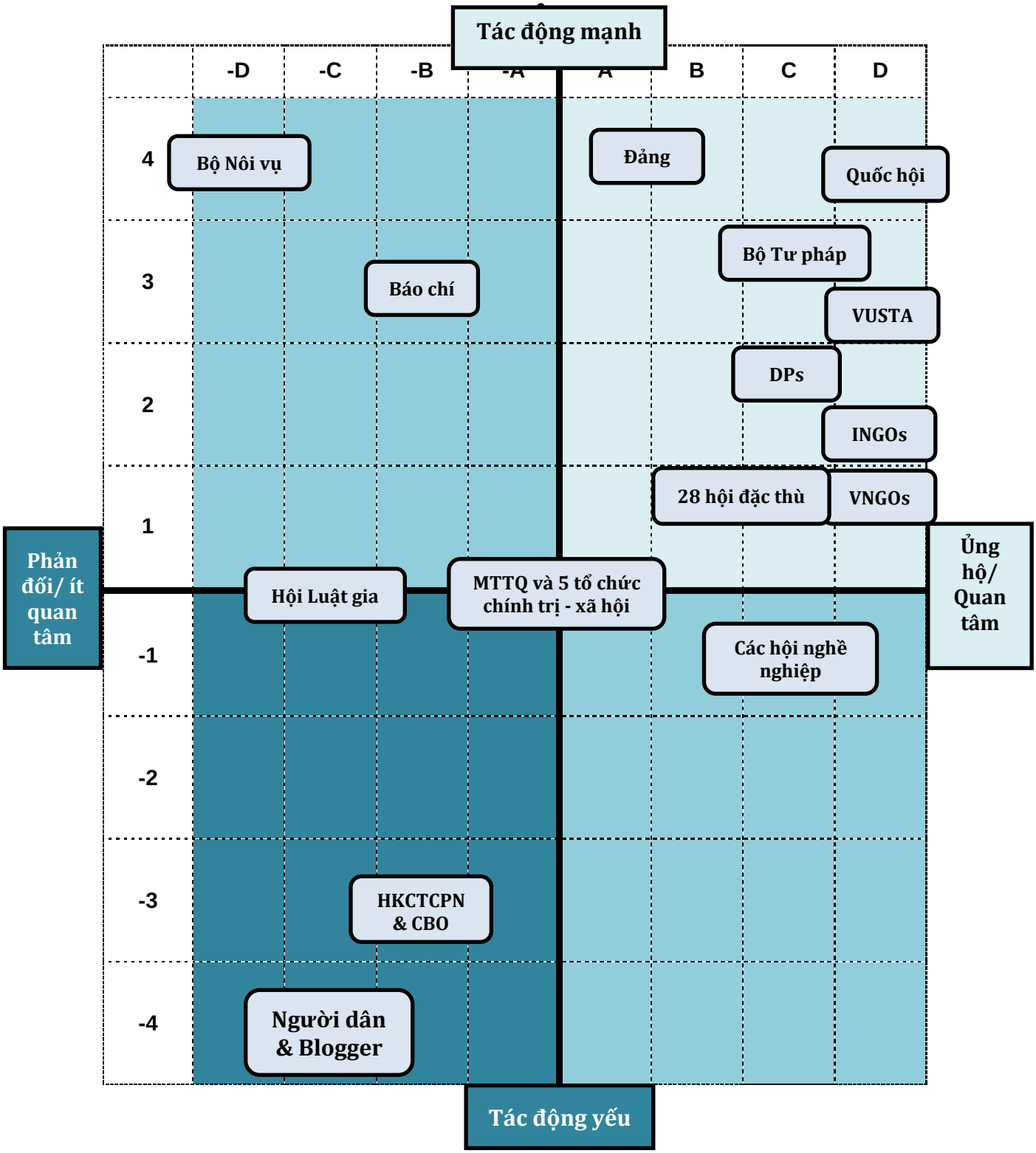

2.1. Các cơ quan Nhà nước

2.1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam

Điều 4 Hiến pháp Việt Nam 2013 xác định Đảng Cộng sản là lực lượng lãnh đạo của Nhà nước và xã hội. Quan điểm của Đảng về quyền hội họp, quyền lập hội của công dân đã phần nào được thể hiện rõ trong Hiến pháp 2013 thông qua điều 25.

Nhiều ý kiến cho rằng nên nhìn nhận vai trò có ý nghĩa quyết định của các cơ quan Đảng vào tiến trình thúc đẩy cho LVH. Điều này là hợp lý với thể chế chinh trị ở Việt Nam. Bởi, nếu không nhận được sự ủng hộ của Trung ương Đảng, vấn đề LVH sẽ gặp khó khăn ngay ở việc được đem ra đề cập và bàn luận, chưa nói đến việc có được thông qua hay không.

> *Làm sao phải kéo Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Bí thư vào; cung cấp thông tin cho họ để họ quan tâm, nhận diện đúng vấn đề.*
>
> *(PVS: đại diện Thư viện Quốc hội, thuộc Văn phòng Quốc hội)*
>
> *Nên có một văn bản của Đảng, nghị quyết hoặc chỉ thị. Tức là cần sự vào cuộc của hệ thống chính trị, cấp ủy các cấp. Mời cán bộ Đảng tham gia trực tiếp định hướng, bàn luận sâu. Có lẽ nên giao cho ban Dân vận trung ương.*
>
> *(PVS: đại diện hội Chữ Thập đỏ Thừa Thiên Huế)*
>
> *Phải xuất phát từ quyết tâm chính trị theo hệ thống từ Đảng, đến Quốc hội rồi mới đến nhà nước thì vấn đề Luật hội mới triển khai được.*
>
> *(PVS: đại diện Hiệp hội Làng nghề tỉnh Thái Nguyên)*

Mặc dù có nhiều ý kiến của các đối tượng phỏng vấn khác về vai trò, tầm quan trọng của Đảng trong việc xây dựng và ban hành LVH, nhưng đáng tiếc là nhóm nghiên cứu không thể tiếp cận, phỏng vấn cán bộ hoặc đại diện của cơ quan Đảng để có ý kiến chính thức về vấn đề này. Tuy nhiên, thông qua các văn bản Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28 tháng 8 năm 2012 hay Kết luận số 102-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2014 về Hội quần chúng, có thể thấy tinh thần chung về công tác Hội của Đảng là Hội lập ra phải xuất phát từ nhu cầu chính đáng của quần chúng nhân dân, theo nguyên tắc chung là: tự nguyện, tự quản, tự trang trải về kinh phí, đa dạng hoá loại hình, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của hội viên; đoàn kết, tập hợp hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức hội, hội viên và cộng đồng[9].

Từ tinh thần trên, cùng với việc thừa nhận về quyền hội họp, quyền lập hội của công dân qua Hiến pháp 2013, nhóm nghiên cứu xác định cơ quan Đảng thuộc nhóm có tác động mạnh nhất, nhưng mức độ quan tâm/ủng hộ chưa thực sự quyết liệt. Do đó, chúng tôi xếp các cơ quan Đảng ở vị trí **[B;4]**,.

2.1.2. Quốc hội

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước[10]. Do đó, Quốc hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình xây dựng LVH khi chính Quốc hội là cơ quan tiến hành xem xét và thông qua dự thảo luật. Ngoài ra, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 hiện đang còn hiệu lực, dự án luật trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận, cho ý kiến phải được các Ủy ban của Quốc hội thẩm tra[11] về (i) Phạm vi, đối tượng điều chỉnh; (ii) Nội dung của dự thảo và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; (iii) Sự phù hợp của nội dung dự thảo với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, với

[9] Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28 tháng 8 năm 2012 về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đàng đối với Hội quần chúng

[10] Điều 69 Hiến pháp 2013.

[11] Khoản 1 Điều 42 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008.

Hiến pháp, pháp luật và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; (iv) Tính khả thi của các quy định trong dự thảo[12].

Quan điểm của Quốc hội đã phần nào được thể hiện rõ khi khi Chính phủ có ý kiến xin lùi chương trình bàn luận LVH sang các kỳ họp sau nhưng Quốc hội không thông qua và tiếp tục yêu cầu giữ đúng lịch trình vào kỳ họp thứ X tháng 10 năm 2015 sắp tới.

> *Về đề nghị lùi thời gian trình dự án Luật biểu tình từ Chương trình cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9, dự án Luật về Hội từ Chương trình cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10 sang Chương trình cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV (tháng 10-2016), ông Phan Trung Lý cho biết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy, đây là những dự án quan trọng cần được sớm ban hành nhằm cụ thể hóa Điều 25 của Hiến pháp và tạo hành lang pháp lý để Nhà nước quản lý các hoạt động này. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình chuẩn bị, đề nghị Quốc hội cho lùi thời gian trình dự án Luật Biểu tình từ kỳ họp thứ 9 sang kỳ họp thứ 11, còn dự án Luật về Hội thì giữ thời hạn trình tại kỳ họp thứ 10 theo đúng Nghị quyết của Quốc hội. Đề nghị Chính phủ tập trung nguồn lực nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật Biểu tình, dự án Luật về Hội trình Quốc hội theo tiến độ*[13].

Yêu cầu này của Quốc hội ở thời điểm giữa tháng 05/2015, có lẽ, đóng vai trò trực tiếp thúc đẩy việc Bộ Nội vụ (cơ quan chuyên môn thay mặt Chính phủ) đưa ra bản Dự thảo LVH ngay trong những ngày đầu tháng 6/2015 vừa qua. Dự thảo dự kiến sẽ được trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến tại phiên họp thứ 40 vào tháng 8 năm 2015[14]. Tuy nhiên, trong phiên khai mạc ngày 10/8/2015, Luật về Hội vẫn chưa được đưa ra thảo luận theo như dự kiến[15].

Như vậy, thời điểm này, Quốc hội Việt Nam có thể coi là đầu tàu quan trọng nhất, có tinh thần và thái độ tích cực nhất cho tiến trình LVH. Và trong phạm vi quyền hạn của mình, Quốc hội sẽ là cơ quan tác động lớn nhất đến việc có thông qua LVH hay không.

Các cuộc phỏng vấn sâu mà nhóm nghiên cứu thực hiện với cán bộ thuộc Văn phòng Quốc hội cũng khẳng định quan điểm và tác động của Quốc hội đối với LVH. Với các lý do nêu trên, nhóm ngiên cứu xếp Quốc hội thuộc vị trí **[D;4]** - quan tâm nhất, tác động mạnh nhất.

2.1.3. Chính phủ

Chính Phủ với vai trò là cơ quan hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội[16] chịu trách nhiệm trình dự án Luật lên Quốc hội. Đối với dự án LVH lần này, Bộ Nội vụ là đơn vị chịu trách nhiệm soạn thảo và Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thẩm định dự thảo.

Bộ Nội vụ - cơ quan soạn thảo

Vụ Tổ chức Phi Chính Phủ - đơn vị thực hiện chức năng tham mưu trong việc quản lý nhà nước về lĩnh vực hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức phi chính phủ, chịu trách nhiệm soạn thảo Luật về Hội.[17]

Cách đây 10 năm, từ cuối năm 2005, Bộ Nội vụ đã thay mặt Chính phủ soạn thảo, công bố, lấy ý kiến cho bản Dự thảo thứ 8 LVH. Tuy nhiên, tiến trình này sau đó gần như bị "lãng quên" cho tới ngày 30/5/2014 khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 70/2014/QH13 về điều chỉnh Chương trình

---

[12] Điều 43 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008

[13] Theo http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/26395102-luat-ve-hoi-se-trinh-trong-ky-hop-thu-10-quoc-hoi-khoa-xiii.html ngày 21/5/2015.

[14] Theo Nghị quyết số 780/NQ-UBTVQH13 về triển khai thực hiện nghị quyết của Quốc hội về điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015

[15] Xem tại: http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=29925

[16] Điều 94 Hiến pháp 2013

[17] Quyết định 967/QĐ-BNV ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Vụ Tổ chức Phi Chính Phủ.

xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2015, đưa LVH vào chương trình xây dựng Luật. Đầu tháng 6/2015 vừa qua, dưới "áp lực" mà Quốc hội đặt ra, Bộ Nội vụ mới chính thức giới thiệu Dự thảo LVH để lấy ý kiến góp ý. Thời gian mời kiến góp ý là từ 09/6/2015 đến 04/8/2015, ít hơn so với yêu cầu đăng tải toàn văn dự thảo trên Trang thông tin điện tử của Chính phủ hoặc của cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là sáu mươi ngày[18]. Ngoài ra, Dự thảo LVH cũng được đăng tải trên trang thông tin điện tử về dự thảo luật của Quốc hội[19] từ ngày 20/7/2015 và đến thời điểm hiện tại, Dự thảo LVH trên trang thông tin này có được hơn 200 lượt người xem và tuy nhiên chưa có ý kiến bình luận, góp ý nào từ phía người dân, chuyên gia hay Đại biểu Quốc hội.

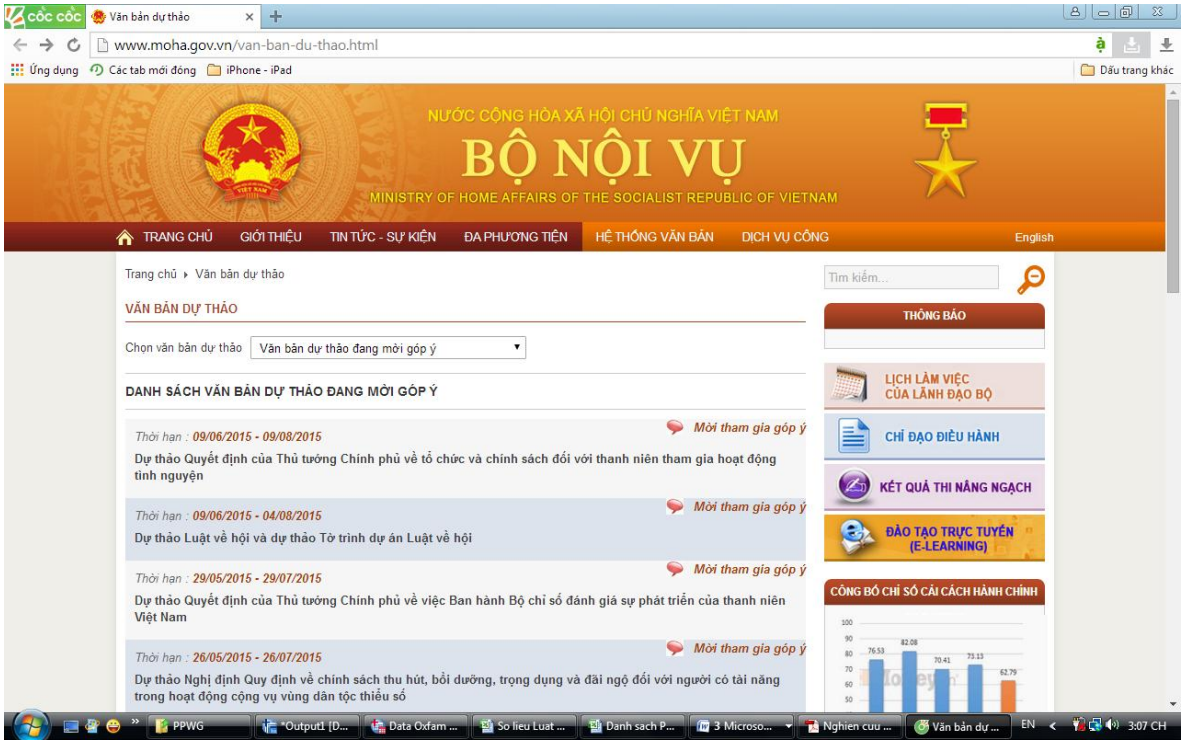

Nhóm nghiên cứu đã không tiếp cận được lãnh đạo cũng như cán bộ của Vụ Tổ chức Phi Chính phủ, thuộc Bộ Nội vụ, với tư cách cơ quan trực tiếp chủ trì soạn thảo LVH. Lãnh đạo Vụ khi được nhóm nghiên cứu đề nghị phỏng vấn, chia sẻ đã tỏ ra rất e dè, khép kín, bất hợp tác. Theo chia sẻ của chuyên gia PPWG, Ông Tạ Xuân Tiếu – Phó vụ trưởng vụ Phi chính phủ là người khó tính, khó tiếp cận và tuyên bố không nhận hỗ trợ cho quá trình xây dựng luật này.

Như vậy, với vai trò trực tiếp là cơ quan tham mưu, xây dựng dự thảo, đồng thời là cơ quan sẽ tiếp thu các góp ý và chỉnh lý các nội dung dự thảo trước khi trình Quốc hội, Bộ Nội vụ có vai trò rất lớn trong tiến trình LVH. Tuy nhiên, việc Chính phủ xin Quốc hội lùi dự thảo giữa tháng 5/2015 với lý do chưa chuẩn bị kỹ nội dung, cho thấy đây chính là vai trò thiếu tích cực của Bộ Nội vụ. Bộ Nội vụ tỏ ra không "mặn mà" với LVH. Do đó, nhóm nghiên cứu xếp Bộ Nội vụ ở vị trí **[–D;4]** trong Ma trận, tức là đối tượng có tác động mạnh, nhưng không thực sự ủng hộ sự ra đời của LVH.

Bộ Tư pháp

Theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước khi trình Chính phủ (Điều 36). Nội dung thẩm định tập trung vào các vấn đề (i) Sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản; (ii) Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; (iii) Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; (iv) Tính khả thi của dự thảo văn bản, bao gồm sự phù hợp giữa quy định của dự thảo văn bản với yêu cầu

[18] Khoản 1 Điều 35 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

[19] http://duthaoonline.quochoi.vn.

thực tế, trình độ phát triển của xã hội và điều kiện bảo đảm để thực hiện; (v) Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản. Đối với dự án Luật về Hội, Vụ Hành chính – Hình sự là đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định dự thảo.

Ngay sau khi dự thảo 2015 được công bố và lấy ý kiến, Bộ Tư pháp đã có một động thái khá tích cực khi có văn bản phản hồi nhất trí với sự cần thiết ban hành Luật về Hội, trong đó nhấn mạnh vào việc cụ thể hóa Hiến pháp 2013.

> *"Hiến pháp 2013 quy định công dân có quyền lập hội (Điều 25). Với mục tiêu phát huy nhân tố con người, thể hiện sâu sắc trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo tinh thần văn kiện của Đảng, Hiến pháp đã quy định "các quyền con người, quyền công dân... được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật" và khẳng định những quyền này "chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng" (Điều 14). Do đó, một số quyền quan trọng của công dân cần được sớm ban hành luật để bảo đảm thực thi, trong đó có Luật về Hội".*
>
> *(Văn bản của Bộ Tư pháp trả lời Công văn số 2296/BNV-TCPCP ngày 26/5/2015 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Dự thảo Luật về Hội)*

Như vậy, về cơ bản, việc ủng hộ LVH của Bộ Tư pháp là khá rõ ràng. Ý kiến của cán bộ Bộ Tư pháp được nhóm nghiên cứu phỏng vấn sâu cũng cho thấy Bộ Tư pháp khá cởi mở với LVH và ủng hộ cho việc ban hành LVH. Và với vị trí quyền lực khá đáng kể trong Chính phủ, nhóm nghiên cứu xếp Bộ Tư pháp ở vị trí **[C;3]** trong Ma trận – ủng hộ và có tác động mạnh đến việc ban hành LVH.

2.2. Các tổ chức đoàn thể

2.2.1. Các tổ chức chính trị - xã hội

Đây là nhóm tổ chức xã hội đặc biệt. Các tổ chức này mặc dù là các tổ chức xã hội, được thành lập và hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, nhưng cơ chế, bộ máy, hoạt động hoàn toàn nằm dưới sự tổ chức và đại diện trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tổ chức này có thể được coi như một hệ thống các cơ quan nhà nước với chế độ ngân sách và các ưu đãi chính sách cho cán bộ công chức. Cũng chính bởi vậy, nhiều quan điểm cho rằng nhóm các tổ chức chính trị - xã hội không nên được coi là dạng tổ chức xã hội bình thường, không thuộc nhóm xã hội dân sự.

Nhóm tổ chức này được xác định là một trong những yếu tố gây khó khăn trong việc thông qua Dự thảo LVH năm 2006[20]. Các ý kiến tranh luận chủ yếu tập trung vào việc có hay không đưa nhóm tổ chức chính trị - xã hội vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng tác động của LVH. Đây cũng là những khúc mắc lớn từ quan điểm của các đối tượng liên quan đối với Dự thảo LVH 2015 mà chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau.

Mặc dù vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy, thực tế, sự quan tâm của nhóm đối tượng này đến LVH ở mức độ thấp. Có thể một phần do hiện nay nhà nước đã ban hành một số luật dành riêng cho các tổ chức này như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (ban hành lần đầu năm 1999), Luật Công đoàn (2012). Mặt khác, nhiều ý kiến thu được từ các đối tượng PVS cho rằng do các tổ chức chính trị - xã hội có đặc thù riêng, bản chất khác với các tổ chức hội nhóm khác nên các tổ chức này nếu không thực sự quan tâm đến LVH thì cũng là điều dễ hiểu.

Với những kết quả thu được về thái độ và tác động không rõ ràng của nhóm tổ chức chính trị - xã hội, nhóm nghiên cứu xếp nhóm các tổ chức này ở vị trí **trung điểm** của cả hai hệ trục tọa độ - tác động và mức độ quan tâm/ủng hộ.

2.2.2. Các hội đặc thù (Tổ chức Chính trị – Xã hội – Nghề nghiệp)

Có 28 hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước được xác định theo Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/11/2010 gồm các Hội như Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (VUFO), Phòng

[20] Phạm Thanh Trà, Lê Quang Bình, Phạm Quỳnh Phương, Lê Ngọc Sơn, *Tìm hiểu tiến trình vận động Luật về Hội 2005-2006: Góc nhìn từ một số bên liên quan*

Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hội Nhà báo Việt Nam (VJA), Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam v.v...

Một trong những tiêu chí để được xếp vào loại hội đặc thù của các tổ chức này là đã được Nhà nước hỗ trợ về kinh phí, hoạt động trước khi Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội có hiệu lực.

Khác với các tổ chức chính trị - xã hội được bao cấp toàn bộ, các hội đặc thù được nhà nước bao cấp một phần, chủ yếu về cơ sở vật chất, tiền lương cho một số vị trí đại diện chủ chốt. Tuy nhiên, điều này được mỗi địa phương thực hiện khác nhau. Điều này gây nên những khúc mắc trong chính nhóm hội này.

> *Về giải quyết chế độ chính sách, cũng là hội người mù nhưng mỗi nơi thực hiện khác nhau. Ví dụ Hội Người mù ở các quận/ huyện/thị ở Huế được cấp tài chính khác nhau. Hai nữa là cơ chế quản lý không đồng bộ giữa các nơi.*
>
> *(PVS: đại diện Hội người mù thành phố Huế)*

> *Nguyên tắc của các hội đặc thù là tự chủ nhưng hội ở các địa phương đều được hỗ trợ. Tuy nhiên mức hỗ trợ rất khác nhau. Ví dụ Hội Nhà báo Cần Thơ được 1 tỷ/năm. Trong khi đó, Hội Nhà báo Sóc Trăng chỉ 100 triệu/năm dẫn đến tình trạng không thể hoạt động.*
>
> *(PVS: đại diện Hội Nhà báo Thành phố Cần Thơ)*

> *Liên hiệp các hội Văn học và Nghệ thuật là hội đặc thù nhưng các hội bên trong lại không phải là đặc thù. Nhưng chính các hội bên trong mới tạo ra sản phẩm.*
>
> *(PVS: đại diện Hội Nhà báo Thành phố Cần Thơ)*

> *Vị trí của các tổ chức hữu nghị còn yếu vì chưa có điều lệ thống nhất từ trung ương. Mặt khác, ngoài Bắc, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị chủ yếu kiêm nhiệm về nhân sự. Nhưng miền Nam bắt đầu có chuyên trách. Rồi con dấu không thống nhất giữa các địa phương.*
>
> *(PVS: đại diện Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Thành phố Cần Thơ)*

Như vậy, mặc dù chỉ đứng sau các tổ chức chính trị - xã hội về quyền lợi được bao cấp, nhưng ngay chính bản thân giữa các hội đặc thù cũng nảy sinh nhiều sự phức tạp, đòi hỏi, yêu cầu khác nhau.

Điều này, vô hình chung, lại làm phức tạp thêm cho Dự thảo LVH. Việc quyết định mức độ "bao cấp" giữa các cấp độ hội đã rất phức tạp, việc phải quy định các điều khoản để đáp ứng và làm thỏa mãn nguyện vọng của các hội ở tất cả các địa phương lại càng nan giải với một bộ Luật mang tính chất khung pháp lý như LVH.

Do nhu cầu chủ yếu liên quan đến sự bao cấp của nhà nước nên các hội đặc thù có sự quan tâm đặc biệt đến LVH. Sự kỳ vọng về một khung pháp lý góp phần duy trì và đảm bảo sự bao cấp dẫn đến nhu cầu cao đối với LVH. Tuy nhiên, đòi hỏi của các hội này không đồng nghĩa tác động sẽ mạnh. Trên thực tế, tầm ảnh hưởng và vai trò chính trị của nhóm này không được đề cao và hầu như các tổ chức này cũng chưa thể hiện mức độ quan tâm đối với LVH một cách rõ nét cũng như chưa thấy tác động mạnh mẽ của nhóm này đến việc xây dựng và ban hành LVH. Do đó, nhóm nghiên cứu xếp các hội đặc thù vào vị trí **[BC;1]** trong Ma trận, tức là mức độ quan tâm và tác động ở mức vừa phải.

Tuy nhiên, trong nhóm này có tổ chức Liên hiệp các Hội khoa học và kĩ thuật Việt Nam (VUSTA), là một tổ chức hoạt động tích cực, hiệu quả, tập hợp nhiều hội thành viên viên trên cả nước. So với các tổ chức khác thuộc nhóm đối tượng này, mức độ quan tâm và tác động của VUSTA đến LVH được đánh giá là mạnh hơn. Căn cứ vào các ý kiến thu được từ phỏng vấn sâu, nhóm nghiên cứu xếp tọa độ của VUSTA trong sơ đồ là ở vị trí **[D;3]**, tức là mức độ quan tâm, ủng hộ cao nhất, tác động cũng ở mức gần cao nhất.

2.2.3. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp hiện đóng một vai trò tích cực trong việc liên kết những cá nhân có cùng chuyên môn, lĩnh vực hoạt động. Đặc biệt sau khi Việt Nam tham gia vào các liên minh, tổ chức mang tính khu vực và toàn cầu như ASEAN, WTO v.v... các tổ chức xã hội – nghề nghiệp ngày càng phát huy vai trò quan trọng, đặc biệt trong các vấn đề pháp lý quốc tế.

Trước WTO, vai trò của hội nghề nghiệp lu mờ. Sau WTO, vai trò được nâng cao vì cần các hiệp hội tham gia đàm phán do nhà nước không thể trực tiếp tham gia các cam kết quốc tế.

(PVS: đại diện Hiệp hội Điều Việt Nam, Tp Hồ chí Minh)

Trước năm 2013, khủng hoảng ngành cá Tra diễn ra. Nhu cầu vực dậy dẫn đến sự ra đời của hiệp hội. Năm 2015, hiệp hội đã sang Mỹ trao đổi với các chuyên gia Luật của Hoa Kỳ để xúc tiến các thị trường lớn là Mỹ, Trung Quốc. Rồi Nghị định 36 đặt nhiệm vụ thử nghiệm một hiệp hội tham gia quản trị chất lượng ngành hàng đã tạo ra tiếng nói của ngành sát thực hơn, hiệu quả hơn, kiểm soát các thành viên tốt hơn.

(PVS: đại diện Hiệp hội Cá Tra Việt Nam, Cần Thơ)

Hội không phải đặc thù nhưng nhiệm vụ lại nặng nề. Tôi ngồi đây thường xuyên nhận các yêu cầu trao đổi của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp sắp kiện Nhà nước đến nơi nhưng nhờ hiệp hội nên thôi. Doanh nghiệp thì ít có thời gian quan tâm đến luật nên phải nhờ hiệp hội tư vấn, hướng dẫn, định hướng. Chúng tôi có cơ chế đối thoại thường kỳ giữa tỉnh với doanh nghiệp.

(PVS: đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên)

Do phần lớn độc lập với nhà nước, lại chịu sự điều chỉnh trực tiếp của các văn bản dưới luật hiện hành, nên nhu cầu và sự ủng hộ đối với LVH của nhóm này là khá cao. Số lượng và tỉ lệ tổ chức tham gia trả lời khảo sát của nghiên cứu này khá cao (tỉ lệ phản hồi là 28%) cũng cho thấy mức độ quan tâm của họ đối với LVH. Mặc dù vậy, các tổ chức này chưa thể hiện một cách rõ ràng mối quan tâm của họ đến LVH trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Vì vậy, tác động của họ đến việc xây dựng và ban hành LVH còn bỏ ngỏ, nếu như các tổ chức này thể hiện quan điểm rõ ràng hơn thì có thể tác động của họ đối với LVH sẽ được tích cực hơn. Với hiện trạng trên, nhóm nghiên cứu quyết định xếp các tổ chức nghề nghiệp vào vị trí **[C;-1]**.

2.3. Nhóm các tổ chức xã hội

2.3.1. Các tổ chức phi Chính phủ

Nhóm VNGO và INGO trải dài và bao phủ trên mọi lĩnh vực của cuộc sống, từ vận động chính sách, thúc đẩy thương mại, đến hỗ trợ giáo dục, đào tạo, tăng cường an sinh xã hội, cứu trợ, thiện nguyện v.v.. Các VNGO và INGO có sự phối hợp và trao đổi khá linh hoạt, tạo thành nhiều mạng lưới liên kết nhằm hướng đến tăng cường nguồn lực và thúc đẩy cho tính bền vững của các chương trình phát triển họ tham gia.

Nhóm này hoàn toàn độc lập với nhà nước nhưng vẫn có sự sự ràng buộc trong quá trình đăng ký hoạt động với các cơ quan hành pháp như Bộ/sở Nội vụ, Bộ/sở Khoa học và Công nghệ, hay các bộ ngành thuộc Chính phủ, như Nghị định 81/2002/NĐ-CP, Nghị định 45/2010/NĐ-CP, Nghị định 30/2012/NĐ-CP, Nghị định 12/2012/NĐ-CP…

Cũng giống như các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các NGO hoạt động đều có lĩnh vực chuyên môn riêng nên vẫn cần sự phối hợp liên kết với các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.

Trực tiếp quản lý chúng tôi về hồ sơ là Sở Nội vụ. PACCOM thì hướng dẫn giấy phép hoạt động… Vừa qua chúng tôi được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và xã hội công nhận vai trò tích cực.

(PVS: đại diện Dự án Bóng đá Cộng đồng tại Việt nam – FFAV, Huế)

Tuy nhiên, cơ chế phối hợp, trao đổi và báo cáo còn chưa thuận lợi.

Chúng tôi nhận được sự hỗ trợ lớn từ các ban ngành, từ Sở Nội vụ, từ PA 25, PA61 công an tỉnh. Sự phối hợp tốt hay không là do các Local NGO tuân thủ theo các quy định pháp luật tốt hay không

(PVS: đại diện Quỹ Những Trái tim Huế)

Về cơ bản, các tổ chức này hoàn toàn phù hợp để đưa vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của LVH bởi tính phi chính trị và "tư nhân hóa" rất rõ. Điều này còn làm cân bằng trước những đòi hỏi về mặt pháp chế trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam với những khuân mẫu giá trị minh bạch, cấp tiến vốn là đặc trưng của các NGO.

Nhóm các tổ chức VNGO và INGO được xem là nhóm có mức độ quan tâm đến LVH rất cao. Tỉ lệ tổ chức NGO phản hồi khảo sát của nghiên cứu này cao nhất (34% đối với nhóm VNGO và 38%

đối với nhóm INGO) trong số các nhóm đối tượng được khảo sát cũng phần nào cho thấy điều này. Ngoài ra, nhiều đối tượng tham gia PVS cũng cho rằng nhóm NGO là nhóm rất quan tâm đến LVH. Thực tế, các nỗ lực của Oxfam, nhóm PPWG và các tổ chức NGO khác, ngay từ giai đoạn hình thành LVH từ năm 2005 đến nay đã minh chứng rất rõ cho điều này. Do vậy, về mức độ quan tâm và ủng hộ, nhóm nghiên cứu xếp cả nhóm các tổ chức VNGO và INGO vào vị trí D trong ma trận phân tích các bên liên quan. Tuy nhiên, về tác động thì dường như các tổ chức INGO có được tác động tích cực hơn, mạnh mẽ hơn các tổ chức VNGO, mặc dù trên thực tế những tác động này hiện nay cũng chưa có được kết quả rõ ràng. Như vậy, trên sơ đồ, nhóm nghiên cứu xác định tọa độ của nhóm INGO ở vị trí **[D;2]** và nhóm VNGO ở vị trí **[D;1]**

2.3.2. Các đối tác phát triển

Các đối tác phát triển (DPs) ở Việt Nam gồm nhiều dạng, từ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện giữa quốc gia với quốc gia, đến đối tác phi chính trị, phi lợi nhuận với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế v.v... Một số đối tác phát triển tiêu biểu ở Việt Nam như Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB), Ngân hàng phát triển châu Á tại Việt Nam (ADB), Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Cơ quan Phát triển Úc (AUSAID), Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ (SDC), Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển (Sida) v.v...

Theo thông tin tại Diễn đàn Đối tác phát triển Việt Nam 2014**,** trong vòng hơn hai thập kỷ qua, các nhà tài trợ, nay là các đối tác phát triển quốc tế đã cam kết cho Việt Nam vay hơn 80 tỉ USD vốn ODA, trong đó hơn một nửa đã được giải ngân, góp phần quan trọng vào tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam.

Các đối tác phát triển hiện nay tập trung hỗ trợ Việt Nam về các vấn đề xây dựng thể chế, chính sách và các chương trình hành động cụ thể trên bốn lĩnh vực: (i) Giảm nghèo và giảm nghèo ở nhóm người dân tộc; (ii) Tham gia của khu vực tư nhân trong cấp nước đô thị và nông thôn; (iii) Bảo vệ môi trường; (iv) Tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua đào tạo nghề và phát triển kỹ năng. Ngoài ra, một số cơ quan, tổ chức đặc biệt quan tâm tới các vấn đề liên quan đến quyền con người như tiếp cận thông tin hay lập hội, biểu tình, v.v…, ví dụ như USAID, SDC, Sida, v.v…

Như vậy, các đối tác phát triển hoàn toàn có thể sử dụng sứ mạng, vai trò và tầm ảnh hưởng của mình đối với Chính phủ Việt Nam để thúc đẩy cho LVH. Mặc dù, hiện nay các cơ quan này chưa thể hiện một cách rõ ràng quan tâm của họ đến LVH, tuy nhiên, theo đánh giá của nhóm nghiên cứu, các DPs hoàn toàn có thể đặt vào vị trí **[C;2]** trong ma trận.

2.4. Cơ quan Báo chí, truyền thông

Vai trò của báo chí được thể hiện qua các chức năng cơ bản như cung cấp thông tin, tạo diễn đàn ngôn luận, định hướng dư luận xã hội v.v.. Trên thực tế, nhiều người coi báo chí là "quyền lực thứ tư" (sau các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp) để ám chỉ năng lực, sức mạnh áp đảo của báo chí đối với việc thu hút, dẫn dắt và định hướng quan điểm xã hội.

Sự tham gia của báo chí trong thời gian gần đây đối trong quá trình xây dựng và bàn thảo một số luật như tiếp cận thông tin, trưng cầu dân ý là khá rõ ràng. Tuy nhiên, sức thu hút và lan tỏa còn hạn chế, chưa tạo được sự chú ý đối với dư luận xã hội về những vấn đề này.

> *Với Luật về Hội, Hội Nhà báo đã từng tham vấn từ lâu, nhưng "chỉ làm lấy lệ". Bản thân Hội Nhà báo không có vai trò nhiều với thực tiễn sôi động của báo chí. Các nhà báo cho dù là hội viên nhưng ít tham gia sinh hoạt Hội.*
>
> *(PVS: phóng viên của Đài Tiếng nói Việt Nam, công tác tại kênh VOV Giao thông)*

Như vậy, mặc dù các chủ đề về dân chủ, về quyền công dân hay được đề cập đến trên báo chí nhưng đối với LVH, báo chí tỏ ra chưa quan tâm, chưa sử dụng các nguồn lực, thế mạnh, tiềm năng của mình để truyền thông. Nhóm nghiên cứu xếp báo chí ở vị trí **[-B;3]** trên Ma trận, nghĩa là có khả năng tác động mạnh nhưng mức độ quan tâm còn thấp.

2.5. Hội không có tư cách pháp nhân, các tổ chức cộng đồng (CBO); Người dân và các diễn đàn cá nhân

2.5.1. Hội không có tư cách pháp nhân và các tổ chức cộng đồng (CBOs)

Trước đây, hội không có tư cách pháp nhân được hiểu là hội hoạt động không thường xuyên, không có điều lệ, hoạt động theo quy định của Chính phủ. Tuy nhiên, theo Dự thảo LVH 2015, hội không có tư cách pháp nhân được hiểu ngắn gọn là hội chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều hội không có tư cách pháp nhân hay các CBO vẫn có điều lệ, nội quy và cơ cấu tổ chức riêng.

Về mặt hình thức, hội không có tư cách pháp nhân hay các CBO ở địa phương có mô hình tổ chức và mối liên kết giữa các hội viên khá lỏng lẻo. Tuy nhiên, sự sôi động của nhóm các hội này được ghi nhận nhờ sự liên kết các nhu cầu sở thích, các mối quan tâm chung, nhưng không bị ràng buộc của quần chúng. Trên thực tế, mảng hội này đang phát triển rất đa dạng, nở rộ bởi gắn với những nhu cầu thiết thực của người dân.

Điều này đặt ra cho LVH một khó khăn là việc ban hành các quy định, điều khoản ràng buộc trách nhiệm như thế nào để nhà nước vừa quản lý được các hội không có tư cách pháp nhân và các CBO, vừa tránh làm cản trở hoạt động của các dạng hội này.

Do đặc điểm mang tính tự phát, tự giác là chủ yếu, các hội không có tư cách pháp nhân và các CBO thường ít quan tâm đến các vấn đề pháp lý. Điều này dẫn đến LVH cũng không phải là một chủ đề thu hút sự quan tâm với nhóm này. Tuy nhiên, khi cần được ghi nhận thì các tổ chức thuộc nhóm này lại bị vướng mắc ở chính các vấn đề pháp lí, việc không có quy định phù hợp đối với họ để có thể tổ chức và hoạt động chính thống đã gây khó khăn cho không ít trường hợp. Tóm lại, mặc dù đây chính là nhóm đối tượng chính của LVH nhưng mức độ quan tâm của nhóm đối tượng này đối với LVH còn chưa rõ ràng, kéo theo đó là tác động còn hạn chết. Vì vậy, nhóm nghiên cứu xác định vị trí của nhóm đối tượng này ở tọa độ **[-B;-3]** trên Ma trận. Nếu như họ có được thông tin nhiều hơn về LVH từ báo chí và các phương tiện truyền thông, hình thức truyền thông khác thì có thể mối quan tâm và tác động của nhóm đối tượng này sẽ được cải thiện tích cực và tương xứng với vai trò của họ như một trong những đối tượng chính của LVH.

2.5.2. Người dân và các diễn đàn cá nhân

Người dân nói chung, khi không xét trong bất kỳ dạng tổ chức hội nào, đều có những mối quan tâm nhất định đến các hoạt động tập thể, các mô hình liên kết. Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, việc người dân tham gia khá tích cực vào các đoàn hội, bên cạnh các mục đích thiện nguyện, còn nhằm mục tiêu đấu tranh chính trị với nhà cầm quyền, đòi hỏi các quyền công dân, quyền dân sự, quyền hội họp, quyền lập hội. Điều này góp phần tạo nên một hệ thống các tầng lớp tổ chức quần chúng như hiện nay ở Việt Nam và việc tỷ lệ tham gia vào các hội đoàn của người dân Việt Nam vào hạng cao nhất khu vực (*CIVICUS, 2006*).

Hơn nữa, với cách tiếp cận nhân quyền, công dân có mối liên hệ chặt chẽ với các quyền tự do tư tưởng, tự do tiếp cận thông tin, tự do hành động lựa chọn việc làm, cũng như quyền tự do tham gia chính trị trong cộng đồng và xã hội của mình (*Tuyên ngôn Phổ quát về Nhân quyền của Liên hợp quốc, 1948*).

Như vậy, ta có thể khẳng định có mối mối quan hệ cơ bản, nền tảng giữa người dân với LVH. Người dân cần được coi là một lực lượng có sự ảnh hưởng nhất định đến LVH.

Tuy nhiên, do truyền thống từ mô hình làng xã với các mối quan hệ thân tộc bên trong gia đình, đến các mối quan hệ cộng đồng dưới các dạng hội đồng hương, hội đồng niên, hội liên gia v.v.. đến nay vẫn chịu ảnh hưởng của tư tưởng "phép vua còn thua lệ làng". Điều này dẫn đến việc đa số người dân, ít quan tâm đến pháp luật về quyền công dân, coi quyền hội họp, quyền lập hội là đương nhiên, không cần phải xin phép.

Đối với nhóm dân số trẻ, hiện nay, các diễn đàn điện tử trở thành một kênh trao đổi, chia sẻ thông tin, giao lưu thiết yếu. Một hình thức tương tác phát sinh từ mạng xã hội là việc hình thành các Blog, rồi đến các Vlog, để nói lên quan điểm, suy nghĩ của mình về một vấn đề nào đó đang trở thành một xu thế của giới trẻ Việt Nam.

Thời gian qua, do lo ngại mất kiểm soát thông tin trên các trang blog cá nhân, nhà nước đã có những can thiệp nhất định, ban hành những quy định nhằm quản lý thông tin trên các trang điện tử

cá nhân. Như vậy, hoàn toàn có thể coi các Blogger, Vlogger là lực lượng tiềm năng đối với việc bàn thảo LVH.

Tuy nhiên, nói chung, mức độ quan tâm hiện nay của người dân đối với LVH chưa cao, kể cả với nhóm trung, cao tuổi hay nhóm trẻ. Do vậy, nhóm nghiên cứu đánh giá và xếp nhóm người dân nói chung và các Vlog vào vị trí **[-C;-4]** trong Ma trận.

PHẦN 3 - QUAN ĐIỂM CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT VỀ HỘI

Nhiệm vụ chính của nghiên cứu này là xác định các bên liên quan để có được những gợi ý về phương pháp tiếp cận trong quá trình vận động cho LVH. Tuy nhiên,nếu chỉ dừng lại ở việc xác định và phân tích xem các bên liên quan ủng hộ hay phản đối, mức độ tác động đến đâu, thì sẽ không đầy đủ. Quan điểm và các nội dung nào cần quy định hoặc cần chú ý trong dự thảo LVH là những vấn đề hết sức quan trọng và cần được chú trọng thỏa đáng trong quá trình tìm hiểu ý kiến của các bên liên quan, từ đó có căn cứ cho các nội dung vận động cho LVH.

Nhìn chung, hầu hết các ý kiến đưa ra cho thấy, nhu cầu đối với Luật về Hội của các tổ chức ở Việt Nam hiện nay là rất lớn, *tuy nhiên, mục tiêu các tổ chức hướng tới là một văn bản có thể đảm bảo quyền tự do lập hội của người dân*, chứ không phải một văn bản nghiêng về hạn chế lập hội hay một văn bản "nâng cấp" của Nghị định 45/2010/NĐ-CP, một "bản sao" của dự thảo năm 2005 – những văn bản tạo điều kiện để quản lý nhà nước thay vì tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự thành lập, hoạt động và phát triển của các tổ chức. Phần này, nhóm nghiên cứu trình bày kết quả tham vấn ý kiến của các cá nhân và tổ chức đã tham gia phỏng vấn sâu và khảo sát về quan điểm cũng như các nội dung quan trọng của LVH.

3.1. Quan điểm về quyền lập hội

Căn cứ Hiến pháp 2013, Quyền lập hội là quyền hiến định của công dân. Do vậy, vấn đề quản lý nhà nước là phải đặt ra những quy định hợp lý, tạo ra hành lang pháp lý dân chủ và khoa học cho quyền này được thực thi.

Tuy nhiên, trên thực tế, trong thể chế chính trị Việt Nam, quyền lập hội vẫn còn tính "nhạy cảm" nhất định. Trong hệ thống các cơ quan nhà nước, các quan điểm về hạn chế quyền này còn khá nặng nề:

> *Trở ngại lớn nhất là nhận thức về vai trò của hội của một số nhóm xã hội, đặc biệt là các lãnh đạo cao cấp, kể cả một số trí thức lo hội gây rắc rối, sợ khó kiểm soát.*
> *(PVS: đại diện TT Bồi dưỡng Đại biểu dân cử, thuộc Văn phòng Quốc hội)*

Tuy nhiên, dưới quan điểm của giới học thuật, quyền lập hội là quyền cơ bản, cần được nhìn nhận dưới giác độ nhân quyền. Đây là cơ sở cho quyền chính trị của công dân.

> *Quyền lập hội là quyền cơ bản, được bảo vệ bởi cơ chế bảo vệ Hiến pháp. Hiến pháp quy định nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Lập hội sẽ là công cụ để nhân dân tham gia quản lý. Luật hội sẽ làm rõ được vai trò vận động chính sách của các hội, giảm tiêu cực, đáp ứng minh bạch.*
> *(PVS: đại diện Viện Nhà nước & Pháp luật, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Hà Nội)*

> *Có mấy lý do. Thứ nhất, Hiến pháp 2013 đã thừa nhận quyền tự do lập hội. Đây là căn cứ cao nhất, quan trọng nhất. Thứ hai là thời điểm chín muồi, đặc biệt sau sự kiện Trung Quốc đặt giàn khoan 981 năm 2014 đòi hỏi Việt Nam phải hội nhập sâu với quốc tế để kêu gọi sự ủng hộ của bạn bè. Thứ ba, hội hướng con người đến sự lượng thiện, tính cộng đồng trong khi nhiều việc nhà nước chưa làm được. Thứ tư, về thể chế chính trị, một nhà nước pháp quyền đòi hỏi cần có luật hoàn thiện. Nỗi sợ tiêu cực về hội kiểu cách mạng màu sắc thì phải có Luật để định hướng, kiểm soát, không để người xấu lợi dụng. Thứ tư, trình độ làm luật của ta bây giờ cao, trí tuệ của xã hội cũng đã phát triển.*
> *(PVS: chuyên gia Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội)*

Như vậy, ngay trong hệ thống các cơ quan nhà nước đã xuất hiện quan điểm đối lập nhau. Một nhóm các nhà lãnh đạo và quản lý xã hội có tính bảo thủ vẫn còn e ngại về quyền công dân. Trong khi đó, các học giả, các cơ quan khoa học là trường đại học, viện nghiên cứu thuộc hệ thống chính trị lại có quan điểm cấp tiến và cởi mở trong vấn đề này.

Từ góc độ các hội, kết quả khảo sát cho thấy quan điểm của các hội muốn nhấn mạnh vào ba điểm chính: (1) tác dụng huy động các nguồn lực xã hội, (2) hình thành cơ chế giám sát, phản biện nhà nước, (3) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân (Hình 5, 6).

Hình 5: Quan điểm về ý nghĩa của hoạt động Hội ở Việt Nam (%)

NHÓM CTXH/CTXHNN

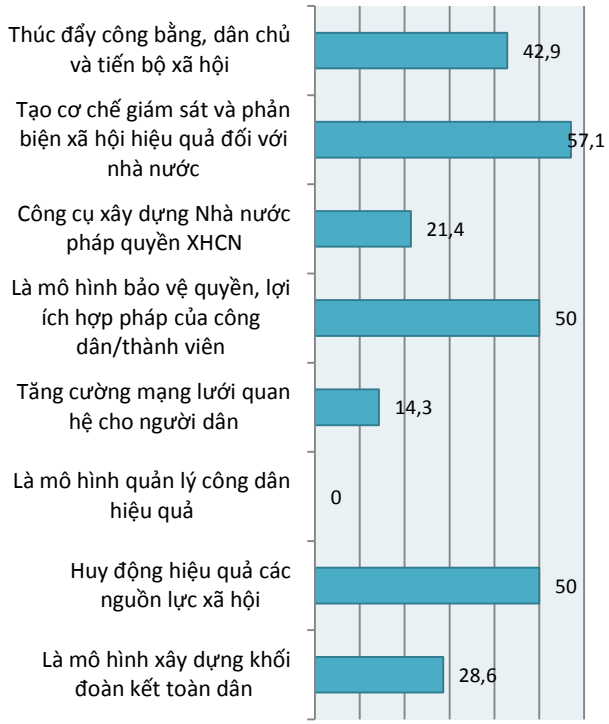

NHÓM XHNN

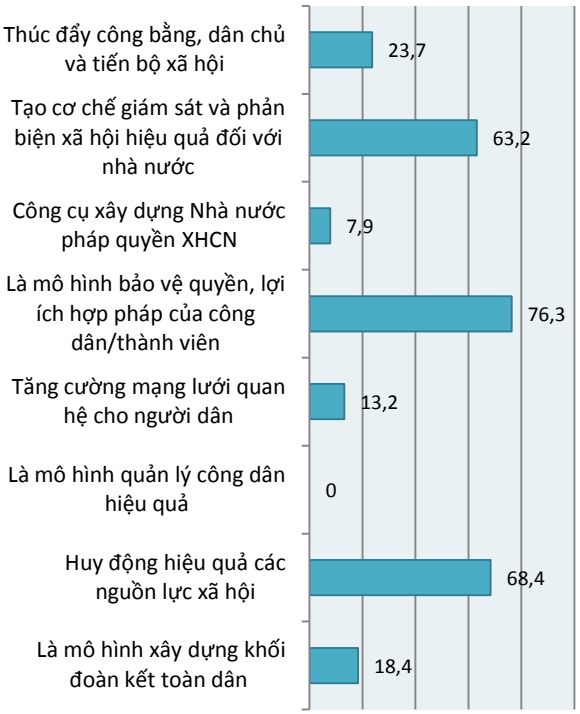

NHÓM INGOs/VNGOs

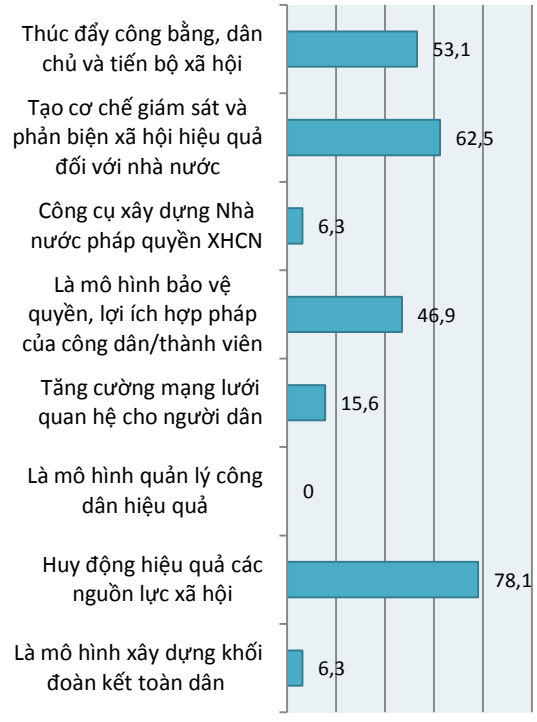

NHÓM CBOs

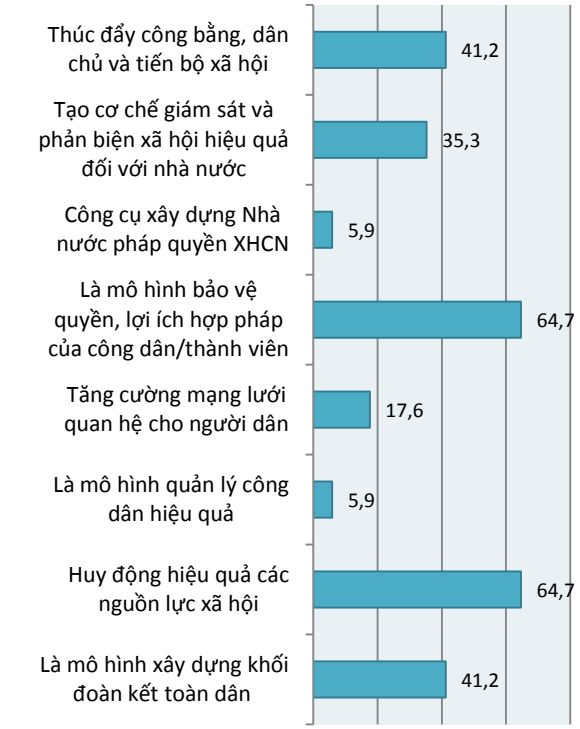

Hình 6: Quan điểm về mục tiêu cơ bản của quyền lập Hội, gia nhập Hội, hoạt động Hội (%)

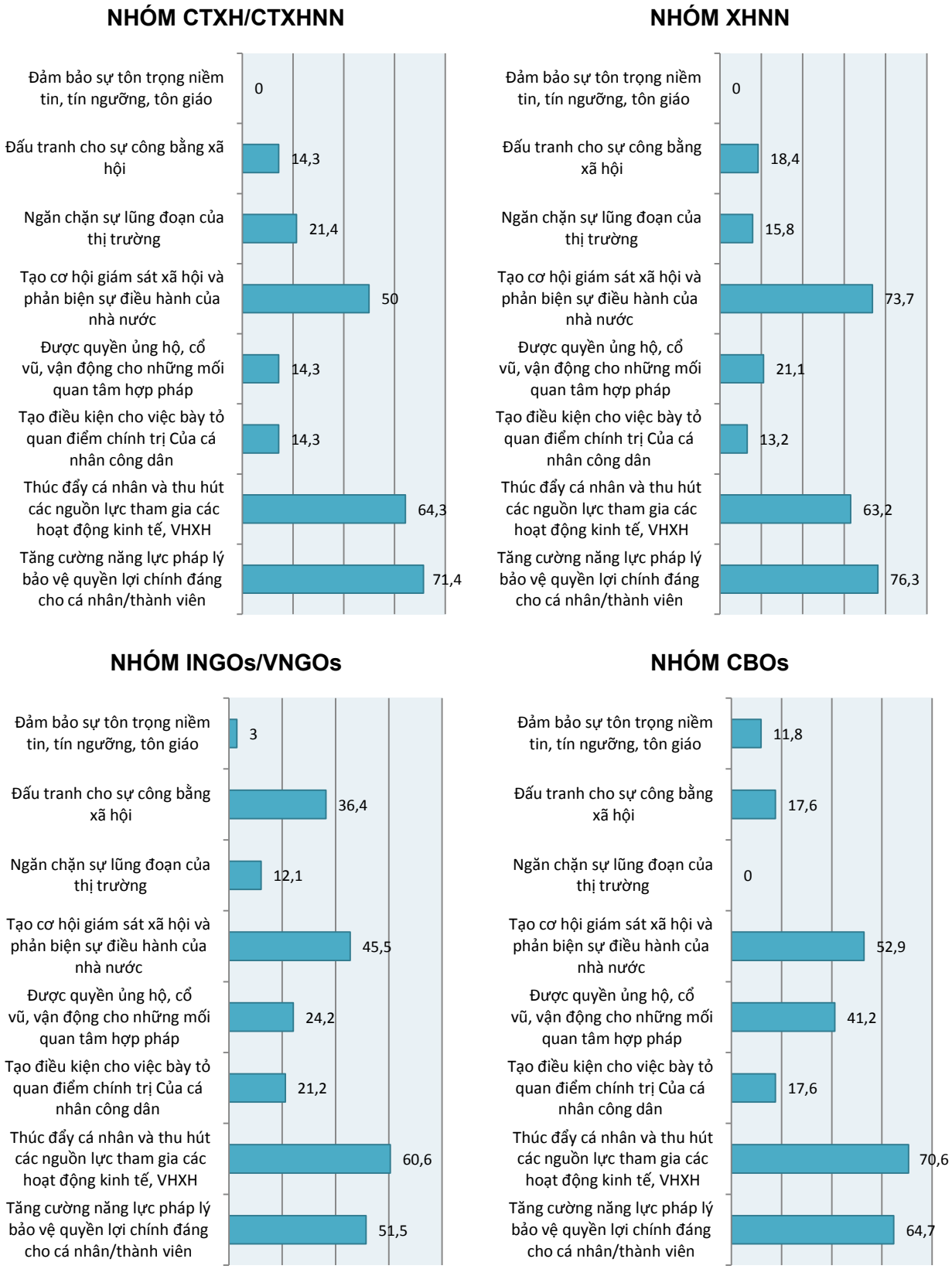

Trước những ý nghĩa và vai trò khi quyền lập hội được thừa nhận, điều kiện các hội đặt ra đối với nhà nước để hiện thực hóa quyền lập hội tập trung ở ba yêu cầu: (1) Thứ nhất là tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội tiếp cận các nguồn lực tài chính, nhân sự, kỹ thuật, hạ tầng. (2)

Thứ hai là tạo điều kiện cho việc đăng ký thành lập, gia nhập và hoạt động hội. (3) Thứ ba là sớm ban hành LVH (Bảng 2).

Bảng 3: Điều kiện đảm bảo của Nhà nước cho quyền lập Hội (%)

STT	Các điều kiện	Tỷ lệ
1	Tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội tiếp cận các nguồn lực tài chính, nhân sự, kỹ thuật, hạ tầng	57.8
2	Tạo điều kiện cho việc đăng ký thành lập, gia nhập và hoạt động hội	54.9
3	Sớm ban hành LVH	53.9
4	Tăng cường cơ chế tiếp cận, chia sẻ thông tin	40.2
5	Đảm bảo tính pháp quyền trong quản lý hội	32.4
6	Sớm ban hành Luật Trưng cầu Dân ý, Luật Biểu tình, Luật Tiếp cận thông tin	13.7
7	Sửa đổi, điều chỉnh các luật có liên quan: Luật Bầu cử, Luật Báo chí, Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự và Luật Xử lý vi phạm hành chính	10.8
8	Cho phép thành lập theo ý nguyện, cả các tổ chức không có tư cách pháp nhân	8.8
9	Tích cực phòng chống quan liêu, tham nhũng	7.8
10	Khác	2

3.2. Nhu cầu của các bên đối với Luật về Hội

Tại thời điểm hiện tại, có thể khẳng định nhu cầu ban hành LVH không chỉ xuất phát từ phía các Hội (đối tượng điều chỉnh) mà còn xuất phát từ phía các cơ quan định hướng, quản lý nhà nước; một bên đòi hỏi một môi trường pháp lý phù hợp để có thể hoạt động, phát triển và một bên đòi hỏi các công cụ quản lý mới thay thế cho những quy định cũ đã không còn phù hợp trong bối cảnh hiện tại.

Từ phía cơ quan Nhà nước:

Hiện nay, các hội đã phát triển hết sức đa dạng và phong phú cả về quy mô, phạm vi hoạt động, tên gọi, tính chất, lĩnh vực. tính đến tháng 12/2014, có 481 hội hoạt động phạm vi cả nước; có 52.019 hội hoạt động phạm vi địa phương [21]; các tổ chức INGO đến năm 2012 đã có hơn 900 tổ chức hoạt động với mức giải ngân trên 300 triệu USD[22]; .

Trong bối cảnh bùng nổ của các hội, theo Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28/8/2012, Đảng cũng đã nhận thấy những bất cập trong quản lý đối với các Hội "*Công tác quản lý nhà nước, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hội chưa theo kịp sự phát triển của hội quần chúng*". Hiện nay, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về hội có nhiều văn bản điều chỉnh khác nhau như *Sắc lệnh số 102/SL/L004* vẫn còn hiệu lực thi hành, *Nghị định 45/2010/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội* hay *Luật Luật sư…* trong đó Sắc lệnh 102/SL/L004 sau hơn 60 năm đã không còn phù hợp, Nghị định 45/2010/NĐ-CP không được đánh giá cao về mặt chất lượng *(tới 51.3% tổ chức tham gia khảo sát đánh giá các quy định của Nghị định 45/2010/NĐ-CP chưa hoàn thiện),* đòi hỏi một Luật về Hội mới để thay thế Sắc lệnh 102 và đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của các quy định pháp luật, chưa kể đến việc đáp ứng yêu cầu ban hành Luật cho phù hợp với tinh thần của Hiến pháp mới.

> *Phát triển Nghị định 45 không đáp ứng được tinh thần của Hiến pháp 2013. Do vậy, cần có LVH do Quốc hội ban hành.*
>
> *(PVS: đại diện Thư viện Quốc hội, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

[21] Báo cáo số 2640/BC – BNV của Bộ Nội vụ về quan điểm chỉ đạo và một số định hướng lớn xây dựng Dự án Luật về hội.

[22] Thông tin từ trang web của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, http://www.vietpeace.org.vn/express/express_detail_v.aspx?id1=7&id2=147&id3=1775

Đây là thời điểm chín muồi để vận động vì không phải tự nhiên mà quy định quyền lập hội được đưa lên Chương 2 sau Chế độ chính trị. Hơn nữa, Việt nam hiện đang đối mặt với sức ép của quá trình hội nhập. Đòi hỏi từ hiệp định xuyên Thái Bình Dương -TPP, hay các hiệp định với Ngân hàng Thế giới-WB cũng gián tiếp ảnh hưởng. Ngoài ra, hiện đang thiếu công cụ quản lý đặc biệt về hỗ trợ nhân đạo. Do vậy cần có hội để có thể làm được.

(PVS: đại diện Viện Nhà nước & Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, HN)

Từ tinh thần trên của Đảng, việc xây dựng LVH trở thành "nhiệm vụ" một cách hệ thống. Tại Kết luận số 102-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2014 về Hội quần chúng Bộ Chính trị đã giao trách nhiệm cho Quốc hội ban hành LVH: *Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu xây dựng, trình Quốc hội xem xét việc ban hành Luật về lập hội.* Quốc hội phân công cho Chính phủ theo *Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 ngày 02/01/2014 về Kế hoạch triển khai thi hành Hiến pháp.* Chính phủ giao cho Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng theo Nghị quyết phân công nhiệm vụ thực hiện chương trình hành động của Chính phủ *số 06/NQ-CP* ngày 07 tháng 3 năm 2012. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng chính sách đối với các tổ chức XHDS nhìn chung là chưa cởi mở do có sự lo ngại chủ yếu đến từ các tổ chức XHDS có mục đích chính trị và tôn giáo, bởi hoạt động của các tổ chức này được gắn với nguy cơ bất ổn về mặt xã hội[23].

Từ phía các hội

Sự bùng nổ và phát triển số lượng các hội trong thời gian quan được đánh giá là thiếu tính quy hoạch đã gây ra khó khăn cho các cơ quan quản lý mà còn gây ra nhiều vấn đề cho chính các hội.

Hiện nay có tình trạng loạn hội. Một tổ chức quản lý nhiều đối tượng. Một đối tượng lại bị quản lý bởi nhiều tổ chức. Các hội tranh cãi về vị trí của mình, không biết ai là người đứng đầu, ai là người đại diện được nhà nước công nhận. Điều này vừa làm giảm vai trò của các hội, vừa lãng phí tâm lực để đóng góp tích cực.

(PVS: đại diện Hiệp hội doanh nghiệp Thừa Thiên Huế)

Hệ thống hội cồng kềnh quá. Một địa phương có tới 13 tổ chức hội là quá lớn. Thời gian họp hành, biểu dương tốn quá nhiều thời gian. Một bộ phận không nhỏ biến tổ chức hội thành sân chơi cá nhân chứ không phải vì một nhu cầu xã hội. Do vậy, hiện nay không tập hợp được người có tâm huyết.

(PVS: đại diện Hội Nhà Báo tỉnh Thái Nguyên)

Ở đây đặt ra vấn đề về mô hình quản lý hội hiện hành ở Việt Nam vừa thừa, vừa thiếu tính hệ thống và chỉnh thể. Do tính đa dạng về mô hình tổ chức và nguồn gốc hình thành nên rất khó phân loại một cách toàn diện hệ thống các hội ở Việt Nam. Việc nhà nước can thiệp sâu, hình thành cơ chế bao cấp qua việc phân định nhiều cấp độ hội như tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội v.v... làm cho ngay chính hệ thống và mạng lưới hội càng thêm rối. Hơn nữa, các tiêu chí của sự phân định này đôi khi là mơ hồ, thiếu logic và tính thuyết phục. Ví dụ như Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg lấy một căn cứ phân loại hội đặc thù là các hội đã được Nhà nước giao biên chế, hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 có hiệu lực (Nghị định 45/2010/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/07/2010). Lý do này dẫn đến tình trạng một số hội có tính chất truyền thống tự cho mình các vai trò lịch sử, có ý nghĩa xã hội quan trọng hơn, có quyền xếp trên các hội khác, đòi hỏi nhận được nhiều sự ưu đãi hơn các hội khác.

Nếu theo Nghị định 45, các hội tự hoạt động theo điều lệ mà không cần có cơ quan chủ quản. Thực tế hiện nay đúng là cũng không ai quản lý nên hội chúng tôi cũng chẳng cần điều lệ nhưng vẫn hoạt động tốt. Chưa kể mỗi hội có một kiểu con dấu riêng, không có sự thống nhất.

(PVS: đại diện Hội Văn học và Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên)

[23] TT, TI, Depocen (2013), Hệ thống Liêm chính Quốc gia Việt Nam, tr196.

Ở các quốc gia dân chủ, nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường và xã hội dân sự là ba thành tố cơ bản tạo nên bộ khung vận hành hệ thống xã hội. Tuy nhiên, ở Việt Nam, do xã hội dân sự chưa được chính thức thừa nhận, tất yếu, dẫn đến những rào cản cho hoạt động hội. *Khó khăn đầu tiên* là thiếu sự ủng hộ của cơ quan nhà nước trong việc thành lập và hoạt động một số dạng hội.

> *Quá trình thành lập NGO nói chung là thuận lợi. Các NGO dễ dàng thực thi về các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, nhưng chưa có điều kiện phản biện xã hội. Các NGO về chính sách khó thành lập. Khung pháp lý như vậy chưa hợp lý, chưa bình thường, vẫn mang dáng dấp của thời bao cấp, thời chiến.*
>
> *(PVS: đại diện TT Nghiên cứu Phát triển hỗ trợ Cộng đồng CECODES)*

> *Ở Việt Nam khó gây quỹ. Quản lý quỹ từ nước ngoài qua các kênh online là khó. Hiện nay Nhà nước cho phép gây quỹ nhưng hệ thống ngân hàng chưa tạo điều kiện. Ví dụ, ở nước ngoài, nếu chuyển 1 USD thì ngân hàng sẽ cho 0,5 USD. Nhưng ở Việt Nam, nước ngoài chuyển 100 USD, NGO chỉ được nhận 65 USD. 35 USD là phí ngân hàng. Điều này gây bất tiện cho nhà đầu tư. Nếu cơ chế không thông thoáng thì người ta sẽ chuyển cho nước khác, Việt Nam sẽ bị mất cơ hội"*
>
> *(PVS: đại diện Quỹ Những Trái tim Huế)*

Dạng khó khăn thứ hai là ngoài những vấn đề của hệ thống hành chính công nói chung như việc quản lý chồng chéo, trùng lặp; việc nhà nước hành chính hóa hoạt động hội cũng đang là vấn đề nan giải (

Bảng 4).

Bảng 4: Khó khăn về môi trường pháp lý của các tổ chức hội (%)

STT	Các khó khăn	Tỷ lệ
1	Hệ thống pháp luật về thành lập hội vẫn nặng về quản lý hành chính	59.4
2	Cơ chế bảo vệ quyền tự do hiệp hội hiện vẫn thiếu hụt	37.5
3	Gặp nhiều rào cản pháp lý và trong tiếp nhận tài trợ và triển khai hoạt động	34.4
4	Công nghệ, hạ tầng thấp, không đảm bảo	26
5	Khung pháp lý để thành lập không đầy đủ	24
6	Thiếu cơ quan đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn	20.8
7	Không có sự ủng hộ, giúp đỡ của mạng lưới các tổ chức cùng loại hình	12.5
8	Thiếu sự ủng hộ, tin cậy từ cộng đồng dân cư	1

Việc hành chính hóa được thể hiện qua tình trạng các hội chịu nhiều đầu mối cơ quan nhà nước quản lý. Đặc biệt, sự quản lý đôi khi chỉ mang tính hình thức, trên danh nghĩa.

> *Hội của chúng tôi hiện nay chịu sự quản lý của một loạt ban ngành. Sở Lao động Thương binh và Xã hội quản lý về nội dung hoạt động. Sở nội vụ quản lý về tổ chức, nhân sự. Sở ngoại vụ quản lý đoàn ra, đoàn vào. Sở tài chính giám sát ngân sách. Văn phòng ủy ban tỉnh, Mặt trận tổ quốc tỉnh quản lý về hoạt động triển khai. Tóm lại là nhiều cơ quan nhưng vẫn khó khăn trong thủ tục tiếp nhận tài trợ và sử dụng các nguồn lực. Lập một dự án phải trình một loạt sở.*
>
> *(PVS: đại diện hội bảo trợ Người tàn tật và trẻ mồ côi thành phố Huế)*

> *Hiệp hội của chúng tôi bị quản lý về nghề nghiệp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nhưng thực tế, chúng tôi chẳng có liên quan gì, chỉ thêm rắc rối.*
>
> *(PVS: đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp Thừa Thiên Huế)*

> *Trong thời gian đầu Paccom có hướng dẫn thủ tục xin giấy phép hoạt động nhưng sau không hỗ trợ gì về quá trình gây quỹ. Sở Ngoại vụ có hướng dẫn nhưng thủ tục đế người nước ngoài đến thăm dự án còn rườm rà.*
>
> *(PVS: đại diện Dự án Bóng đá Cộng đồng tại Việt nam – FFAV, Huế)*

Dạng khó khăn thứ ba của hội là việc tìm kiếm các đối tác từ các cơ quan nhà nước, cũng như thiếu khung pháp lý cho các hoạt động tạo nguồn.

> *Khó khăn khi làm việc với các cơ quan Việt Nam là họ chỉ chú ý đến lĩnh vực chuyên môn. Ví dụ như khi làm việc với Sở Giáo dục, họ chỉ nghĩ đến dạy học. Khi làm việc với Liên đoàn Bóng đá Việt Nam, họ chỉ muốn hỗ trợ phát triển bóng đá chuyên nghiệp trong khi mục đích của chúng tôi là bóng đá phong trào dành cho đối tượng trẻ em yếu thế. Do vậy, chúng tôi phải chuyển dự án từ Hà Nội vào Huế.*
>
> *(PVS: đại diện Dự án Bóng đá Cộng đồng tại Việt nam – FFAV, Huế)*

Từ những khó khăn trên, nhu cầu đối với Luật về Hội của các tổ chức ở Việt Nam hiện nay là rất lớn, *tuy nhiên, mục tiêu các tổ chức hướng tới là một văn bản có thể đảm bảo quyền tự do lập hội của người dân*, chứ không phải một văn bản nghiêng về hạn chế lập hội hay một văn bản "nâng cấp" của Nghị định 45/2010/NĐ-CP, một "bản sao" của dự thảo năm 2005 – những văn bản tạo điều kiện để quản lý nhà nước thay vì tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự thành lập, hoạt động và phát triển của các tổ chức.

> *Nhu cầu xã hội thì chưa cấp bách, nhưng đối với các doanh nghiệp thì là nhu cầu cấp bách. Nhất là với các doanh nghiệp mới, tính liên kết kém, chưa có kinh nghiệm kinh tế thị trường, quy mô nhỏ, hoặc do đặc tính văn hóa. Vì vậy, nhu cầu sống còn là cần có LVH mạnh để phát triển.*
>
> *(PVS: đại diện VCCI, Hà Nội)*

Trên thực tế, những ý kiến đánh giá ban đầu về Dự thảo LVH 2015 cho thấy rất nhiều vấn đề bất cập, trong đó chủ yếu đặt nặng về quản lý hành chính nhà nước, chứ không phải để tạo cơ chế cho hội phát triển.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất đối với việc xây dựng Luật không phải ở các nội dung điều khoản mà cần xuất phát ngay từ quan điểm, tinh thần vì sự phát triển của hệ thống hội ở Việt Nam.

> *Luật phải phản ánh đúng tinh thần của Hiến pháp 2013, tinh thần thời đại, xu thế dân chủ hóa của thế giới, phù hợp thực chất của đổi mới, phát huy tiềm năng của nhân dân, góp phần quản lý các hội thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, Luật hội phải khác luật chính trị. Xây dựng Luật hội phải tính toán được các bước quá độ. Về tổ chức, cần tính tới mô hình cổ phần hóa hệ thống doanh nghiệp đang chuyển đổi, giống thể chế kinh tế thị trường ta đang triển khai.*
>
> *(PVS: chuyên gia Chính trị học Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội)*

> *Luật hội cần phải chi tiết chứ không thể theo luật khung. LVH đòi hỏi cấu trúc cao, tư duy lại toàn bộ về cấu trúc cán bộ theo kiểu mới.*
>
> *(PVS: đại diện Viện Nhà nước & Pháp luật, Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, HN)*

Ngoài ra, một nhiệm vụ khó khăn của LVH chính là việc phải bao quát các nhóm đối tượng điều chỉnh rộng, da dạng và phức tạp. Do vậy, để sớm được thông qua, Luật cần hài hòa, tránh những đụng chạm lớn đến lợi ích của các nhóm trong phạm vi điều chỉnh.

> *Luật phải rất kín kẽ để tránh mỗi hội, mỗi nơi hiểu theo một lẽ. Nếu không sẽ hình thành hai xu hướng: hạn chế sự phát triển của hội và tạo kẽ hở cho cơ chế xin – cho, cửa quyền.*
>
> *(PVS: đại diện Hội Khuyến học thành phố Hồ Chí Minh)*

> *Khi thảo luận về Luật này cần tránh sự hạn chế sự tranh dành quyền lợi giữa các hội, giữa các cá nhân.*
>
> *(PVS: đại diện Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên)*

3.3. Quan điểm về một số nội dung của Luật về Hội

3.3.1. Đối tượng tác động và phạm vi điều chỉnh

Đây là một trong những vấn đề phức tạp nhất của Luật về Hội. Thông thường, theo cách hiểu chung của quốc tế, tổ chức hội dù hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, nhưng đều thuộc xã

hội dân sự. Do vậy, tất cả các loại hội đều có thể nằm chung trong phạm vi điều chỉnh của một bộ luật để đảm bảo công bằng, bình đẳng trong mối quan hệ với pháp luật.

Tuy nhiên, đặc thù về thể chế chính trị và lịch sử đã tạo ra sự ảnh hưởng lớn đến các loại hình hội ở Việt Nam. Vấn đề phạm vi điều chỉnh của LVH thu nhận được nhiều ý kiến trao đổi, thậm chí là trái chiều, đối lập gay gắt.

Tất cả các tổ chức chính trị - xã hội (các tổ chức đoàn thể) đều không đồng ý thuộc phạm vi điều chỉnh của LVH với lý do các tổ chức này mặc dù là hội nhưng trực tiếp do Đảng cộng sản quản lý, gắn trực tiếp với các nhiệm vụ chính trị về tập hợp, vận động quần chúng nhân dân nên không muốn hiểu đó là các tổ chức hội tự nguyện đơn thuần. Hơn nữa, điểm mấu chốt là không tổ chức nào muốn mất hoặc giảm đi sự bao cấp của nhà nước. Do vậy, quan điểm với Luật của hầu hết các hội đang nhận được sự bao cấp là Luật ra đời phải đảm bảo những ưu đãi đó.

> *Luật Hội ra sau không được phá vỡ các luật đang có của các tổ chức chính trị - xã hội.*
>
> *(PVS: đại diện Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên)*

Tuy nhiên, các quan điểm cấp tiến đều muốn nhân cơ hội ban hành LVH để có cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi, thu hẹp dần những lợi thế, quyền hạn của các tổ chức hội được cho là ngày càng tạo ra gánh nặng cho nhà nước, cho ngân sách trong khi sự chủ động, tính hiệu quả không cao. Hơn nữa, điều này góp phần tạo ra sự bình đẳng, công bằng của pháp luật đối với các hội. Do vậy, nhiều ý kiến cho rằng nên có có sự chuyển đổi mô hình hoạt động, chức năng hoặc tên gọi của các nhóm hội được nhà nước bao cấp.

> *Nên gộp tất cả các tổ chức nhưng chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn một đưa các tổ chức chính trị - xã hội vào nhưng nhấn mạnh tính xã hội; tránh đụng chạm đến chức năng, quyền hạn, lợi ích. Giai đoạn hai mới đề cập đến việc thay đổi chức năng của các tổ chức này, nhấn mạnh chức năng xã hội.*
>
> *(PVS: chuyên gia Chính trị học của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội)*

> *Mặt trận tổ quốc và các thành viên nên chuyển sang mô hình thượng viện, đại diện cho các giai tầng. Đã là hội phải thuộc về xã hội dân sự.*
>
> *(PVS: đại diện Thư viện Quốc hội, thuộc Văn phòng Quốc hội)*

> *Đã hội thì không có tính đặc thù, chỉ là hội nghề hoạt động trong lĩnh vực đặc thù. LVH nên quy định một số lĩnh vực đặc thù.*
>
> *(PVS: đại diện Viện Nhà nước & Pháp luật, Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, HN)*

Trong nhiều ý kiến bàn riêng về nhóm 6 tổ chức chính trị - xã hội, một giải pháp nhận được khá nhiều sự tán đồng là xem xét chuyển đổi hình thức hoạt động, hoặc chỉ là thay đổi cách gọi tên để hợp lý khi loại 6 tổ chức này ra khỏi phạm vi tác động của Luật.

> *Những cái gì không có màu sắc của hội thì loại ra, thay đổi cách gọi. Ví dụ như ủy ban thanh niên, ủy ban phụ nữ, ủy ban bảo trợ công nhân v.v.. Các tổ chức này chuyển sang hoạt động theo thể chế chính quyền.*
>
> *(PVS: đại diện Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên)*

3.3.2. Một luật chung hay nhiều luật nhỏ?

Do tính phức tạp của phạm vi điều chỉnh và đối tượng tác động, một câu hỏi đặt ra là liệu chỉ nên xây dựng một luật khung hay chia thành nhiều luật nhỏ để Luật về Hội sớm được thông qua.

Kết quả khảo sát cho thấy đây là câu hỏi không dễ đi đến sự thống nhất khi sự chêch lệch giữa những người ủng hộ việc chỉ có một Luật và những người ủng hộ việc nên chia tách thành nhiều là không nhiều (54,9% người tham gia khảo sát cho rằng chỉ nên có một bộ Luật, 45,1% còn lại cho rằng nên chia tách).

> *Nên chấp nhận tiến trình chưa bao gồm 6 tổ chức chính trị - xã hội. Không nên cầu toàn.*
>
> *(PVS: đại diện Trung tâm Nghiên cứu Phát triển hỗ trợ Cộng đồng - CECODES)*

Luật thì phải bao quát tất cả các dạng tổ chức. Việc thiết kế nội dung riêng cho các tổ chức, kể cả các tổ chức chính trị - xã hội chỉ là vấn đề kỹ thuật lập pháp. Một số luật có phạm vi điều chỉnh lớn đã phải xử lý kỹ thuật như vậy. Nếu không đưa vào sẽ tạo ra sự bất bình đẳng, dẫn đến sự không minh bạch. Phải coi LVH là cơ hội để bao quát lại, hệ thống lại, tổ cức, sắp xếp lại.

(PVS: đại diện Hội Luật gia thành phố Hồ Chí Minh)

3.3.3. Chủ thể quản lý nhà nước về hội

Mặc dù tồn tại nhiều phức tạp về cơ chế quản lý nhưng 71,4% tổ chức hội tham gia khảo sát cho rằng vẫn cần phải có cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động hội. Tuy nhiên, vấn đề chính đặt ra là cần quản lý theo mô hình nào để vừa phát huy hết các nguồn lực của hội, vừa đảm bảo vai trò quản lý của cơ quan công quyền.

Nhằm tránh chồng chéo trong quản lý nhà nước về hội, ba bước cần xem xét là (1) việc phân cấp quản lý; (2) cơ quan quản lý và (3) cách thức quản lý.

Bước thứ nhất, về phân cấp quản lý hội:

Phần lớn các ý kiến ủng hộ quan điểm phân thành hai cấp cấp trung ương và cấp tỉnh/ thành phố. Điều này thuận tiện cho cả khâu quản lý của cơ quan nhà nước, lẫn sự chủ động trong hoạt động của các hội.

Cấp nào công nhận cấp đấy. Bộ Nội vụ duyệt cấp trung ương. Các tỉnh duyệt cấp địa phương. Tránh tình trạng trên duyệt nhưng không nắm được nhân sự cụ thể. Cơ quan ngành dọc chỉ hướng dẫn chuyên môn.

(PVS: đại diện Liên hiệp các tổ chức Khoa học và kỹ thuật Cần Thơ)

Quy định thành lập hội thuộc cấp nào nên để cho cấp đó ký và quản lý. Trước đây, cấp huyện thành lập hội đều do chủ tịch tỉnh ký.

(PVS: đại diện Hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên)

Tuy nhiên, cũng có ý kiến đề xuất không nên triển khai hệ thống hội theo cấp hành chính bởi sự máy móc và hình thức. Quan điểm là các hội cần có tư cách pháp nhân độc lập để hoạt động chủ động theo khuôn khổ pháp luật cũng như để cơ quan nhà nước thuận tiện cho việc quản lý, không cần phải chờ ý kiến của tổ chức "ngành dọc" của hội đó. Gợi ý này có những khía cạnh khá hợp lý nếu quy chiếu sang mô hình tổ chức doanh nghiệp theo thể chế thị trường ở Việt Nam.

Không nên tổ chức hoạt động hội theo cấp hành chính mà nên để các chủ thể độc lập theo quy định pháp luật.

(PVS: đại diện Hiệp hội Làng nghề tỉnh Thái Nguyên)

Bước thứ hai, về cơ quan quản lý hội:

Với sự đa dạng về loại hình hội, các mô hình quản lý hội đang tồn tại hiện nay gồm:

- Đối với các tổ chức chính trị - xã hội: cơ quan Đảng quản lý, định hướng nội dung.
- Đối với 28 hội đặc thù và các tổ chức nghề nghiệp: Bộ/sở nội vụ quản lý hồ sơ; chính phủ/ủy ban nhân dân tỉnh/thành quản lý kế hoạch; các bộ/sở ngành chuyên môn quản lý hoạt động cụ thể.
- Đối với các NGO trong nước và quốc tế: Bộ/sở nội vụ quản lý hồ sơ, nằm trong mạng lưới của một "siêu tổ chức hội" như VUSTA, VUFO, PACCOM hay các mạng lưới tổ chức quốc tế v.v.. hoạt động theo từng dự án, không phải báo cáo từng hoạt động cụ thể.
- Đối với các CBO: không chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan nào; đôi khi tiếp xúc với chính quyền cơ sở để xin phép cho các hoạt động nhỏ.

Trong các mô hình trên, Bộ/sở Nội vụ chỉ chủ yếu đóng vai trò trong việc quản lý hồ sơ cấp phép hoạt động của các hội. Như vậy điều này tạo ra một nhược điểm lớn là trong quá trình triển khai hoạt động, các hội lại phải "gõ cửa" nhiều loại cơ quan nhà nước khác.

Do vậy, nhu cầu lớn nhất của các hội hiện nay là cần có một đầu mối quản lý chung. Điều này giúp nhà nước dễ dàng quản lý hoạt động của hội ở tất cả các cấp, vừa giúp các hội giảm bớt

công sức, giảm bớt các khâu thủ tục hành chính để tập trung vào các nội dung công tác chuyên môn.

Hình 7: Quan điểm về cấp độ quản lý nhà nước về hội (%)

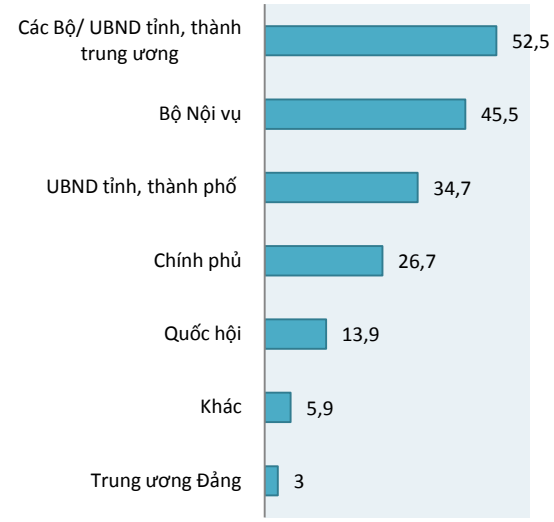

Hình 8: Quan điểm về cơ quan chủ quản của hội (%)

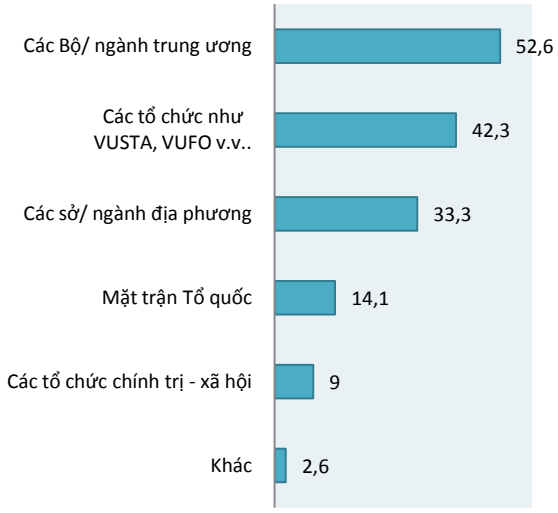

Hình 7, 8 cho thấy sự đa dạng trong đề xuất về cơ quan chủ quản của hội. Song, qua các ý kiến tham vấn, mô hình quản lý phù hợp nhất được đề xuất là giao cho ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan thụ lý tất cả các đầu mối công việc liên quan đến hội.

> *Nên quy về một cơ quan thụ lý chung là ủy ban nhân dân tỉnh/thành. Sau đó họ sẽ giúp hội làm việc với các ngành.*
>
> *(PVS: đại diện Hội bảo trợ Người tàn tật và trẻ mồ côi thành phố Huế)*

Giải pháp trên có vẻ rất hợp lý. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, cơ chế một cửa cũng không dễ triển khai trong thực tiễn bởi đối với các tổ chức nghề nghiệp hay các NGO, công việc và hoạt động đòi hỏi sự liên quan trực tiếp đến các cơ quan chuyên môn, chuyên ngành của nhà nước. Lúc này, ủy ban nhân dân khó có thể "chạy theo".

Ngoài ra, cũng cần lưu ý, dự thảo cần cân nhắc nhóm các CBO bởi nếu quy định cần phải có cơ quan quản lý thì các nhóm CBO cộng đồng, ở địa phương sẽ khó hoạt động, thậm chí tạo ra tác dụng ngược, ngăn cản quyền tự do hội họp, tự do lập hội của người dân. Chính nhóm CBO này cũng nên được nhìn nhận là một nút thắt không dễ giải của Dự thảo LVH.

Bước thứ ba, về cách thức quản lý hội:

Quá trình khảo sát ở Thái Nguyên, chúng tôi nhận thấy, vị trí chủ tịch của hầu hết các hội đặc thù đều do các lãnh đạo đương chức hoặc nguyên là lãnh đạo cấp tỉnh đảm nhiệm. Tiêu biểu như vị trí Chủ tịch VUSTA Thái Nguyên do trực tiếp một nữ phó Chủ tịch tỉnh phụ trách văn xã đảm nhiệm. Chủ tịch Hiệp hội Làng nghề tỉnh Thái Nguyên do nguyên Giám đốc Sở Công Thương đảm nhiệm. Chủ tịch Hội văn học và nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên do nguyên Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin đảm nhiệm… Mô hình này được lý giải rằng để nâng cao vị trí, tiếng nói cho các hội, cũng như hỗ trợ các hội hoạt động được thuận lợi hơn.

Mô hình này cũng được đề xuất góp phần xử lý tình trạng có chủ quản mà như không hay tình trạng "loạn hội" hiện nay khi bố trí và phân cấp lại để tạo ra một hệ thống các chủ thể quản lý hội theo từng ngành, lĩnh vực.

> *Đề xuất gắn thêm với cơ quan quản lý nhà nước để người của hội nằm trong biên chế của các bộ/ban/ngành. Như vậy lại đẩy được trách nhiệm quản lý hội về các bộ/ban/ngành để thay cho mô hình chỉ Bộ Nội vụ hiện nay. Các bộ sẽ phải tự xác định hội nào quan trọng, hội nào không. Những hội không quan trọng thì xã hội hóa.Tóm lại để cho các ngành quản lý, vừa sát sườn, vừa dễ phối hợp, quản lý.*
>
> *(PVS: đại diện Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị thành phố Cần Thơ)*

Hiệp hội chúng tôi có quy chế hoạt động 5 năm rồi. Trong đó, cơ chế đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp được thực hiện thường kỳ tỏ ra rất hiệu quả.

(PVS: đại diện Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên)

Một mô hình quản lý nữa là nhà nước chỉ nắm các hội lớn, mang tính chất là siêu hội. Hội này phải chịu trách nhiệm định hướng và quản lý các hội thành viên.

VUSTA đã được nâng cấp thành tổ chức chính trị - xã hội nên có điều kiện trở thành siêu hội để quản lý các hội nhỏ. Nên bố trí một không gian sinh hoạt như phòng họp miễn phí để các hội đăng ký sinh hoạt. Như vậy sẽ nề nếp hơn và các hội có tiếng nói hơn. Nói chung, nên để hội quản lý hội, nhà nước chỉ nắm hội lớn.

(PVS: đai diện Hội Khoa học An toàn vệ sinh Lao động tỉnh Thái Nguyên)

Nhìn chung, các quan điểm đưa ra về phương thức quản lý hội chịu ảnh hưởng nhiều bởi đặc điểm về loại hình hội. Trong khi các hội nghề nghiệp hoặc NGO muốn quản lý bằng công cụ pháp quyền đặc trưng, các hội vốn được bao cấp lại muốn duy trì phương thức quản lý ít nhiều gắn với nhà nước.

PHẦN 4 - KHUYẾN NGHỊ VỀ CHIẾN LƯỢC VẬN ĐỘNG

4.1. Quan điểm về tiến trình vận động cho Luật về Hội

Một mục tiêu lớn của Nghiên cứu này là tham vấn các bên liên quan về tiến trình vận động để LVH sớm được thông qua và ban hành. Đây là một công việc không dễ bởi các nguyên nhân sau:

(1) Sự phong phú của các dạng hội ở Việt Nam, cùng những mối ràng buộc, lệ thuộc lâu nay vào các nguồn lực về cơ cấu, nhân sự, tài chính từ nhiều nguồn (trong nước – quốc tế, nhà nước – tư nhân) sẽ ảnh hưởng lớn đến việc đi tìm một tiếng nói chung.

(2) Sự quan tâm và cách hiểu về vai trò của Luật hội từ một số tổ chức được khảo sát chưa cao, chưa tiếp cận đúng khía cạnh cần đề cập. Nhiều tổ chức không đặt vấn đề cho một bộ Luật khoa học, khách quan mà có thiên hướng kể lể, bảo vệ và đòi hỏi lợi ích cho tổ chức mình, cũng như hạ thấp các tổ chức khác về vị trí, vai trò, đóng góp xã hội (đặc biệt là nhóm các tổ chức đoàn thể và các hội đặc thù).

(3) Thể chế Việt Nam là nhất nguyên chính trị, ý chí của cơ quan chỉ đạo (ở đây là Đảng cộng sản, không phải Quốc hội) ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi tiến trình vận động, trong đó có LVH. Do đó, các ý kiến đóng góp bị đặt trong một khuôn khổ hạn hẹp, khó có tính đột phá, khó kế thừa hết tính ưu việt của các mô hình vận động chính sách của nước ngoài.

Tại thời điểm báo cáo này hoàn thành, Dự thảo LVH 2015 do Bộ Nội vụ chủ trì đã được công bố. Vấn đề đặt ra hiện nay là cách thức triển khai lấy ý kiến đóng góp cho Dự thảo cần được tiến hành như thế nào. Yêu cầu tiên quyết là quá trình góp ý phải được tổ chức một cách khách quan, khoa học; có sự tham gia góp ý của đông đảo các thành phần xã hội, các loại hội, các giới chức, các học giả và các góp ý, đóng góp phải được tiếp thu, ghi nhận một cách cầu thị, khách quan và có giải trình nếu không hợp lý.

> *Quá trình tham vấn ở Quốc hội cần được tiến hành rộng rãi, tất cả các đối tượng, thành phần liên quan. Quan điểm đối lập không vấn đề gì. Có nhiều luật được thông qua đã điều chỉnh hơn 50% so với dự thảo.*
>
> *(PVS: đại diện Thư viện Quốc hội, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

Ngoài hai hướng trên, một số ý kiến cho rằng nên sử dụng một số cơ quan, tổ chức lớn, mang tính khách quan, tham gia vào quá trình chủ trì lấy ý kiến góp ý.

> *Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm chủ trì nhưng nên thông qua Ủy ban Pháp luật của Quốc hội về ý tưởng. Không nên thì thầm, đi đêm mà cần chính danh hơn.*
>
> *(PVS: đại diện Trung tâm Bồi dưỡng Đại biểu dân cử, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

Theo gợi ý của các đại diện Quốc hội, công dân, cá nhân, tổ chức nếu muốn trực tiếp đóng góp ý kiến cho Dự thảo LVH 2015 có thể thông qua báo chí hoặc gửi góp ý đến địa chỉ website www.duthaoonline.quochoi.vn. Đây là trang web của Văn phòng Quốc hội để tạo kênh trao đổi và ghi nhận những chia sẻ, quan điểm, thông tin, phản ánh của cá nhân, tổ chức đối với các dự thảo luật mà Quốc hội đang xem xét.

> *Phải tạo động lực để Quốc hội muốn nghe bằng cách đánh giá hiệu quả công việc của các ủy ban thuộc Quốc hội; xem xét úy tín, cơ hội trúng cử. Có thể xây dựng một diễn đàn điện tử trương tác giữ các ủy ban của Quốc hội với các tổ chức xã hội dân sự để trao đổi trực tiếp.*
>
> *(PVS: đại diện Thư viện Quốc hội, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

Thực tế, tại thời điểm này, khi Dự thảo LVH 2015 vừa được công bố ngày 4/6/2015, các tổ chức như VUSTA hay các tổ chức nước ngoài, các liên minh quốc tế về chính sách ở Việt Nam như Oxfam, World Bank hay PPWG đã bắt tay ngay vào quá trình nghiên cứu, trao đổi và bàn luận và có những đóng góp ý kiến ban đầu chỉ sau khoảng 10 ngày.

Tuy nhiên, các quy trình thảo luận nội dung của LVH 2015 cần tránh lập lại vết xe đổ của Dự thảo 2006 khi đụng chạm trực tiếp đến lợi ích và trở nên gay gắt đối với các hội được loại ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Luật.

4.2. Khuyến nghị chiến lược tác động đến các bên liên quan

4.2.1. Đối với các cơ quan nhà nước

Đối với các bên liên quan đến Dự thảo LVH, mặc dù chủ thể tác động chính là các hội, tuy nhiên, các cơ quan nhà nước đóng vai trò then chốt trong việc ban hành hay không.

Đối với cơ quan Đảng cộng sản

Như đã phân tích ở phần 2.1.1, hiện các cơ quan Đảng là chưa thể hiện thái độ rõ ràng đối với LVH. Do vậy, khi xây dựng chiến lược truyền thông và vận động cũng cần cân nhắc tới việc tiếp cận các cơ quan của Đảng với mục tiêu là đưa việc thông qua Dự thảo LVH trở thành một quyết tâm chính trị, được trung ương Đảng trực tiếp quan tâm, chỉ đạo và tạo điều kiện thông qua.

> *Cần cung cấp thông tin cho Ban Bí thư thông qua Văn phòng Trung ương Đảng hay Ban Dân vận Trung ương.*
>
> *(PVS: đại diện Thư viện Quốc hội, thuộc Văn phòng Quốc hội)*

> *Để tác động vào cơ quan Đảng phải có lực bên ngoài. Cần khuấy lên từ hai nguồn. Thứ nhất là từ báo chí để tạo ra sức ép của dư luận xã hội. Thứ hai là từ các NGO, CSO gửi kiến nghị.*
>
> *(PVS: đại diện Trung tâm Bồi dưỡng Đại biểu dân cử, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

Tuy nhiên, cũng cần xem xét tính khả thi trong việc vận động các cơ quan của Đảng bởi lẽ việc tiếp cận với các cơ quan này không phải dễ dàng và LVH chủ yếu sử dụng cho các cơ quan chính phủ để quản lý hội, do đó, cần xem xét sự quan tâm hay khả năng tác động của các cơ quan Đảng đối với LVH.

Đối với Quốc Hội

Như đã phân tích ở trên, Quốc hội hiện đóng vai trò chủ chốt đối với dự án LVH. Đây là điều kiện thuận lợi để LVH được thông qua trong tiến trình sắp tới. Tuy nhiên, để đảm bảo luật về Hội được thông qua, cần tạo thêm động lực cho các cơ quan Quốc hội trong việc chủ trì quá trình bàn luận, đặc biệt chia sẻ một thái độ trách nhiệm, tâm huyết, nhưng không quá cầu toàn, không quá khắt khe đối với dự thảo. Tiến trình thảo luận sẽ đi vào bế tắc nếu các tiêu chuẩn, điều kiện, phạm vi điều chỉnh của Luật không đạt được sự nhất trí, đồng thuận mà gây chia rẽ về quan điểm giữa các ủy ban, giữa các đại biểu.

Như vậy, cần tạo một động lực để Quốc Hội không những làm tròn vai trò lập pháp, mà còn thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ đối với việc sớm thông qua LVH; đặc biệt cố gắng tránh để lùi việc đưa dự thảo LVH ra thảo luận tại Quốc hội khóa sau.

> *Phải tạo động lực để người ta muốn nghe. Động lực cho Quốc hội có thể thông qua việc đánh giá đóng góp của đại biểu, đánh giá về hiệu quả hoạt động của các ủy ban. Như vậy, các ủy ban sẽ có sự cạnh tranh qua việc lấy ý kiến góp ý.*
>
> *(PVS: đại diện Trung tâm Bồi dưỡng Đại biểu dân cử, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

> *Chọn đại biểu Quốc hội có tiếng nói, có uy tín để vận động hành lang, kêu gọi sự ủng hộ đối với Dự thảo Luật.*
>
> *(PVS: đại diện Thư viện Quốc hội, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

> *Cần lập sơ đồ danh mục các tổ chức xã hội có lĩnh vực quan tâm là chính sách, và thường tham gia vào hoạt động lập pháp. Chuyển danh sách này cho các ủy ban của Quốc hội để khi cần có thể liên lạc, trao đổi, tham vấn, phối hợp.*
>
> *(PVS: đại diện Trung tâm Bồi dưỡng Đại biểu dân cử, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

Một thông tin đáng chú ý là trong cơ cấu của Văn phòng Quốc hội, Trung tâm Thông tin, Nghiên cứu khoa học là cơ quan chịu trách nhiệm soạn thảo, cung cấp các loại tài liệu cho đại biểu quốc hội trong các kỳ họp hoặc khi cần tra cứu. Đây có thể được coi là một trong những kênh

hiệu quả để cung cấp thông tin nhanh chóng và tin cậy để vận động sự ủng hộ của các ủy ban lẫn các đại biểu.

Trong 11 ủy ban của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật là cơ quan chuyên thảo luận, thẩm tra, đóng góp ý kiến và giám sát các nội dung của dự thảo sửa đổi Luật, Hiến pháp, Pháp lệnh. Bên cạnh đó, cũng có thông tin cho rằng Ủy ban Các vấn đề xã hội sẽ là cơ quan trực tiếp thẩm tra LVH. Do vậy, cùng với Văn phòng Quốc hội, quá trình vận động cần xác định rõ đâu là cơ quan chủ chốt cần tác động.

Tóm lại nên tập trung bài bản, mang tính hợp tác lâu dài với một bộ phận của Quốc hội như Ủy ban Pháp Luật, Ủy ban Các vấn đề xã hội, Văn phòng Quốc hội, Viện nghiên cứu Lập pháp.

PPWG có thể xem xét khía cạnh vai trò của cá nhân đại biểu quốc hội đối với LVH. Điều này gợi ý việc xem xét ai (vị Phó chủ tịch Quốc hội nào) sẽ chịu trách nhiệm dẫn dắt phần thảo luận LVH.

Bên cạnh các hướng đi trên, Quốc hội Việt Nam hiện nay là thành viên của nhiều liên minh nghị viện quốc tế như: Liên minh Nghị viện thế giới (IPU), Liên minh Nghị viện Hiệp hội các nước ASEAN (AIPO), Liên minh Nghị viện Cộng đồng Pháp ngữ (APF), là thành viên sáng lập Diễn đàn Nghị sĩ các nước châu Á - Thái Bình Dương (APPF), Tổ chức Liên nghị viện các nước châu Á vì Hoà bình (AAPP). Như vậy, nếu khai thác và vận dụng được các mối quan hệ quốc tế, các NGO về chính sách có thể tiếp cận và vận động thông qua các mạng lưới nghị viện trên.

Đối với Chính phủ

Chính phủ hiện đang chịu sức ép của Quốc hội trong tiến trình làm LVH do không được Quốc hội cho lùi thời hạn trình như đề xuất, bên cạnh đó, việc bất ngờ công bố Dự thảo ngay sau đó có thể dẫn tới những hoài nghi về mức độ hoàn thiện của dự thảo. Qua đánh giá nhanh ban đầu, Dự thảo 2015 bị đánh giá là *sao chép gần như y nguyên của các nghị định hiện hành về quản lý hội* như Nghị định 45, Nghị định 33 do đó vẫn đặt nặng vấn đề quản lý hành chính; can thiệp quá sâu vào các vấn đề nội bộ của hội; không tạo khung pháp lý cho sự phát triển tự do của hội nên cũng chưa đảm bảo các quyền công dân cơ bản này.

Trước thực tế đó, quá trình vận động cần xác định làm sao để chuyển biến được quan điểm nặng về quản lý hành chính nhà nước sang quan điểm cởi mở dù điều này không dễ thực hiện. Giải pháp ở đây là cần giới thiệu và học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm quốc tế đối với LVH sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và bối cảnh chính trị trong nước.

4.2.2. Đối với các tổ chức đoàn thể

Đối với các tổ chức chính trị - xã hội

Việc phạm vi tác động và đối tượng bị điều chỉnh của Dự thảo LVH 2015 không đề cập đến nhóm này chắc chắn sẽ gặp rất nhiều phản ứng của các nhóm hội khác, đặc biệt những hội đặc thù.

Nhằm thúc đẩy tiến trình thông qua LVH, chiến lược vận động là bảo vệ quan điểm theo Dự thảo, không đưa vào phạm vi điều chỉnh bởi các lý do sẽ trình bày cụ thể hơn tại phần 4.3.4 dưới đây.

Đối với các hội đặc thù

Giải pháp thảo luận với nhóm này là việc đặt lên bàn cân về mức độ đóng góp của họ so với các hội không phải là đặc thù nhưng có những đóng góp giá trị lớn cho nền kinh tế và sự phát triển của quốc gia như Hiệp hội lúa gạo, Hiệp hội cà phê, Hiệp hội cá Tra, Hiệp hội cá Basa. Đồng thời chia sẻ những bằng chứng, lý lẽ của nhóm hội này đang đấu tranh quyết liệt về việc đòi công nhận tính đặc thù.

Với nhóm này, cần đặc biệt chú trọng đến nhóm các tổ chức gồm Vusta, Hội Luật gia, Hội Văn học Nghệ thuật, Hội Nhà báo. Các hội này có vị trí trong lịch sử và có tiếng nói mạnh mẽ do đặc điểm ngành nghề, lĩnh vực. Một điểm chú ý khi vận động các tổ chức này, ngoài vận động trực tiếp, có thể thông qua các nhà tài trợ quốc tế đang tài trợ nhiều chương trình, dự án cho nhóm này.

Đối với các hội nghề nghiệp:

Đây là nhóm tổ chức tự chủ lâu nay, thuộc đối tượng điều chỉnh chủ đạo của LVH. Do đó, cần khuyến khích nhóm này tham gia vào các thảo luận, phản biện về các điều khoản, nội dung hay đặc biệt là tinh thần của dự thảo đã thực sự tạo điều kiện cho các hội chưa.

4.2.3. Đối với các tổ chức phi chính phủ (VNGO và INGO) và các đối tác phát triển (DPs)

Cũng giống như các hội nghề nghiệp, nhóm tổ chức này sẽ là đối tượng chính trong phạm vi điều chỉnh của Luật. Do vậy, cần khuyến khích các NGO tham gia vào các diễn đàn góp ý, phản biện; cũng như vận động việc sử dụng các nguồn lực của họ để thúc đẩy cho tiến trình vận động trên cả độ rộng, lẫn chiều sâu.

Trong khi các đối tác phát triển (DPs) tỏ ra rất quan tâm đến LVH (đặc biệt là UNDP, NZAid…), các iNGO lại cho thấy sự quan tâm hời hợt đối với vấn đề này. Cơ bản, các INGOs vẫn đang ở dạng quan sát là chủ yếu, ít tham gia tích cực ủng hộ cho LVH. Do vậy, các liên minh như PPWG cần vận động, lôi kéo các iNGO tham gia tích cực hơn.

4.2.4. Đối với các cơ quan báo chí

Như đã nhận diện về sự liên quan của báo chí đối với LVH, nhóm vận động chính sách cần khai thác triệt để kênh truyền thông này. Mục tiêu là sử dụng báo chí thu hút sự quan tâm của dư luận xã hội, của cộng đồng đối với LVH; tạo các diễn đàn trao đổi công khai về LVH; góp phần vận động các cơ quan hữu quan quan tâm, ủng hộ và tạo điều kiện cho việc sớm ban hành luật.

Để đạt được các mục tiêu trên, cần có các chiến lược sau:

- Thứ nhất, xây dựng chiên lược truyền thông LVH trên báo chí
- Thứ hai, tiếp cận và tập hợp một đội ngũ các nhà báo nòng cốt ở các cơ quan báo chí lớn, ở tất cả các loại hình báo chí như báo giấy, báo hình, báo phát thanh, báo điện tử, báo ảnh.
- Thứ ba, cung cấp và chia sẻ thông tin cho các nhà báo, đặt hàng báo chí các bài viết về chủ đề LVH
- Thứ tư, truyền thông trên báo chí thông qua khai thác nhiều khía cạnh liên quan đến LVH, từ thể chế, pháp luật đến những tình huống, những vấn đề nảy sinh liên quan đến các hội, nhóm, mô hình liên kết của người dân.
- Thứ năm, báo chí cần giải tỏa tâm lý/ cách nhìn của nhiều nhóm dân cư coi “hội là hình thức”.

4.2.5. Đối với các hội không có tư cách pháp nhân, các tổ chức cộng đồng (CBO); Người dân và các diễn đàn cá nhân

Đối với các hội không có tư cách pháp nhân, các tổ chức cộng đồng (CBO)

Đây là nhóm hội đóng vai trò là “ẩn số” bởi phần lớn có mô hình tổ chức lỏng lẻo, hoạt động không chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan nhà nước, nên mức độ quan tâm đến khung pháp lý về hội là thấp. Tuy nhiên, nếu áp dụng các quy định của Dự thảo 2015 về điều kiện thành lập hội đòi hỏi phải có trụ sở, điều lệ v.v.., các hội này có nguy cơ bị buộc phải đăng ký pháp nhân với cơ quan nhà nước. Điều này là không phù hợp với đặc trưng lỏng lẻo về mặt cơ cấu tổ chức của các CBO. Và điều này sẽ dẫn đến việc các CBO khó thành lập hoặc nếu thành lập lại là hoạt động “chui”. Do đó, cũng có thể có một làn sóng bùng phát ý kiến của các CBO đối với Dự thảo LVH này.

Quan điểm vận động với nhóm này là cần tiếp cận để cung cấp các thông tin cơ bản cũng như ý nghĩa xã hội của luật Hội. Trên cơ sở đó, định hướng các CBO tham gia đóng góp ý kiến cho Dự thảo một cách “bình tĩnh”, tránh tạo ra một làn sóng tẩy chay phản đối LVH, đặc biệt trên các diễn đàn điện tử.

Người dân và các diễn đàn cá nhân

Như đã phân tích ở phần mapping, người dân cần được coi là một chủ thể quan trọng của tiến trình vận động thông qua LVH. Nhóm vấn động cần làm thức tỉnh ý thức về nhân quyền lâu nay vốn "ngủ quên" trong nhận thức của người dân.

Giải pháp tác động đến người dân là cho họ thấy những ảnh hưởng của việc ban hành LVH đối có liên quan như thế nào đối với đời sống của người dân (ví dụ như việc ban hành một LVH tốt sẽ tạo điều kiện để các hội thực hiện phản biện chính sách, các hội bảo vệ người tiêu dung cũng sẽ có điều kiện hoạt động thuận lợi hơn…). Ngoài ra, cũng có thể tổ chức hội thảo, thảo luận lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo LVH ở các vùng miền khác nhau. Đặc biệt, báo chí và mạng xã hội cũng có thể được sử dụng như một kênh truyền thông hiệu quả bởi các kênh thông tin này có tính lan tỏa nhanh, có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến sự chú ý và nhận thức của người dân; hiệu quả của kênh thông tin này cũng đã được khẳng định qua một số sự kiện như sự kiện 3700 cây xanh, sự kiện xây tượng đài Bác tại Sơn La…

4.3. Các nội dung cần chú ý

4.3.1. Nhấn mạnh tinh thần của Hiến pháp 2013

Các ý kiến tham vấn đều nhấn mạnh đến Hiến pháp 2013 là cơ sở pháp lý cao nhất, quan trọng nhất. Do vậy, chiến lược vận động cần bám vào lý do này. Nhấn mạnh vào sự không đáp ứng được tinh thần của Hiến pháp 2013 nếu tiếp tục sử dụng các nghị định như Nghị định 45/2010/NĐ-CP, Nghị định 33/2012/NĐ-CP, hay Quyết định 68/2010/QĐ-TTg v.v..

Tuy nhiên, quá trình vận động cũng cần sử dụng mọi cơ sở pháp lý mang tính lịch sử để làm dày dặn lên hệ thống bằng chứng. Đặc biệt là hai sắc lệnh từ năm 1957 của Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm: *Sắc lệnh số 101/SL-L-003 của Chủ tịch nước ban hành Luật về quyền tự do hội họp;* và *Sắc lệnh số 102/SL/L004 của Chủ tịch nước ban hành Luật quy định quyền lập hội.*

> *Nên quay lại Sắc lệnh 1957 để làm tư tưởng chính về quyền lập hội của người dân. Có thể xem xét chuyển tên thành Luật về Quyền lập hội.*
>
> *(PVS: đại diện Trung tâm Bồi dưỡng Đại biểu dân cử, thuộc Văn phòng Quốc hội, Hà Nội)*

4.3.2. Mục tiêu là hoàn thiện thể chế, phục vụ lợi ích quốc gia

Việt Nam vẫn đang trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện thể chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Một số đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, được xác định qua các văn kiện của Đảng, gồm: (1) là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân và (2) nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

Những chủ trương trên về mặt thể chế nhà nước là điều kiện rất tốt để LVH đủ điều kiện để có thể triển khai.

> *Cách đặt vấn đề là cần xây dựng thể chế về Hội. Thông thường một thể chế gồm ba phương diện: sân "chơi", người "chơi" và cách "chơi" - tức là luật chơi. Cái này phải áp dụng giống mô hình của thể chế kinh tế - thị trường. Tóm lại, ta đã có sân chơi là môi trường và các lĩnh vực; người chơi là các hội; vậy cần luật chơi để hướng dẫn cách chơi.*
>
> *(PVS: chuyên gia Chính trị học của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội)*
>
> *Đưa vào Luật Dân sự khái niệm vốn xã hội và sự tham gia của người dân; tránh tiếp cận gay gắt về quyền con người. Tinh thần chung là khơi gợi trách nhiệm, dẹp bỏ đối kháng. Tiếp cận từ lợi ích quốc gia, lợi ích của xã hội, cũng là lợi ích của chính quyền.*
>
> *(PVS: đại diện Trung tâm Nghiên cứu Phát triển hỗ trợ Cộng đồng - CECODES, một thành viên của VUSTA, Hà Nội)*

4.3.3. Tiếp cận từ khía cạnh Nhân quyền

Việc này để tránh "vết xe đổ" cách đây 10 năm dẫn đến việc khép lại Dự thảo LVH 2006 khi các bên liên quan không thống nhất được do xung đột gay gắt giữa đòi hỏi của bên quản lý hành chính nhà nước và góc độ về quyền lợi của hội.

> *Dự thảo trước đây chưa sâu sắc về nhân quyền.*
>
> *(PVS: chuyên gia Chính trị học của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội)*

Tiếp cận nhân quyền cần hướng nhu cầu LVH sẽ đáp ứng đầy đủ các quyền căn bản của công dân, như nhóm Quyền Dân sự và Chính trị hay nhóm Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa.

> Quyền Dân sự và Chính trị: *các quyền tự do tư tưởng, biểu đạt, lựa chọn tín ngưỡng và tôn giáo phải được bảo vệ; mọi người có quyền tự do tư tưởng, tiếp cận thông tin, quyền tự do hành động và lựa chọn việc làm, cũng như quyền tự do tham gia chính trị trong cộng đồng và xã hội của mình.*
>
> *(Tuyên ngôn Phổ quát về Nhân quyền - 1948).*

> Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa: *tất cả các chính phủ đều được kỳ vọng không ngừng nỗ lực cải thiện điều kiện sống công dân. Chẳng hạn, chính phủ phải nỗ lực bảo đảm cho mọi người dân quyền có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, chăm sóc sức khỏe, hưởng an sinh xã hội, được học tập và làm việc, v.v… Các quyền này cần được thúc đẩy bình đẳng, phân biệt đối xử giới tính, độ tuổi, sắc tộc, tín ngưỡng tôn giáo v.v.*
>
> *(Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa - 1966).*

Việc áp dụng quan điểm tiếp cận từ giác độ quyền và nhân quyền là phù hợp, mang tính mềm mỏng và khôn khéo, tránh đối đầu trực diện với những phức tạp của LVH.

4.3.4. Không đưa các tổ chức đoàn thể vào và xóa bỏ hình thức hội đặc thù

Việc đưa các tổ chức chính trị - xã hội vào Dự thảo sẽ khó dẫn đến một sự nhất trí về các điều khoản chung bởi tính chất khác biệt hoàn toàn của các tổ chức này so với các dạng hội còn lại. Đây chính là một trong những nguyên nhân chủ chốt khiến Dự thảo 2006 không thể thông qua. Các lý do cơ bản để không đưa nhóm tổ chức này vào Luật gồm:

- Đây là nhóm tổ chức xã hội nhưng thực tế là lực lượng chính trị của Đảng cộng sản. Sự phụ thuộc hoàn toàn về định hướng, quản lý, hoạt động, tổ chức với các cơ quan Đảng khiến các hội này được hoạt động như các tổ chức nhà nước.
- Các hội này đều đã có Luật điều chỉnh riêng.
- Việc đưa các hội này vào sẽ tạo ra sự bất bình đẳng với các tổ chức hội khác.

Với 28 hội đặc thù được công nhận theo Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg, chủ trương là cần xóa bỏ bởi các lý do cơ bản sau:

- Căn cứ xác định tính đặc thù không còn phù hợp với bối cảnh và điều kiện hiện tại.
- Mô hình đặc thù gây ra bất bình đẳng, xung đột vị thế và dẫn đến cuộc chạy đua giữa các hội để được xếp vào loại đặc thù.
- Hệ thống các hội đặc thù quá cồng kềnh; hiệu quả không đồng đều; dễ dẫn đến sự ỉ lại vào Nhà nước, làm giảm tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt và tính tự chủ vốn là đặc trưng của hội.
- Sự bao cấp của nhà nước đã đến giới hạn. Đây cũng là xu thế chung của nền kinh tế thị trường và phù hợp với các quy định quốc tế.
- Tính đặc thù cần xác định lại dựa trên công việc, lĩnh vực hoạt động chứ không ở tên hội hay loại hình hội. Cơ chế đặc thù chỉ nên được áp dụng cho các lĩnh vực chính sách an sinh xã hội và phát triển khoa học công nghệ quốc gia.

4.3.5. Vận động chính sách đối với các cơ quan Nhà nước

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, việc thành lập các nhóm liên minh để xây dựng và triển khai vận động chính sách (Advocacy) đối với các cơ quan nhà nước cho LVH là hoàn toàn có khả thi.

Quy trình vận động này phải đảm bảo các bước cơ bản trong vận động chính sách, gồm:

- Lựa chọn chính xác chủ đề vận động.
- Sử dụng các dữ liệu nghiên cứu để bao quát thông tin.
- Xác định chính xác đối tượng mục tiêu cần vận động.
- Xây dựng, phát triển và truyền tải thông điệp đến đối tượng.
- Thành lập các liên minh hỗ trợ quá trình nhau suốt quá trình vận động
- Lựa chọn phương thức diễn đạt, trình bày một cách thuyết phục với đối tượng
- Gây quỹ cho quá trình vận động
- Đánh giá hiệu quả quá trình cận động

Trên cơ sở quy trình trên việc thành lập các liên minh vận động là vô cùng cần thiết bởi yếu tố nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng nhất. Trong tình hình hiện tại, lực lượng các NGO về chính sách trong nước và quốc tế có lẽ cần đóng vai trò đầu mối bởi có kinh nghiệm vận động chính sách và có các nguồn lực đảm bảo.

> *Thành lập công khai một ban vận động cho Luật Hội. Viết yêu cầu ngắn gọn về ý nghĩa, nhu cầu của Luật hội như kiểu các slogan. Tổ chức hội thảo, tọa đàm để lắng nghe ý kiến; gặp gỡ để giải trình cho các bên liên quan hiểu đúng, tránh cách hiểu thái quá từ phía mỗi bên.*
>
> *(PVS: chuyên gia Chính trị học Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội)*

Ban vận động chính sách này nên khyến khích các tổ chức như VUSTA đảm nhiệm bởi đây là nơi tập nhiều học giả, nhiều chuyên gia giỏi và tâm huyết với dự án LVH này.

4.3.6. Tập trung vào các giải pháp truyền thông

Sử dụng truyền thông đại chúng luôn được coi là công cụ hiệu quả trong vận động chính sách. Đặc biệt, trong điều kiện phải thu hút nhanh sự quan tâm của công chúng và huy động sự tham gia của xã hội.

Hoàn cảnh đặt ra đối Dự thảo LVH 2015 là hầu như không có thông tin gì trước thời điểm Bộ Nội Vụ bất ngờ công bố nội dung và chỉ tiến hành lấy ý kiến trong 60 ngày. Thông thường, một bộ luật có phạm vi ảnh hưởng lớn, phức tạp, còn nhiều ý kiến trái chiều sẽ cần được thông tin sớm và rộng rãi trước thời điểm trình Quốc hội trong khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, điều kiện đặt ra cho Dự thảo lần này còn ngắn hơn lần lấy ý kiến Dự thảo 2006 với khoảng 13 vòng bàn luận và điều chỉnh nội dung.

Vậy, chiến lược truyền thông cho LVH cần những yêu cầu sau:

- Xác định mục tiêu thu hút sự chú ý của công chúng, nâng cao nhận thức của công dân đối với LVH.
- Sử dụng đa dạng, linh hoạt các loại hình truyền thông đại chúng như báo chí (báo in, truyền hình, phát thanh, báo điện tử); các phương pháp truyền thông trực tiếp như hội thảo, hội nghị, mít tinh; các phương pháp tuyên truyền cổ động bằng Pano, poster v.v..
- Đề phòng báo chí chính thống bị hạn chế đưa tin, cần sử dụng các mạng xã hội làm cơ sở để thông tin, lôi kéo sự quan tâm của người dân.

4.3.7. Thúc đẩy kết nối các bên liên quan

Ma trận phân tích các bên liên quan cho thấy có 5 nhóm tổ chức/ cơ quan, với 15 đầu mối được đề cập tới. Như vậy, số bên liên quan đến LVH là không nhỏ. Do đó, một giải pháp hữu hiệu đòi hỏi sự kết nối, phối hợp, chia se giữa các bên liên quan, đặc biệt là các tổ chức đóng vai trò tích cực hoặc có tiềm năng lớn như Quốc hội, VUSTA, các đói tác phát triển (DPs) .

4.3.8. Cân nhắc các quan điểm và chiến thuật vận động

Cần đặt ra các giả thiết hay các tình huống cho quá trình vận động như:

- Liệu có thể tác động vào các cơ quan Đảng không?

- Bộ Nội vụ là cơ quan chủ trì soạn thảo, vậy có nên tập trung tất cả các nguồn lực vận động vào cơ quan này không?
- Có nên tăng tốc vận động từ nay đến tháng 10/2015 hay không? Hay là để mọi thứ biết tới, rồi tăng tốc trong giai đoạn sau từ 11/2015 – 11/2016?
- Có nên đi theo hướng chỉ trích mạnh mẽ các điểm tồn tại của dự thảo LVH, hay nên giới thiệu nguyên tắc để làm một luật mới.
- Nếu sau các góp ý, sự tác động đến việc sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý LVH không hiệu quả, liệu có nên xem xét vận động dừng ban hành luật này đợi thời điểm chín muồi.

Tài liệu tham khảo

Văn bản pháp luật

1. Tuyên ngôn Phổ quát về Nhân quyền – 1948
2. Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa – 1966
3. Hiến pháp Việt Nam 2013
4. Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28 tháng 8 năm 2012 về việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội quần chúng
5. Kết luận số 102-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2014 về Hội quần chúng
6. Bộ luật Dân sự năm 2005 (Các Điều 84,100, 102, 104)
7. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008
8. Nghị quyết số 780/NQ-UBTVQH13 về triển khai thực hiện nghị quyết của Quốc hội về điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015
9. Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 ngày 02/01/2014 về Kế hoạch triển khai thi hành Hiến pháp
10. Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính Phủ phân công nhiệm vụ thực hiện chương trình hành động của Chính phủ
11. Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 của Chủ tịch nước và Nghị định số 258-TTg ngày 14/6/1957
12. Nghị định 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều cua Luật Khoa học và Công nghệ
13. Nghị định 45/2010/N Đ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, thay thế Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003
14. Nghị định 30/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
15. Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg
16. Quyết định 967/QĐ-BNV ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Vụ Tổ chức Phi Chính Phủ
17. Báo cáo số 2640/BC – BNV của Bộ Nội vụ về quan điểm chỉ đạo và một số định hướng lớn xây dựng Dự án Luật về hội.
18. Văn bản của Bộ Tư pháp trả lời Công văn số 2296/BNV-TCPCP ngày 26/5/2015 của Bộ Nội vụ về việc góp ý Dự thảo Luật về Hội

Sách và báo cáo

1. WB, 2010, Các thể chế hiện đại, tr.116
2. Phạm Thanh Trà, Lê Quang Bình, Phạm Quỳnh Phương, Lê Ngọc Sơn, Tìm hiểu tiến trình góp ý cho dự thảo Luật về Hội 2005-2006 – Góc nhìn từ một số bên liên quan, tr8
3. http://www.vietpeace.org.vn/express/express_detail_v.aspx?id1=7&id2=147&id3=1775
4. TT, TI, Depocen (2013), Hệ thống Liêm chính Quốc gia Việt Nam, tr196

Website

1. http://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=29925
2. http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/tin-tuc-su-kien/item/26395102-luat-ve-hoi-se-trinh-trong-ky-hop-thu-10-quoc-hoi-khoa-xiii.html
3. http://duthaoonline.quochoi.vn

Phụ lục

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC TRẢ LỜI PHIẾU KHẢO SÁT 42
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH TỔ CHỨC THAM GIA PHỎNG VẤN SÂU 45
PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP BẢNG BIỂU 48

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC TRẢ LỜI PHIẾU KHẢO SÁT

STT	Tên đơn vị	STT	Tên đơn vị
1	Hiệp hội trái cây Việt Nam(Hiệp hội rau quả)	20	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi thành phố Huế
2	Hội dệt may thêu đan thành phố Hồ Chí Minh	21	Hội người mù tỉnh TT Huế
3	Quỹ phát triển giáo giục Việt Nam (EDF - Vietnam)	22	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh TT Huế
4	Trung tâm đào tạo các vấn đề kinh tế hiện đại	23	Liên đoàn bóng đá Nauy
5	Câu lạc bộ từ thiện Hoa từ bi	24	Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam
6	Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam(VECOM)	25	Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam
7	Hội Tuyển khoáng Việt Nam	26	Trung tâm phát triển sức khỏe cộng đồng ánh sáng
8	HealthBridge Foundation of Canada (formerly PATH Canada)	27	Hiệp hội Doanh nghiệp logistics việt nam
9	Trung tâm nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và phát triển	28	Hội Thử nghiệm Không phá huỷ Việt Nam
10	Hiệp hội du lịch Đồng bằng Sông Cửu Long	29	Trung tâm nghiên cứu truyền thông phát triển(RED)
11	Hội doanh nhân trẻ thành phố Cần Thơ	30	Hội Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam
12	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật thành phố Cần Thơ	31	Viện sức khỏe sinh sản và gia đình (RaFH)
13	Liên minh hợp tác xã thành phố Cần Thơ	32	Hội Hữu nghị Hợp tác Việt Nam - Chile
14	Hiệp hội Dệt may Việt Nam	33	Hội hữu nghị Việt Nam - Đan Mạch
15	Hiệp hội Thương mại Giống cây trồng Việt Nam	34	Hội Hữu nghị Việt Nam - Uzbekistan
16	Hiệp hội văn hóa-du lịch Công Đoàn Việt Nam	35	Hội Hữu nghị Việt Nam - Vênêzuêla
17	Hiệp hội xăng dầu Việt Nam	36	Hội tin học Thành Phố Hồ Chí Minh
18	Hội cấp thoát nước Việt Nam	37	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Bình Dương
19	Hội bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Thừa Thiên Huế	38	Hội tiêu chuẩn và bảo vệ NTD TP Đà Nẵng
39	Hội Hoá sinh Y học Việt Nam	58	Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ NTD Tỉnh Quảng Nam

STT	Tên đơn vị	STT	Tên đơn vị
40	Hội văn học và nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	59	Trung tâm nghiên cứu Giới, Gia đình & Môi trường trong Phát triển
41	Hội Kế hoạch hoá Gia đình Việt Nam	60	Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn Quản lý tài nguyên
42	Hội Khoa học Kỹ thuật Mã số Mã vạch Việt Nam	61	Trung tâm khuyết tật và phát triển(DRD)
43	Hội tư vấn thuế Việt Nam	62	Hiệp hội mía - đường VN
44	Tổng Hội địa chất Việt Nam	63	Hội tiêu chuẩn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Quảng Ngãi
45	Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam	64	Hội lương thực thực phẩm TP.HCM
46	Quỹ cứu trợ người bị bệnh phongHà Lan Netherlands Leprosy Relief (NLR)	65	Hiệp hội vận tải TP Hà Nội
47	Family Health International (FHI 360)	66	Hội hữu nghị hợp tác Việt Nam - Braxin
48	Marie Stopes International in Vietnam	67	Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng VN
49	SNV Netherlands Development Organisation (SNV)	68	Helvetas VietNam
50	Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD)	69	Hiệp hội in Viet Nam
51	Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD)	70	Hội mỹ nghệ kim hoàn đá quý HCM
52	Trung tâm hỗ trợ phát triển nguồn lực tài chính cộng đồng	71	Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ trẻ em gò vấp
53	trung tâm khoa học công nghệ khí tượng thủy văn và môi trường	72	Hội y học dự phòng VN
54	Trung tâm nghiên cứu phát triển hỗ trợ cộng đồng	73	hội bảo vệ quyền trẻ em VN
55	Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng cao	74	Hiệp hội Bia-Rượu NGK VietNam
56	Trung tâm phát triển công nghệ tài nguyên môi trường	75	Trung tâm nghiên cứu chính sách PT bền vững
57	Trung tâm trợ giúp pháp luật cho người nghèo và phát triển cộng đồng(LAC)	76	DKT International VN

STT	Tên đơn vị	STT	Tên đơn vị
77	Viện nghiên cứu chính sách, pháp luật và phát triển	92	Hiệp hội tranh Việt Nam
78	Trung tâm nghiên cứu phát triển xã hội (CRSD)	93	Hội các nhà quản trị doanh nghiệp VN
79	Hiệp hội cá Tra Việt Nam,	94	Trung tâm công nghệ khí sinh học
80	Hội khoáng thạch học VN	95	CARE INTETIONAL in VN
81	Hiệp hội thức ăn chăn nuôi Việt Nam	96	Hiệp hội du lịch thành phố HCM
82	Hội doanh nghiệp trẻ HN	97	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Vĩnh Long
83	Viện nghiên cứu sức khỏe trẻ em	98	Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản VN
84	Tổng hội y học Vn	99	TT tư vấn pháp luật công đoàn
85	Institut Européen de Coopération et de Développement (IECD)	100	Trung tâm hỗ trợ phát triển cộng đồng LIN
86	Gret VN	101	Tổ chức dịch vụ dân số quốc tế (PSI) Vietnam
87	Hiệp hội doanh nghiệp Tiền Giang	102	Hội vật liệu xây dựng VN(VABM)
88	Hội KHKT an toàn thực phẩm VN	103	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Vn
89	Hiệp hội hồ tiêu VN	104	Hội ngôn ngữ VN
90	Hội người khuyết tật thành phố Cần Thơ	105	Hiệp hội Sơn-mực in VN
91	Hội luật gia HN		

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH TỔ CHỨC THAM GIA PHỎNG VẤN SÂU

THÁI NGUYÊN			
STT	**Tổ chức**	**Người phỏng vấn**	**Chức vụ**
1	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Phạm Văn Quang	Phó Chủ tịch hội
2	Hiệp hội làng nghề tỉnh Thái Nguyên	Bác Bùi Quang Huân	Chủ tịch hội
3	Hội Nhà báo tỉnh Thái Nguyên	Phan Hữu Minh	Giám đốc
4	Hội văn học và nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	Triệu Văn Doanh	
5	Hội chữ thập đỏ tỉnh Thái Nguyên	Lê Ngọc Duệ	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ
6	Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên	Mr. Sơn	phụ trách khối các Công đoàn
8	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Thái Nguyên	Ma Thị Nguyệt	Chủ tịch hội kiêm PCT UBND Tỉnh
THỪA THIÊN - HUẾ			
STT	**Tổ chức**	**Người phỏng vấn**	**Chức vụ**
9	Hội Người Mù Tỉnh Thừa Thiên Huế	Lê Văn Lộc	Chủ tịch Hội người Mù tỉnh TTH, UV Thường vụ TW hội người mù VN
10	Hội chữ thập đỏ tỉnh Thừa Thiên Huế	Mr. Hùng	Chủ tịch hội
11	Liên đoàn bóng đá Nauy - Football for All in Vietnam (FFAV)	Nguyễn Thị Hòa	Phó giám đốc
12	Quỹ Bảo Vệ Và Phát Triển Rừng Tỉnh Thừa Thiên Huế	Phạm Ngọc Dũng	Giám đốc
13	Quỹ Những Trái Tim Huế	Trương Trọng Khánh	Giám đốc
14	Hiệp Hội Doanh Nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế	Nguyễn Mậu Chi	Chủ tịch
15	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	Phạm Bá Vương	Chủ tịch hội
16	Hội liên hiệp KHKT tỉnh TTH	Bùi Thắng	Chủ tịch
17	Hội nhà báo	Dương PhướcThu	Phó chủ tịch
18	Hội bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Thừa Thiên Huế	Nguyễn Thị Thúy Hòa	Chủ tịch hội
19	SOS Huế	Ngô Thị Thu Hồng	Giám đốc

HỒ CHÍ MINH			
STT	**Tổ chức**	**Người phỏng vấn**	**Chức vụ**
20	Liên minh hợp tác xã thành phố Hồ Chí Minh	Lê Thị Hoàng Yến	Chủ tịch
21	Hội phụ nữ từ thiện TP Hồ Chí Minh	Đoàn Lê Hương	Chủ tịch
22	Hội Khoa học Lịch sử TP. Hồ Chí Minh	Võ Văn Sen	Chủ tịch
23	Hội người mù TP thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Đình Kiên	Chủ tịch
24	HĐND TP HCM	Mr. Danh	Phó trưởng Ban Pháp chế
25	Trung tâm nghiên cứu và phát triển năng lực người khuyết tật (DRD)	Lưu Thị Ánh Loan	Phó giám đốc quản lý chung (Quyền Giám đốc)
26	Hội khuyến học thành phố thành phố Hồ Chí Minh	Lê Minh Ngọc	Phó chủ tịch Hội
27	Sở Tư pháp TP HCM	Mr. Thanh	Trưởng phòng văn bản
28	Hiệp hội điều Việt Nam		
29	Trung tâm hỗ trợ phát triển cộng đồng (LIN)	Phạm Trường Sơn	Giám Đốc
CẦN THƠ			
STT	**Tổ chức**	**Người phỏng vấn**	**Chức vụ**
30	Hội nhà báo thành phố Cần Thơ	Mr. Chánh	Chủ tịch
31	Hội người khuyết tật Cần Thơ	Nguyễn Thụy Tố Trâm	Phó chủ tịch
32	Quỹ Trợ vốn Công nhân Lao động	Nguyễn Thị Thu Hồ	Giám đốc
33	Trung tâm Tư vấn Pháp luật Công đoàn	Lê Xuân Trị	Giám đốc
34	Liên hiệp các hội khoa học thành phố Cần Thơ	Mr. Út	Phó chủ tịch
35	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Cần Thơ	Phạm Ngọc Thạnh	Phó Chủ tịch
36	Hội Nông dân tp Cần Thơ	Nguyễn Sơn Tùng và Trương Thanh Nhơn	a Tùng - Phó Chủ tịch a Nhơn - Chánh VP
37	Hiệp hội thủy sản Cần Thơ	Lê Ngọc Diện	Phó chủ tịch
38	Hiệp hội cá Tra Việt Nam	Ms. Hương	Phó tổng thư kí

Hà Nội			
STT	**Tổ chức**	**Người phỏng vấn**	**Chức vụ**
39	CECODES	TS. Đặng Ngọc Dinh	Giám đốc
40	Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử - VP Quốc hội	Nguyễn Đức Lam	Trưởng phòng nghiệp vụ
41	Thư viện Quốc hội	Lê Hà Vũ	Trưởng phòng Dịch vụ Nghiên cứu
42	Thư viện Quốc hội	Hoàng Minh Hiếu	Giám đốc
43	Vụ trưởng Vụ Thông tin	Phan Thị Toàn	Vụ trưởng
44	Trung tâm PLD, Khoa Luật Đại học QG	GS. TS. Nguyễn Đăng Dung	
45	Học viện báo chí	Thầy Dương Xuân Ngọc	
46	Bộ Tư pháp	Đỗ Đình Lương	Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật
47	Viện Nhà nước và Pháp Luật	Bùi Nguyên Khánh	Phó Viện trưởng
48	Hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	Nguyễn Văn Toàn	Chủ tịch hiệp hội
49	VCCI	Đậu Anh Tuấn	Trưởng ban pháp chế

PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP BẢNG BIỂU

Phụ lục 3. 1: Cơ cấu mẫu khảo sát định tính và định lượng

KHẢO SÁT		
Tỉnh	**Số lượng**	**Tỷ lệ %**
Bình Dương	1	1
Cần Thơ	7	6.7
Đà Nẵng	1	1
Hà Nội	65	61.9
TP Hồ Chí Minh	19	18.1
Huế	7	6,7
Quảng Nam	1	1
Quảng Ngãi	1	1
Thái Nguyên	1	1
Tiền Giang	1	1
Vĩnh Long	1	1
Tổng	**105**	**100**

PVS THEO ĐỊA BÀN	
Tỉnh	**Số lượng**
Hà Nội	11
TP Hồ Chí Minh	10
Huế	11
Cần Thơ	9
Thái Nguyên	8
Tổng	**49**

PVS THEO LOẠI TỔ CHỨC	
Loại tổ chức	**Số lượng**
Cơ quan Nhà nước	10
Chính trị - Xã hội	3
Hội đặc thù	16
Hội nghề nghiệp	9
NGO	7
CBO	3
Tổng	**49**

Phụ lục 3. 2: Các tổ chức được khảo sát và phản hồi, phân theo nhóm đối tượng

	Số tổ chức gửi phiếu	Số tổ chức tham gia khảo sát	Tỷ lệ phản hồi
Tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội – nghề nghiệp	77	21	27%
Tổ chức xã hội nghề nghiệp	151	45	30%
Tổ chức phi chính phủ trong nước, phi chính phủ quốc tế	98	36	37%
Các tổ chức cộng đồng/tổ chức khác	34	3	9%
Tổng	**360**	**105**	**28%**

Phụ lục 3. 3: Loại hình tổ chức tham gia khảo sát

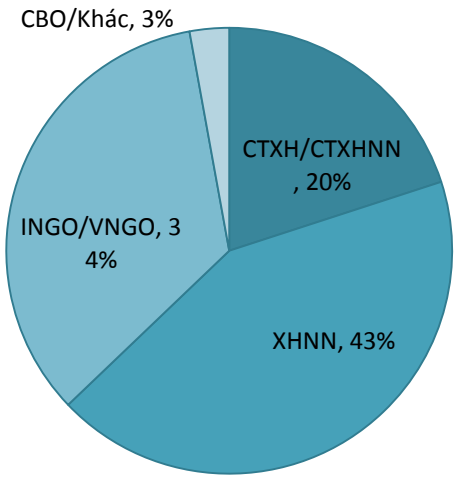

Phụ lục 3. 4: Lĩnh vực hoạt động của các tổ chức tham gia khảo sát (%)

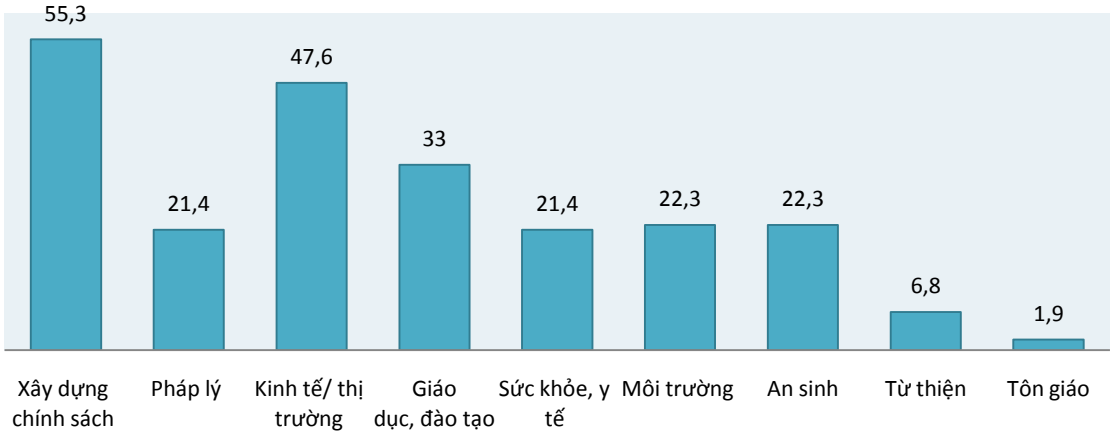

Phụ lục 3. 5: Nội dung hoạt động ưu tiên của các tổ chức tham gia khảo sát (%)

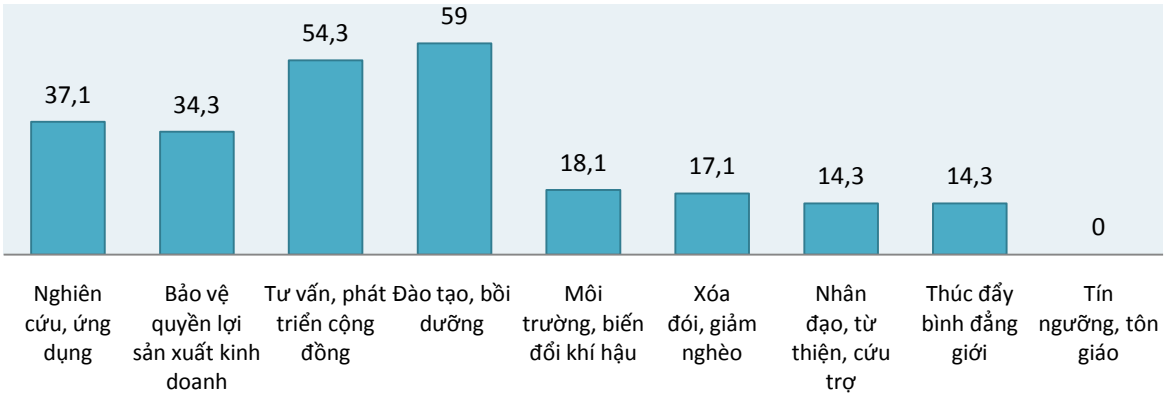

Phụ lục 3. 6: Khó khăn trong quá trình thành lập và tổ chức hoạt động

NHÓM CTXH/CTXHNN

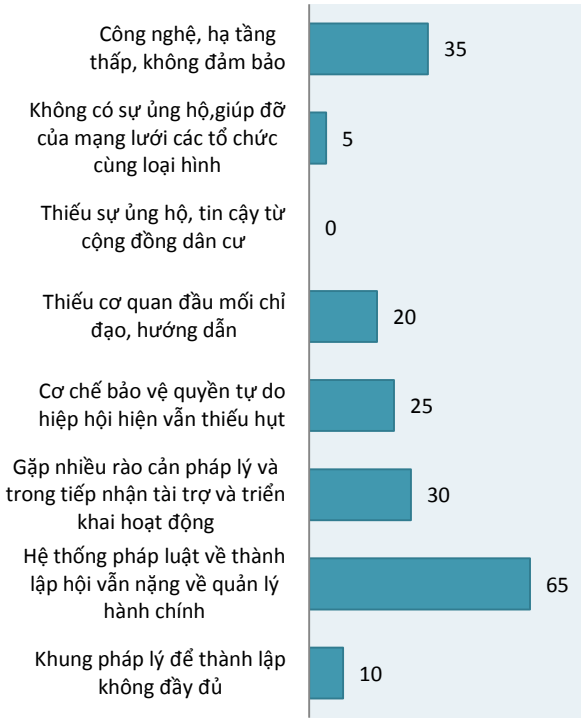

NHÓM XHNN

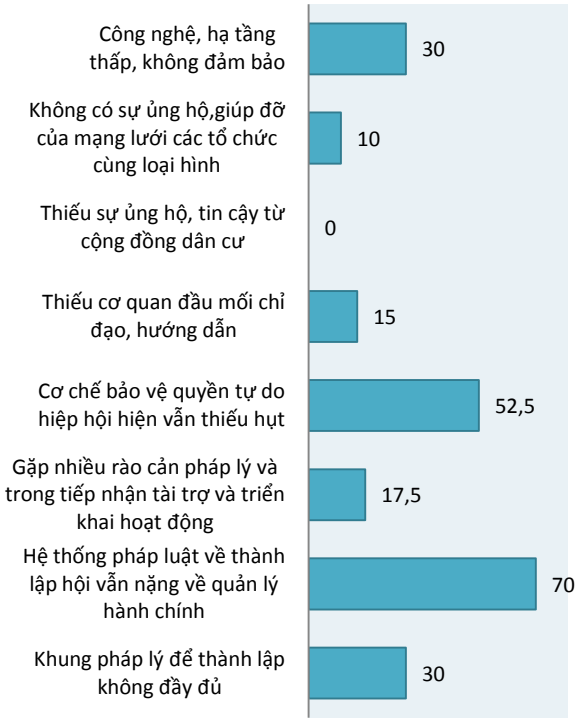

NHÓM INGOs/VNGOs

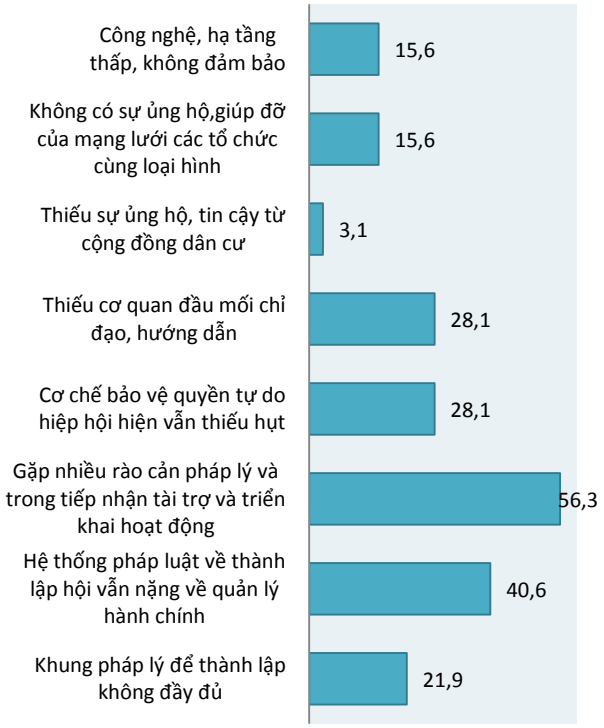

NHÓM CBOs

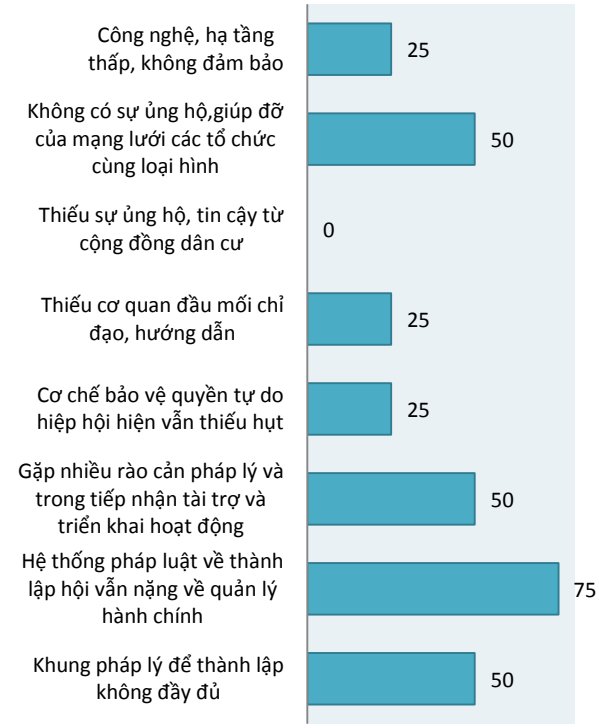

Phụ lục 3. 7: Quan điểm về ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động Hội

NHÓM CTXH/CTXHNN

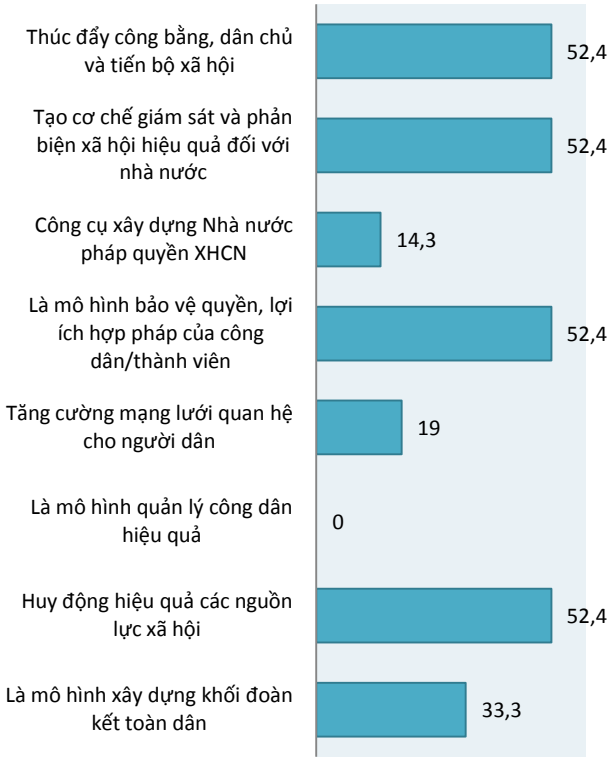

NHÓM XHNN

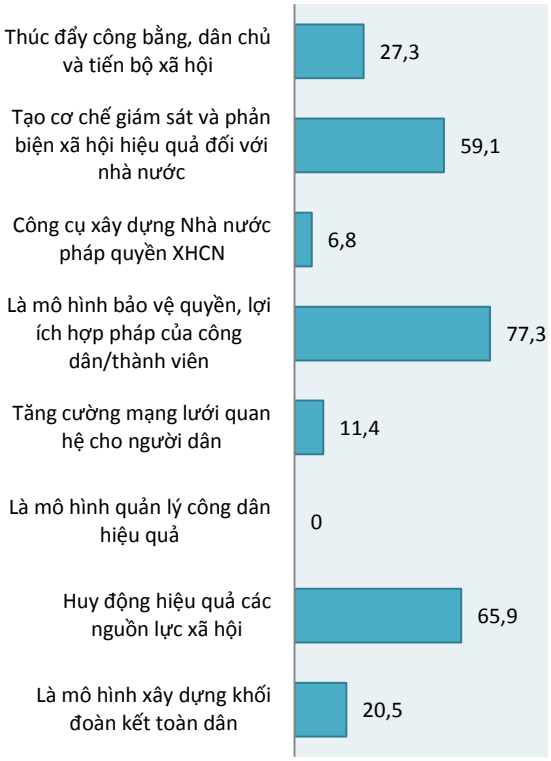

NHÓM INGOs/VNGOs

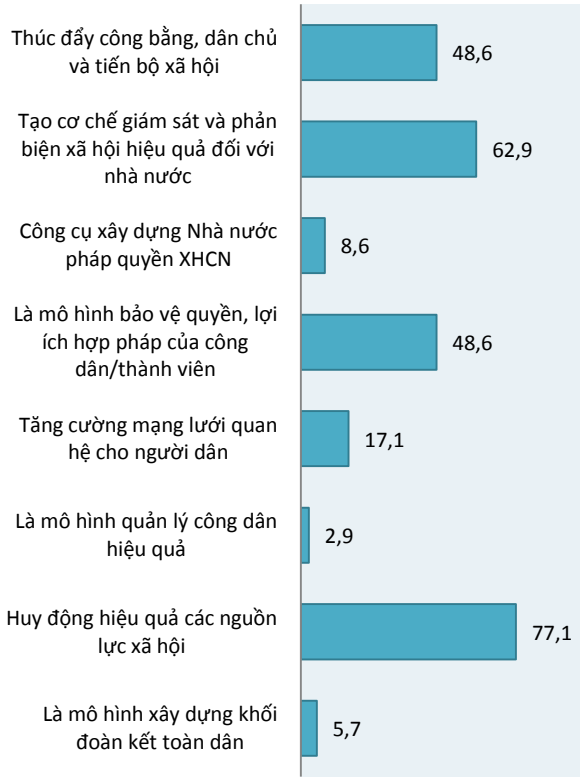

NHÓM CBOs

Phụ lục 3. 8: Mục tiêu cơ bản của quyền lập Hội, gia nhập Hội, hoạt động Hội

NHÓM CTXH/CTXHNN

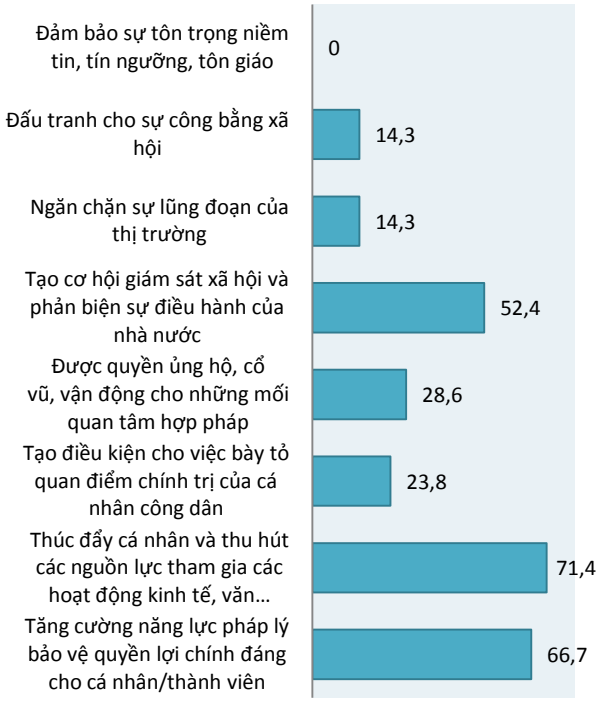

NHÓM XHNN

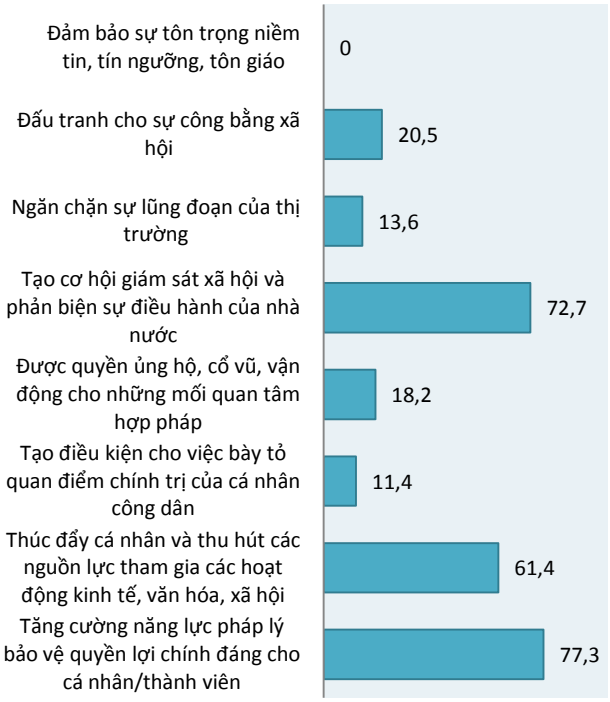

NHÓM INGOs/VNGOs

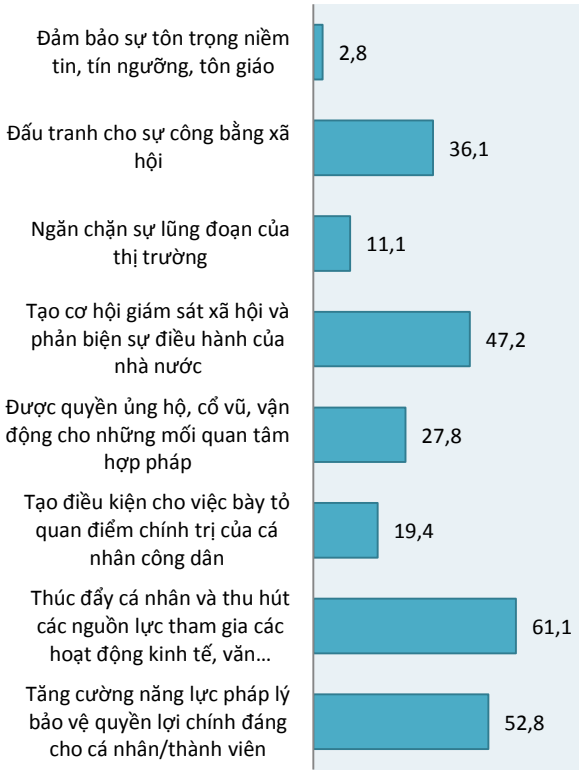

NHÓM CBOs

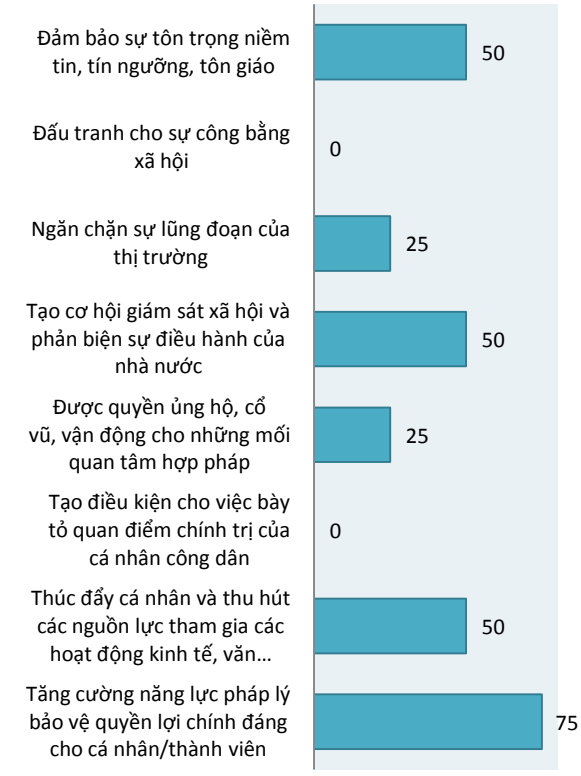

Phụ lục 3. 9: những yếu tố nào đóng vai trò chủ đạo tác động đến quyền lập hội và việc ban hành Luật về Hội

NHÓM CTXH/CTXHNN

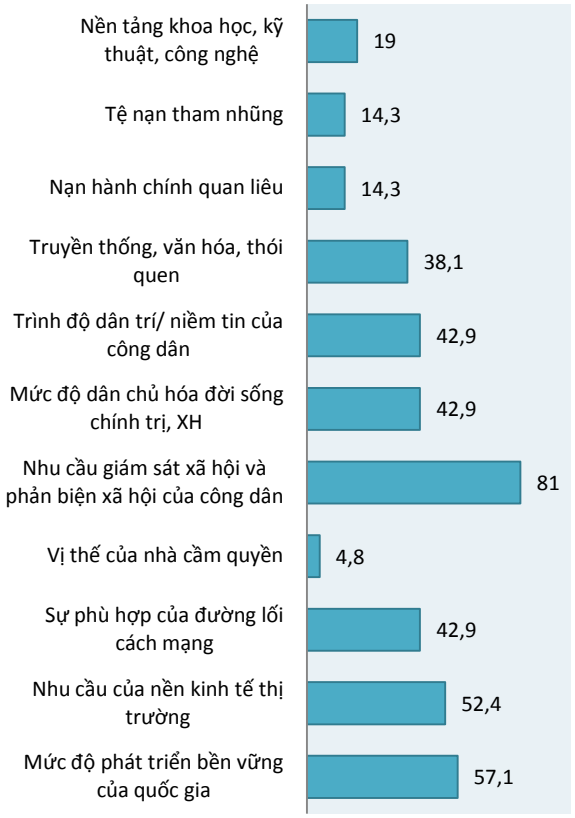

NHÓM XHNN

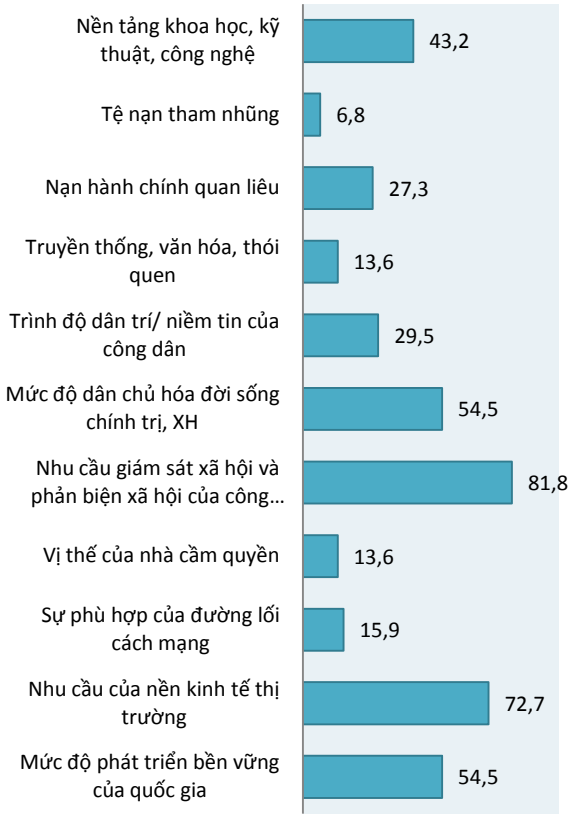

NHÓM INGOs/VNGOs

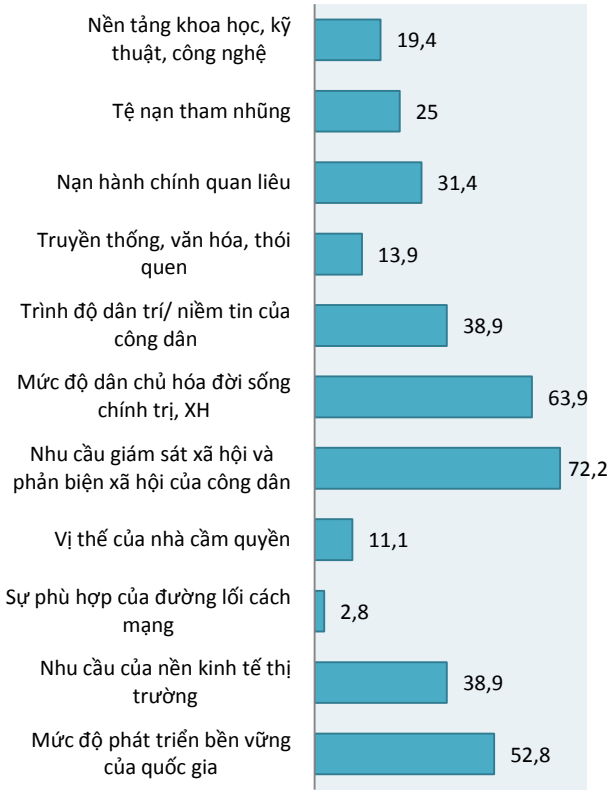

NHÓM CBOs

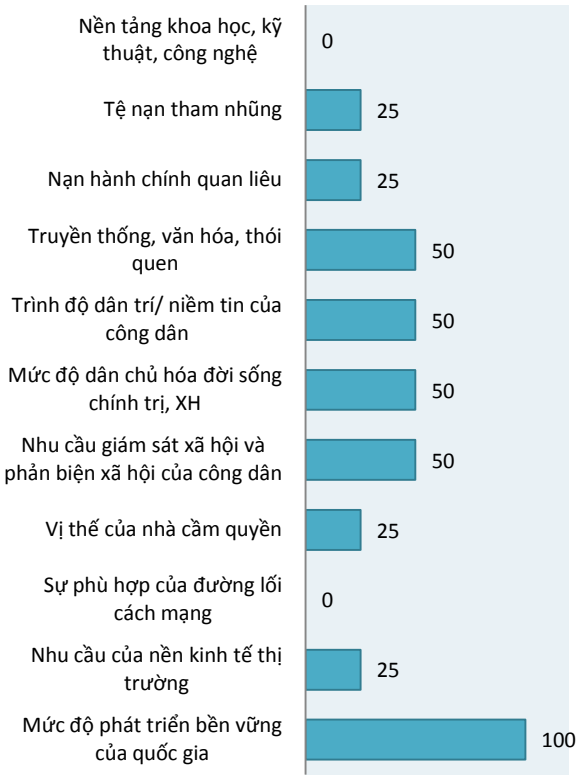

Phụ lục 3. 10: Các điều kiện Nhà nước cần đảm bảo cho quyền lập Hội

NHÓM CTXH/CTXHNN

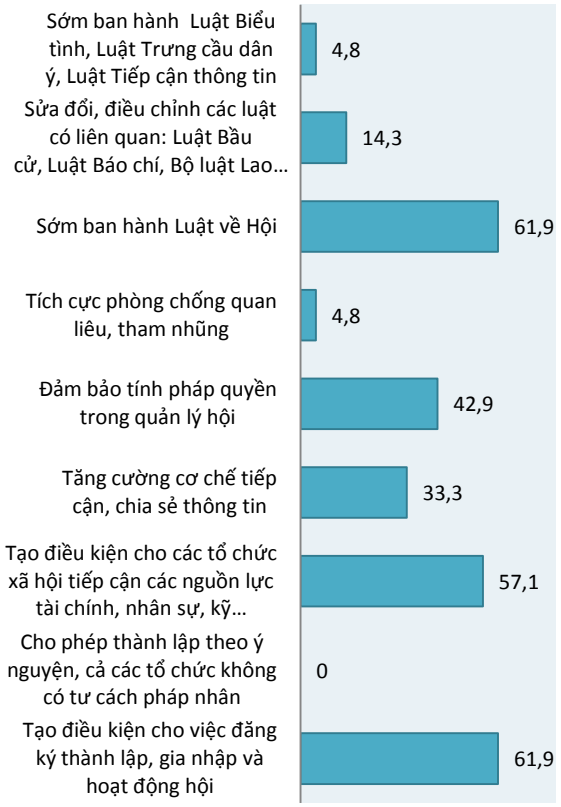

NHÓM XHNN

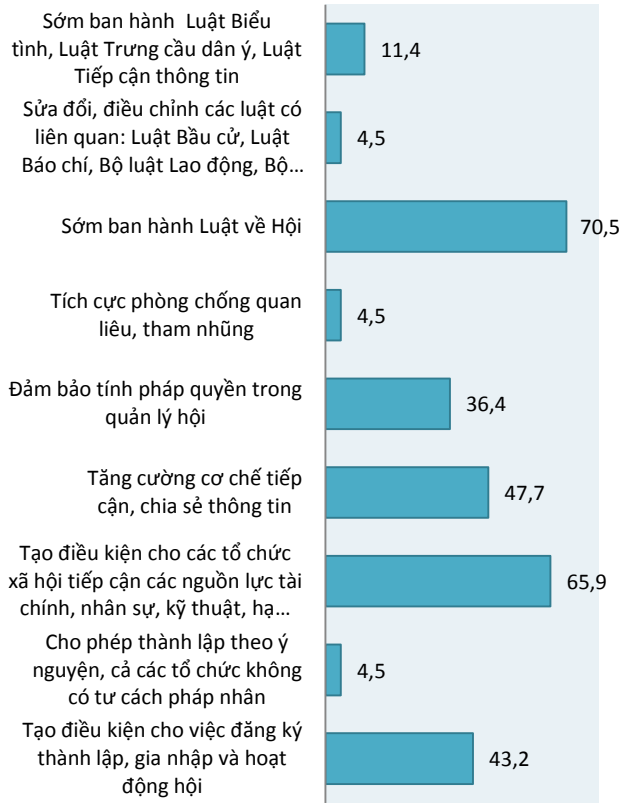

NHÓM INGOs/VNGOs

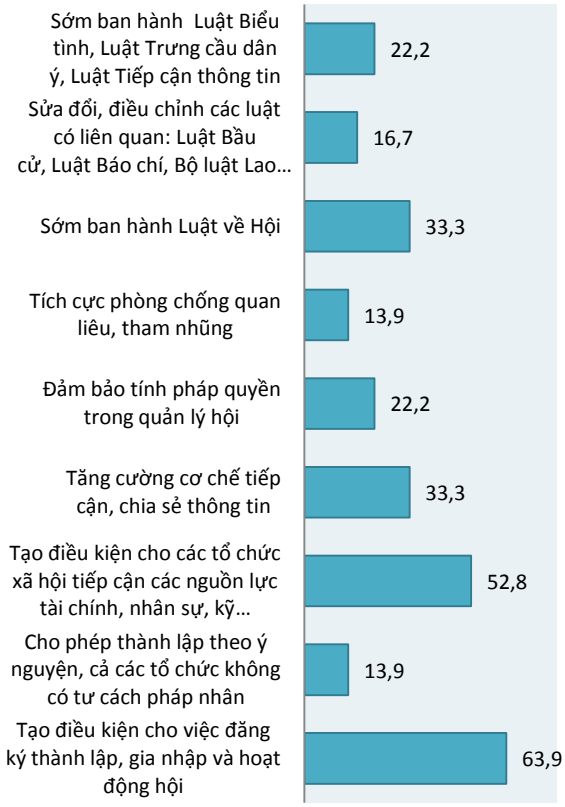

NHÓM CBOs

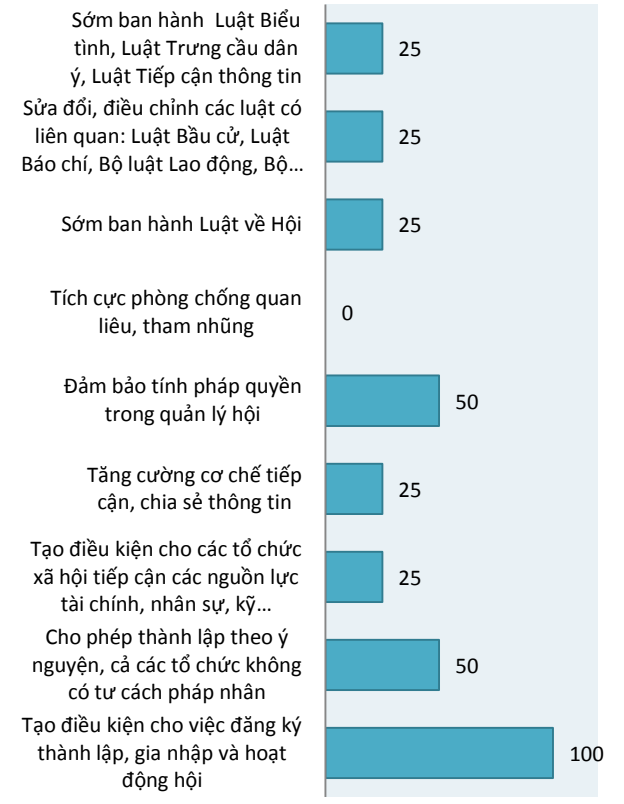

Phụ lục 3. 11: Mức độ nắm bắt đối với nội dung một số văn bản pháp luật về Hội

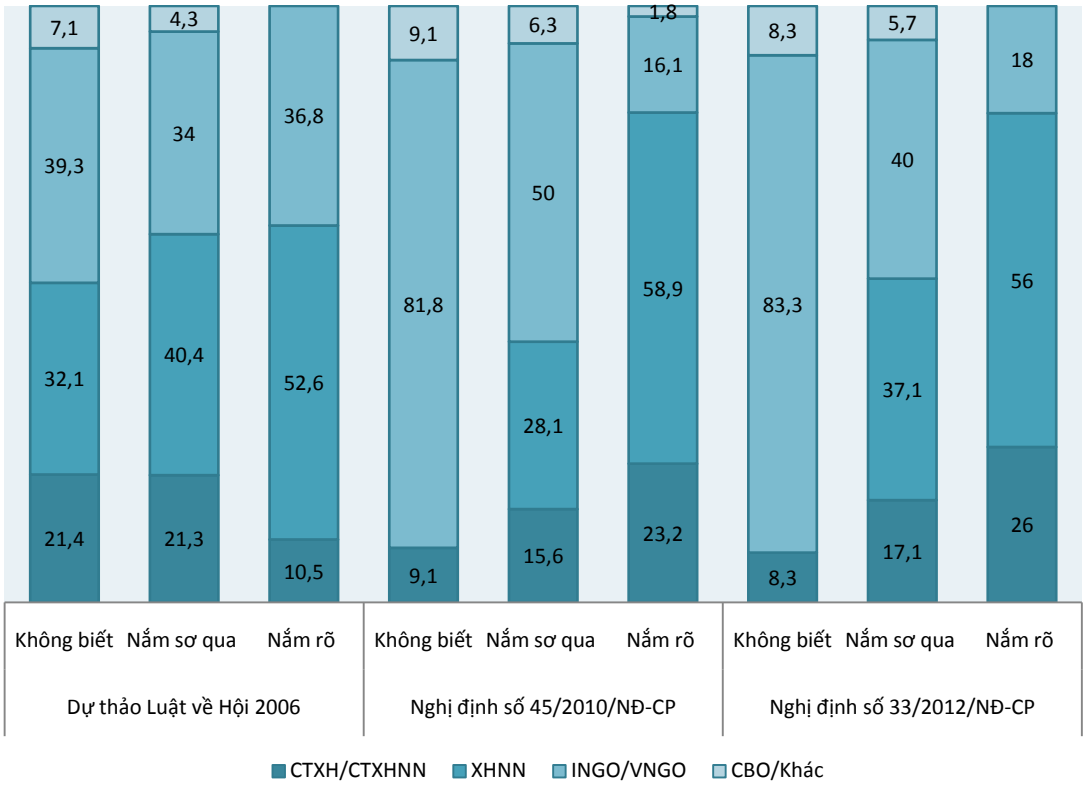

Phụ lục 3. 12: Đánh giá nội dung một số văn bản pháp luật về Hội

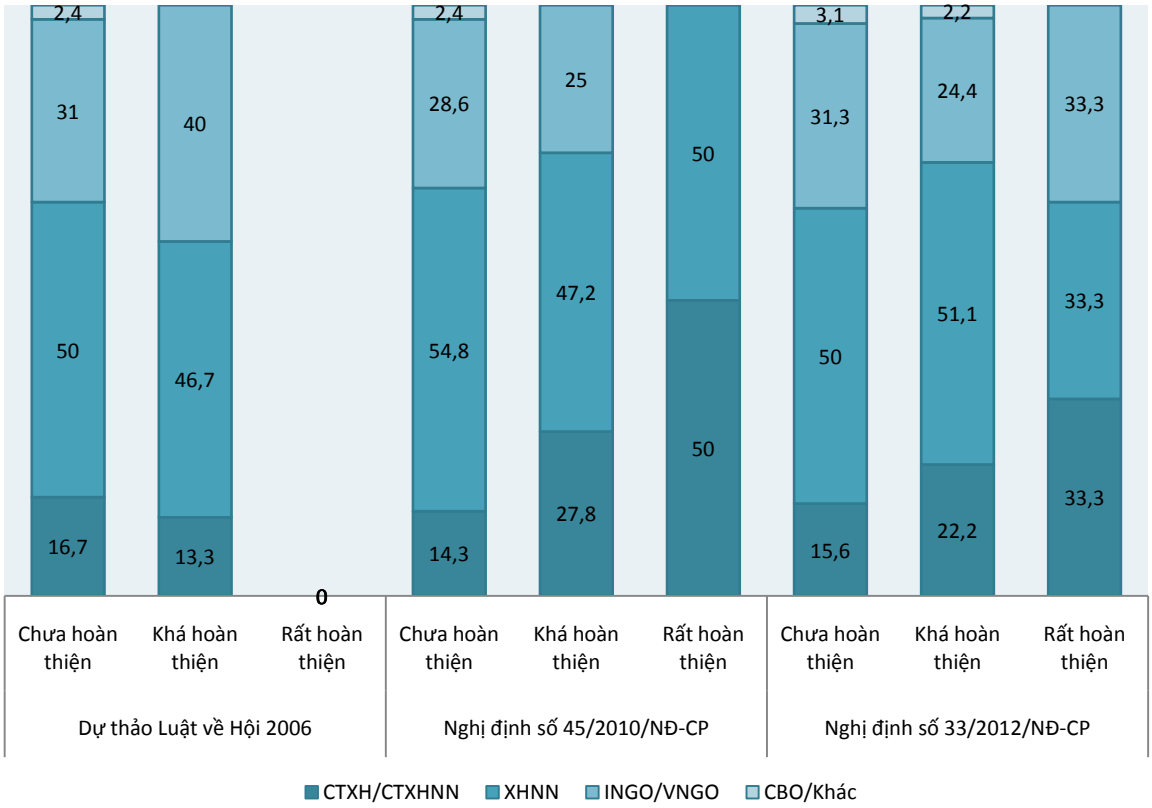

Phụ lục 3. 13: Các nội dung cần làm rõ trong Luật về Hội

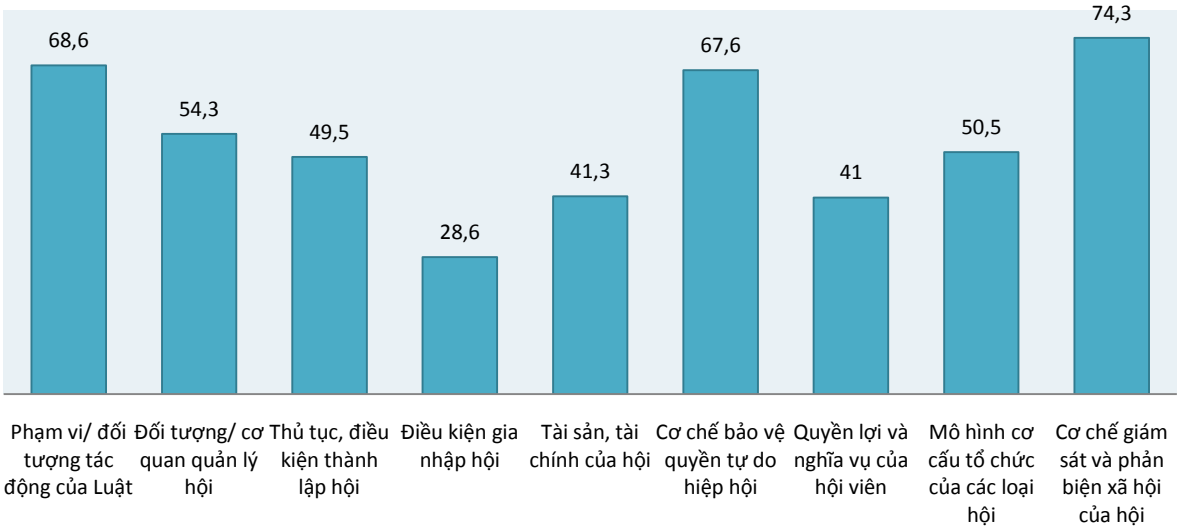

Phụ lục 3. 14: Loại hình tổ chức nên đưa vào phạm vi điều chỉnh của Luật về Hội

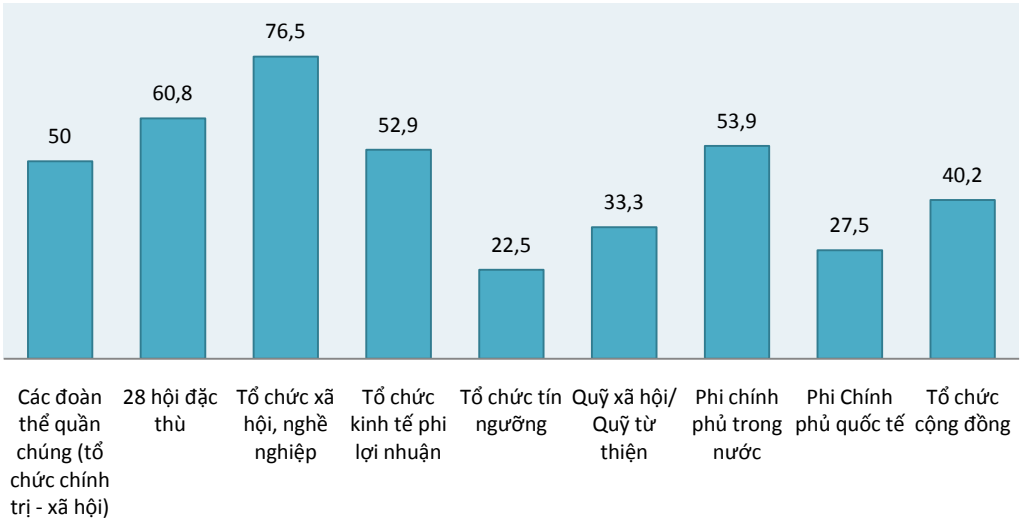

Phụ lục 3. 15: Tỷ lệ ủng hộ xây dựng một Luật về Hội chung

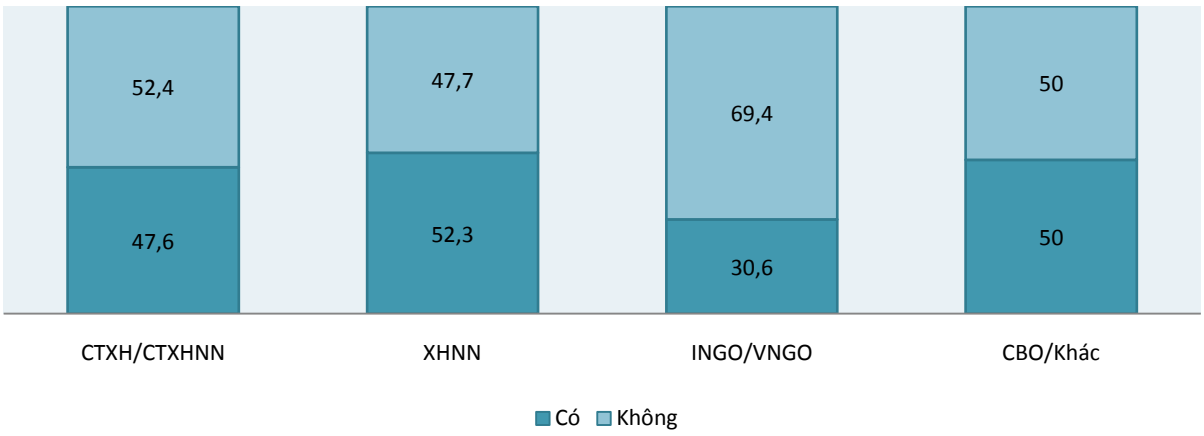

Phụ lục 3. 16: Lý do nên chia tách Luật về Hội

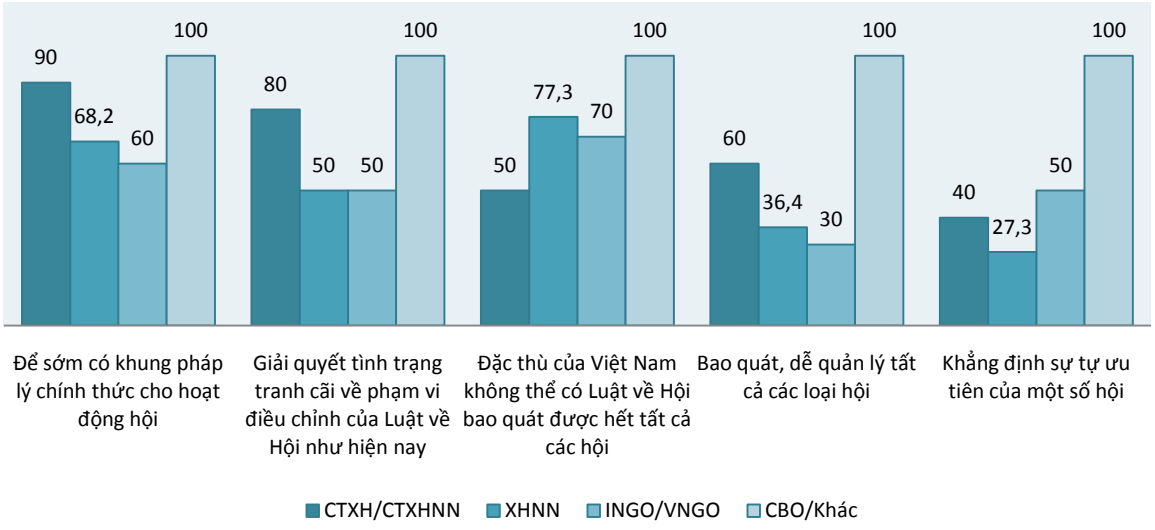

Phụ lục 3. 17: Lý do không nên chia tách Luật về Hội

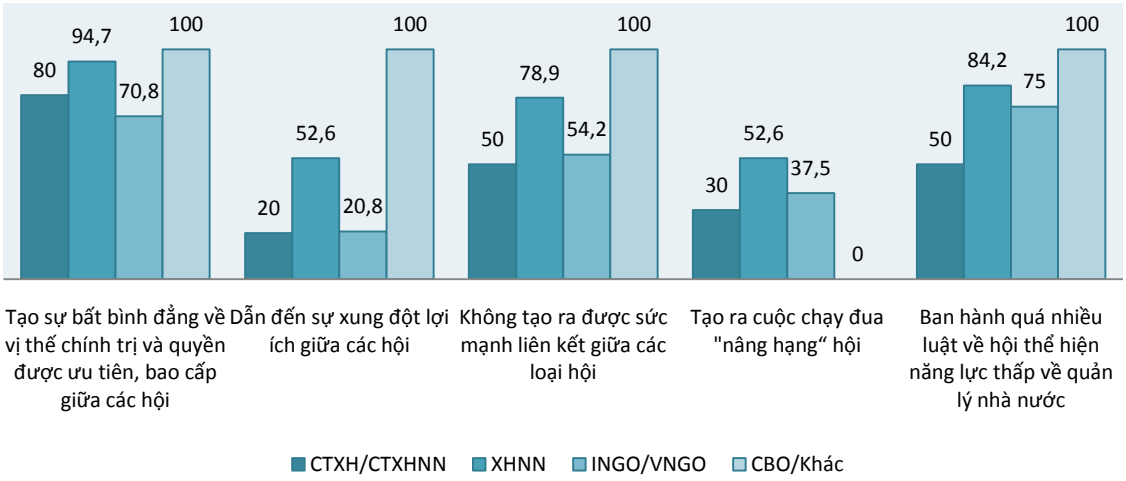

Phụ lục 3. 18: Những nội dung thông tin cần được quy định trong điều kiện, quy trình thành lập hội

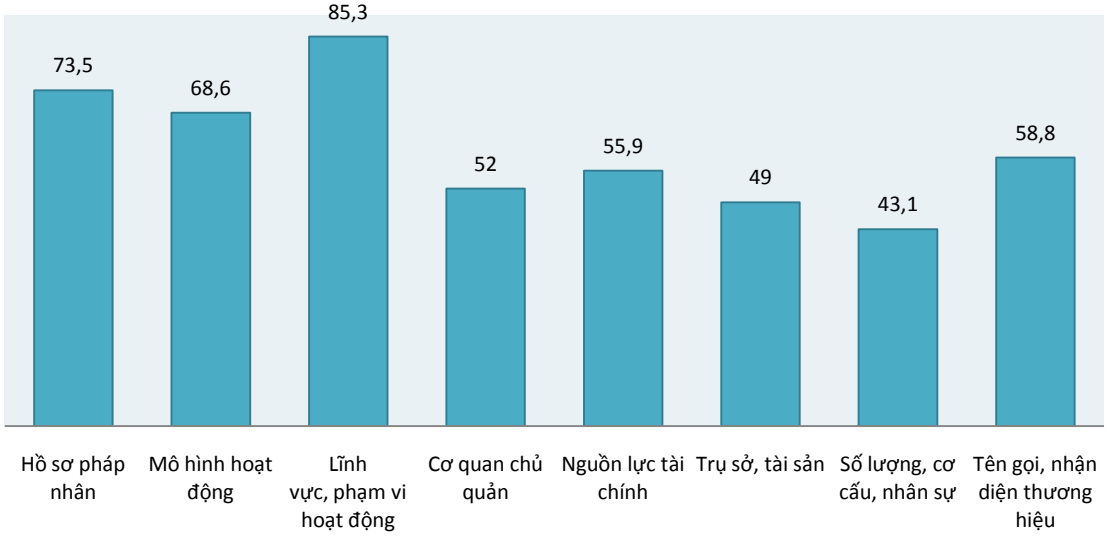

Phụ lục 3. 19: Chủ thể nên chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về Hội

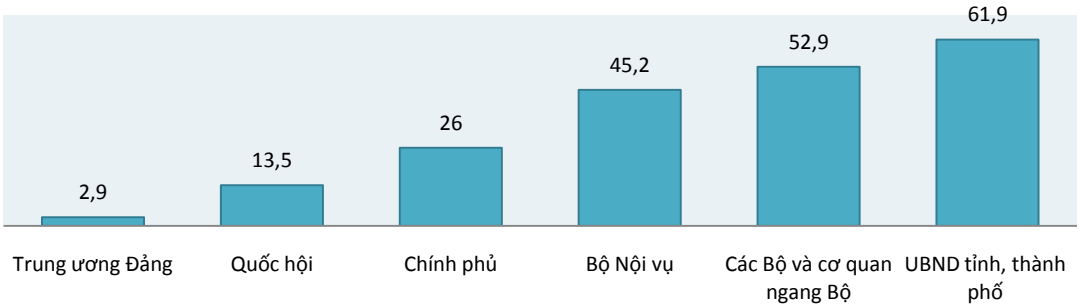

Phụ lục 3. 20: Tỷ lệ ủng hộ việc có cơ quan chủ quản về Hội

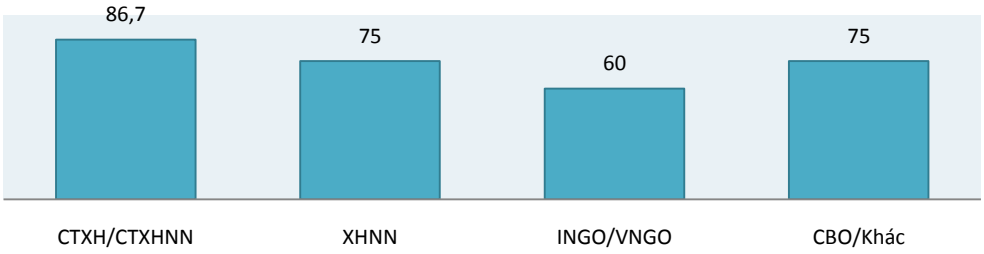

Phụ lục 3. 21: Cơ quan chủ quản của hội

NHÓM CTXH/CTXHNN

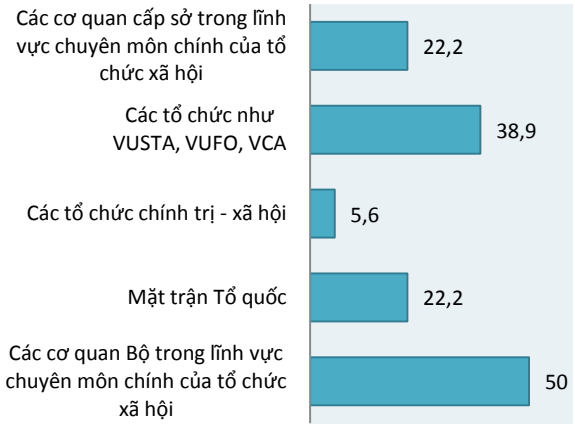

NHÓM XHNN

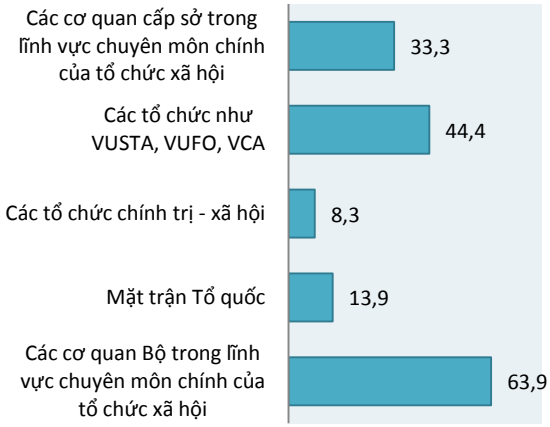

NHÓM INGOs/VNGOs

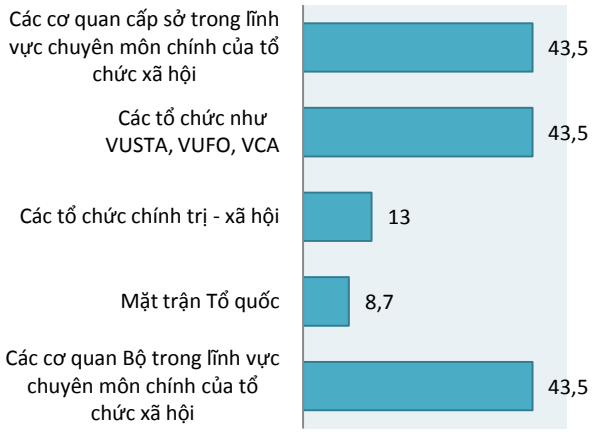

NHÓM CBOs

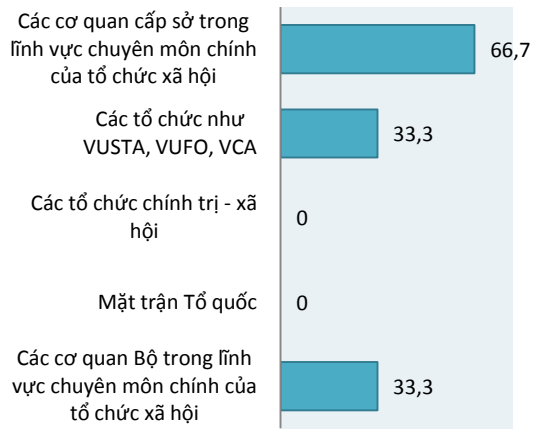

Phụ lục 3. 22: Cơ quan nên được giao trách nhiệm soạn thảo Luật về Hội

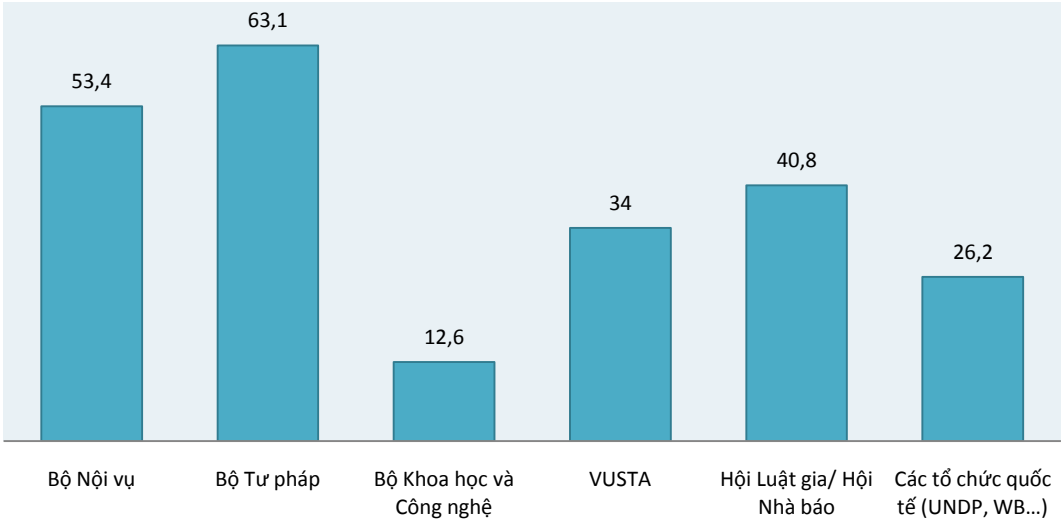

Phụ lục 3. 23: Gợi ý cho việc vận động Luật về Hội

STT	Gợi ý	Tỷ lệ
1	Tập trung vào quyền thành lập, gia nhập hội của người dân hơn là bình đẳng giữa các hội	46.9
2	Xác định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng chủ yếu gồm các hội, tổ chức Phi Chính phủ, Tổ chức cộng đồng, và các quỹ	54.5
3	Gắn vào các cuộc thảo luận về ngân sách công, chi thường xuyên, hiệu quả của hệ thống các hội quần chúng	24.2
4	Tìm bằng chứng thực tế Việt Nam để vận động, hơn là chỉ tập trung vào nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế	39.4
5	Tiến hành đa dạng các hình thức vận động xã hội để nâng cao nhận thức người dân	49.5
6	Truyền thông đại chúng theo hướng phát triển và xã hội hóa dịch vụ công, hạn chế khiếm khuyết của kinh tế thị trường	52.5
7	Vận động trực tiếp với các cơ quan trung ương Đảng	30.3
8	Huy động, liên kết, tạo thành mạng lưới các tổ chức xã hội tham gia vận động	51.5
9	Huy động tài trợ của các tổ chức quốc tế	33.3